



TÂM THỊ

Ấn phẩm Văn hóa Chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa - Nha Trang

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỈNH KHÁNH HÒA CHÙA KỲ VIÊN TRUNG NGHĨA

160 Sinh Trung - Nha Trang - Hotline: 0898 129421

www.facebook.com/kyvientrungnghia - <http://www.chuakyvientrungnghia.com.vn>



Chủ Biên: THƯỢNG TỌA THÍCH HUỆ GIÁO

Ban Biên Soạn: CHÙA KỲ VIÊN TRUNG NGHĨA

Trưởng Ban Biên Soạn: NGUYỄN CHÁNH

Thư Ký: THỂ TƯỜNG

Sửa Bản In: DIỆU VĂN

Trình Bày: PHẠM XUÂN HUY

Ảnh: PHẠM ĐÌNH BỐN, NGUYỄN CHÁNH, DUY PHÁP, ĐẶNG MINH TUẤN, TRẦN VĨNH THỊNH

Ảnh bìa 1: CHI GIÁC THÔNG

Cộng Tác Viên Thường Xuyên:

Minh Tâm, Nguyễn Chánh, Nguyễn Sanh, T.n Giới Hương, Hạnh Huệ, Tâm Tấn, Vĩnh Hữu, Hữu Tuệ - Kiều Xuân Cảnh, Hoàng Minh, Trần Vạn Giả, Thích Tâm Như, Dung Nghi, Thích Giác Hiệp, Thích Nguyên Hạnh, Trịnh Vĩnh Thịnh. Cùng Chư Tôn Đức Tăng Ni Và Nhiều Nhân Sĩ Phật Tử Khác.

Tâm Thị tập 39 đã nhận được nhiều bài viết, tranh ảnh của quý độc giả và cộng tác viên xa gần. Vì giới hạn ấn phẩm **Tâm Thị** chưa sử dụng hết bài và tranh ảnh của quý vị, sẽ tiếp tục sử dụng trong những ấn phẩm **Tâm Thị** sau. Mong quý vị thông cảm.

Quý độc giả và cộng tác viên có bài viết, tranh ảnh cho **Tâm Thị 40** xin gửi về Email: chuakyvientrungnghia@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu – Hà Nội – ĐT: (84.024). 39434044 - 62631719

Fax: 024.39436024. Website: nxbthanhnien.vn;

Email: info@nxbthanhnien.vn

Chi nhánh: 145 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 62907317

Website: nxbthanhnien-cn.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên Tập: **LÊ THANH HÀ**

Biên tập: **TẠ QUANG HUY**

Liên kết xuất bản: **TRỊNH THỊ CẦY**

29 Phan Xích Long, Phường 3, Phú Nhuận

In 1000 cuốn khổ 20,5 x 29 cm tại Công ty in ấn Tín Long 279/2 Huỳnh Văn Bánh, 243 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh

Đăng ký KHXB: Quyết định xuất bản số: ngày

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2019. ISBN:



Trong tập này

TẢN VĂN

- 5 Bảo Sơn mùa lá rụng
- 21 Tri âm
- 35 Chớm xuân
- 73 Tìm được một bức thư xưa quý giá
- 79 Vườn xuân

THƠ CA

- 12 Xuân an lạc
Xứ huyền
- 13 Chùm thơ lục bát của Trần Vạn Giã
- 18 Lạy Phật nơi Bồ Đề Đạo Tràng
- 54 Ngưỡng vọng Từ Đàm
- 55 Tình quê
- 56 Lạy Phật lên đỉnh Linh Sơn
- 66 Chùm thơ lục bát của Phan Xuân Thiện
- 68 Những ngày xuân lạc
- 70 Hoa huệ mùa xuân
- 71 Phật pháp trường tồn
- 74 Nương bóng bồ đề
- 75 Qua lễ đường
- 76 Từ đường mừng một tết
- 77 Ừ thì tết đến xuân sang
- 80 Chùm thơ đường luật

PHÁP LUẬN

- 9 Phật giáo và văn hóa Ấn Độ
- 15 Giá trị lợi ích của sự thành đạo
- 25 Vì sao ta quy y?
- 53 Ngày tháng qua mau

SUY NGHIỆM LỜI PHẬT DẠY

- 36 Chạy trốn
- 44 Trung thực

SỬ LUẬN

- 39 Tôn giả Sivali vị thần tài lộc bậc nhất
Trong hàng thánh tăng Phật giáo

TRIẾT LUẬN

- 47 Thành công - Thành đạo

THIỀN TẬP

- 59 Tính chất của chánh niệm

DANH TẶNG PHẬT GIÁO

- 62 Danh tăng Việt Nam sinh vào năm tý

SINH HOẠT NỘI TỰ

- 82 Huý kỵ Hoà Thượng khai sơn
- 86 Đại tường Hoà Thượng Thích Trí Viên
- 90 Xây dựng chùa Kỳ viên Khánh Phú
- 94 Danh sách Phật tử ấn tống (11)

Lời nói đầu

Từ-Bi Hỷ-Xả là bốn tâm rộng lớn luôn hiện hữu trong tạng thức của mỗi chúng sanh. Khi các tâm này được hiển lộ, có mặt trong mỗi con người, thì chắc chắn các phước lành trong mỗi tương quan, tương duyên đời sống sẽ được lan tỏa, tưới tắm niềm an lành khắp muôn nơi.

Để hiển lộ được bốn tâm rộng lớn này, đã có sẵn trong tâm thức của con người, không phải đơn giản, chỉ khi sự tỉnh thức có mặt thì các thức lành có mặt. Như thế, sự giác ngộ là đỉnh điểm tuyệt đối của tâm thức giác ngộ, chỉ có sự giác ngộ mới có đủ yếu tố phát sanh muôn công đức lành.

Sự giác ngộ của đức Phật cách đây hơn 2500, vẫn là ánh sáng tuyệt đối, đủ khả năng phá tan các màn vô minh đen tối bao phủ cuộc đời, không có một ánh sáng nào của thế giới vật chất có thể so sánh bằng.

Ánh sáng này, không những đủ để dẫn lối con người vượt qua những con đường đen tối, mà còn giúp chúng sanh mở bừng tâm trí để nhận biết vạn pháp là một sự vi diệu nhiệm màu luôn luân chuyển.

Mùa xuân là khởi điểm cho tất cả các mùa biến đổi và cũng là khởi đầu cho một chu kỳ mới trong năm, với biết bao nhiêu hoài bão tươi sáng được mở ra. Và theo đó, lòng người khó cưỡng nổi sự thay đổi của các pháp. Là người con Phật, sự hướng thượng và mọi ý nghĩa tốt đẹp luôn nghĩ đến mình và các loài chúng sanh, luôn được trân quý.

Ban Biên soạn Tâm Thị kính chúc liệt quý vị, năm mới tràn đầy yêu thương và an lạc.

Ban biên tập

Bảo Sơn

Mùa Lá Rụng

Huệ Giáo

Mỗi khi lá cây Plum rơi rụng ngoài sân, vàng khắp hiên chùa, cũng chính là giao điểm chuyển mùa trong năm. Một mùa đông chuẩn bị vượt ngang qua thời gian. Tại Mỹ, mùa đông có nhiều lễ hội lớn, bao gồm lễ Tạ ơn (Thanksgiving Day), mùa mua sắm (Black-Friday), Giáng sinh và rồi mùa xuân sẽ đến.

Đã chín mùa lá rụng đi qua kể từ khi chúng tôi đặt chân đến vùng đất mới này. Lúc ấy, dân còn thưa thớt nhưng đủ tiện nghi trong các sinh hoạt thường nhật. Thời gian chín năm tuy không dài, nhưng đã giúp rất nhiều người nơi đây thêm trưởng thành việc đạo lẫn việc đời. Cây lá ở đây cũng đủ sức để tung hoa hòa quyện với đất trời. Nhớ những ngày đầu chúng tôi về Bảo Sơn, nơi đây là một mảnh đất khô đại, thiếu hoa và lá, bóng mát hiếm hoi, giữa mùa hè thì nắng nóng bỏng rát, mùa đông quá buốt giá. Cái lạnh bởi khí núi bao phủ tiết ra, lạnh bởi lịch quý đạo, chứ không hẳn cái lạnh từ sương tan, tuyết bạc. Nhưng sự yên tĩnh của không gian và sự giản đơn của Bảo Sơn đủ để giữ chân những kẻ thích lữ hành cô độc, và nơi tĩnh tâm phù hợp cho những ai cần có thời gian tịnh dưỡng, để dung tiếp năng lượng. Tiết trời se lạnh hiếm hoi vào mỗi buổi sáng mùa

hè, thật cần thiết đến khó cưỡng, làm cho Bảo Sơn đầy thêm hương vị của núi rừng. Mờ mờ ảo ảo khi ban mai chớm mọc, ngổn như Bảo Sơn đang nằm giữa núi xanh bao phủ, mây trắng cuộn tròn. Lưng tựa núi, suối liền đường và phía trước là phố thị cờ hoa. Bảo Sơn yên tĩnh, thi vị biết nhường nào.

Những hàng cây Plum đã qua tay biết bao nhiêu người chăm sóc cẩn thận, tưởng chừng đã bao lần muốn ngã quy, không vượt qua nổi những tháng ngày gắt nắng, đêm đông sương nặng. Những đám cỏ hoa mười giờ trải dài như thảm, được vun vén, tưới tắm vào những ngày nắng lên và cứ thế mỗi ngày vườn hoa lá Bảo Sơn lớn lên trong tình thương yêu của đồng loại. Nhà chẳng của ai, cây cũng không của riêng mình, hiểu được thế nên Bảo Sơn mới có lá rụng sau thu và hoa nở vào xuân, trắng hồng, đỏ tím quện chặt vào nhau chen sắc thắm.

Chín mùa lá rụng đi qua, biết bao hình bóng của con người đã đọng lại vô tình trên nền xi măng, những dấu chân in lại đã trở nên vàng úa, để lại nhiều dáng vẻ nứt nẻ đầy hình thù thương ghét. Trong muôn vàn bóng dáng ấy, không hẳn chỉ có sự bình an dần trải, nó vẫn xen lẫn những hỉ nộ ái ố thường tình. Thế mới biết đời người và thế sự là như thế đó.

Trong sự tịch mịch cô liêu, Bảo Sơn vẫn âm thầm nuôi dưỡng ước mơ của nhiều người. Ai cũng có ước mơ. Ước mơ của thiện lành, ước mơ được trưởng thành trong thánh đạo, và có được sự an vui thật sự trong bản thể chân như. Hoài bão đó là con đường tự hoàn thiện và xây dựng; Con đường phụng sự và chí nguyện viên thành Phật đạo. Đạo Phật là con đường tỉnh thức và trở về với tự tánh viên minh. Con đường này chỉ có hoa trái giác ngộ là cứu cánh của một kết quả khổ công tu luyện, chiến thắng ma quân nghiệp lực và phiền não. Ngoài ra, không có một phần thưởng nào xứng đáng, để trao tặng cho những chiến sĩ vô danh, đang ngày đêm âm thầm gắng công vượt lên chính bản thân mình. Thắng ngàn quân địch không phải là thắng mà chiến thắng chính mình

là chiến công vẻ vang nhất, đó là lời kinh mà người học đạo luôn được nhắc nhở, trong lộ trình tiến tu giải thoát.

Kẻ trượng phu một khi cất bước ra đi, dẫn thân vào phương trời cao rộng, chuyển tải chí nguyện thượng thừa là trên cầu Phật đạo, dưới làm lợi lạc, hạnh phúc cho chúng sanh. Người xuất gia tu học, không phải chỉ để tâm vào cơm áo gạo tiền, nhỏ hẹp trong các ngõ đi lối về. Đạo Phật không cần thiết phải có sự hào nhoáng; Sự lộng lẫy của một quy trình lễ hội; Sự quy mô diễn giải cú ngữ, từ chương mà chính là sự miệt mài khắc kỷ, tri túc thanh bần giữ đạo. Chính ngay sự vững chãi của đạo tâm này, trong lối sống giản đơn, thuần chất, đạo Phật mãi tồn tại với thời gian và đậm sâu trong tâm thức của con người. Đạo Phật đã hiện hữu theo thời gian khá lâu, dù các pháp vẫn luôn trong quy trình sanh diệt, thịnh suy. Đạo Phật không bao giờ mất đi hay thêm bớt, bởi những lo toan vụn vặt của sự biến thiên vô thường. Sông thì có lúc cạn, thác nước có gào thét tuôn đổ cuộn cuộn ngày đêm, Phật tâm của con người vẫn cứ hiện hữu trong tâm thức và ẩn hiện lung linh giữa chốn ba đào.

Và như vậy, dù đi đâu về đâu, mỗi khi những người con Bảo Sơn trở lại chốn này, sự bình yên ngày đầu ấy tràn về, vẫn làm xao xuyến tình người. Thịnh suy là bản chất của cuộc đời và của vạn pháp, trong pháp tính trùng trùng duyên khởi sự vật biến thiên nhưng sự hiện tồn tương duyên của các pháp là minh chứng của nguyên lý này.

Bước vào đông, trời bắt đầu mưa nặng hạt, nước các nơi đổ dồn về con suối nhỏ bên đường, tràn ngập những khe đá mà thường ngày trở trời khô cằn với nắng hạ, gió lạnh ngày đông cũng theo đó hòa quện trong hai sắc màu đen tối, để muốn nói rằng, thật giả luôn hiện hữu song hành giữa cuộc đời, trong một tổng thể nhứt như. Người học đạo, khổ công, nỗ lực ngày đêm trong các pháp, mục tiêu không gì khác hơn là phải thấy được điều này.

Bảo Sơn, những ngày cuối đông...



PHẬT GIÁO và Văn hóa **ẤN ĐỘ**

TT. Thích Giác Hiệp chuyển ngữ

Theo cách nói của bà Rhys Davids, sự ra đời của Đức Phật là “Một sự kiện quan trọng trong lịch sử tư tưởng nhân loại”, và Ngài là “Một người được mọi người tôn kính như ánh sáng của châu Á và thế giới”. Đúng như thế, tư tưởng của Đức Phật Thích-ca đã tạo khuôn mẫu cho cuộc sống của hàng triệu tín đồ khắp thế giới trong khoảng 26 thế kỷ qua. Với đức tính cao quý, trí tuệ và sự vĩ đại, Ngài được tôn vinh như một vị đạo sư vô tỷ.

Đức Phật là một nhà truyền giáo, một vị Thầy tâm linh và cũng là nhà cải cách xã hội vĩ đại. Trước khi Ngài ra đời, luật lệ tôn giáo xã hội ở Ấn Độ, như được thấy trong văn chương Vệ-đà, truyện cổ tích, chuyện tiền thân và các nguồn khác, rất hà khắc, chia rẽ, áp bức và dã man đối với số đông quần chúng. Dĩ nhiên, sắc dân Arya có tín ngưỡng tôn giáo, nhưng về mặt đạo đức họ chỉ có những phong tục của bộ tộc. Ngoài ra, họ không tôn trọng giá trị đạo đức khác. Vào thời kỳ đó, chế độ nô lệ được xem là bình thường. Trái ngược với nguyên lý tự do niềm tin, trẻ em của giai cấp nô lệ thường chịu chung thân phận với cha, mẹ. Vai trò của phụ nữ không được coi trọng. Về mặt giáo dục, mọi người, số đông tầng lớp trung lưu và hạ lưu của xã hội, bị gạt bỏ những quyền lợi của họ. Giai cấp Bà-la-môn và vua chúa đã độc quyền. Trong tất cả cộng đồng, địa vị giai cấp Thủ-đà-la (Sudra) là tồi tệ hơn hết. Họ phải tôn kính giai cấp cao hơn qua một số luật lệ dã man. Nếu họ học, tụng Vệ-đà, lưỡi của họ bị cắt; nếu họ phỉ báng một người giai

cấp cao hơn hoặc bày tỏ thái độ giận dữ đối với giai cấp cao, họ sẽ bị đâm vào họng bằng một roi sắt nóng. Chẳng những thế, toàn bộ cấu trúc xã hội dựa trên nguyên lý bất bình đẳng. Những luật lệ dã man trên được áp dụng nhằm bảo vệ quyền lợi và đặc ân của giai cấp cao. Ngay cả việc trừng phạt người phạm tội cũng dựa trên nguyên tắc bất bình đẳng, đa số là giai cấp nghèo còn thiểu số là giai cấp Bà-la-môn.

Đức Phật chống lại những luật lệ xã hội dã man như thế. Ngài tuyên bố triết lý tự do, bình đẳng và thân thiện mới. Triết lý đó đem lại lợi ích chung cho số đông. Một cách xác thực, Đức Phật là người đầu tiên đả phá thành lũy đặc quyền, hệ thống giai cấp, chủ nghĩa nghi thức, cuồng tín tôn giáo, mê tín và si mê. Đức Phật giảng giải triết học siêu việt của tình hữu nghị và bình đẳng toàn cầu qua mọi phương diện. Do vậy, Đức Phật là người tạo ra các giá trị đạo đức như: tự do cá nhân, khoan dung, thông cảm, từ bi, bất hại (ahimsa), nhân từ, phục vụ và hy sinh.

Không cần diễn tả, Đức Phật chống đối mạnh mẽ hệ thống giai cấp. Cánh cửa Tăng đoàn mở rộng cho tất cả, bất chấp địa vị xã hội. Ngài dạy tất cả mọi người đều có khả năng chứng đạt Niết-bàn. Chẳng những thế, Ngài tiến thêm những bước thực tiễn nữa để loại bỏ những sai lầm trên. Những bước tiến này là: không chấp nhận những điều phi lý, cho dù chúng được ghi trong thánh điển, được ủng



hộ bởi những người có uy tín, huyền thoại cao siêu của Bà-la-môn. Ngài khuyến khích phá bỏ những điều luật sai lầm trên bằng cách thọ trai tại các nhà thí chủ; và bình đẳng trong thu nhận giai cấp thấp vào Tăng đoàn. Ngài nói, “giá trị” không phải “sinh ra” mà “giá trị” là phẩm chất của con người qua tu tập.

Hiển nhiên, nhờ giáo lý từ bi của Đức Phật mà người Ấn đã chuyển sang ăn chay. Vua A-dục, vị hoàng đế Phật giáo đầu tiên, cũng là vị vua Ấn Độ đầu tiên tuyên bố tính thiêng liêng của cuộc sống thú vật. Ông ra lệnh dân chúng tránh giết hại thú vật để tiêu khiển hay tế lễ. Harsha, vị hoàng đế Phật giáo sau cùng, sau khi lên ngôi ông đã ban hành sắc lệnh cho dân chúng không được ăn thịt. Sau này, dựa trên quan điểm của Phật giáo, thánh Vaisnava và Saiva truyền giảng thuyết ăn chay.

Giáo dục ở Ấn Độ thời kỳ trước Phật giáo có hai điểm đặc trưng: 1) Chỉ giới hạn ở giai cấp cao của xã hội, chính yếu là Bà-la-môn và vua chúa, và 2) Chủ yếu dựa trên một vị thầy với một nhóm nhỏ học trò, hệ thống nhà thầy giáo (gurugraha). Phật giáo đã cải cách cả hai khuynh hướng này. Phật giáo mở rộng học vấn cho tất cả và giới thiệu hệ thống tổ chức trường học trong tu viện. Những tu viện mang hình thức viện giáo dục sau này trở thành những trường đại học nổi tiếng, như: Nalanda, Valabhi, Vikramasila, Jagaddala và Odantapuri. Giáo dục trong những tu viện đại học này không chỉ đào tạo tu sĩ mà còn đào tạo các học giả nổi tiếng, có vị trí trong văn hóa học thuật. Hàng ngàn học trò đến học, chẳng những từ các vùng khác nhau của Ấn Độ mà còn từ các nước khác. Như vậy, ở Ấn Độ Phật giáo đã tiên phong trong việc thiết lập hệ thống giáo dục và hệ thống thư viện theo nghĩa hiện đại. Những thư viện nổi tiếng đã tồn tại trong Tỉnh xá Phật giáo ở Nalanda, Valabhi, Vikramasila, Jagaddala và Odantapuri.

Ngay sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, việc thờ Xá-lợi trở nên thịnh hành. Khuynh hướng tôn thờ này đã phát sinh ra nghệ thuật điêu khắc bởi vì người ta nghĩ cần phải có hình tượng trước mặt để họ lễ bái và bày tỏ lòng

thành kính. Trong những giai đoạn đầu, Đức Phật được diễn tả thông qua các biểu tượng. Đoàn sanh của Ngài được diễn tả bằng cảnh hoàng hậu Maya trên hoa sen với con voi trắng đang đi đến bên bà. Sự xuất gia của ngài được diễn tả bằng một con ngựa không có người điều khiển, sự giác ngộ là một mô đất trống dưới cây Bồ-đề. Cảnh chuyển Pháp luân được diễn tả bằng một bánh xe. Trên các chiếu chỉ khắc trên các trụ đá của vua A-dục, voi là biểu tượng Đức Phật. Các trụ đá của vua A-dục với những con sư tử, bò v.v... là những kiệt tác của nghệ thuật Ấn Độ thời kỳ đầu. Truyền thống do vua A-dục phát khởi được kế tục bởi các Phật tử. Vào thế kỷ thứ II trước Tây lịch, nghệ thuật Phật giáo bước vào một giai đoạn hoạt động sôi nổi. Mỹ thuật điêu khắc trên lan can và cổng tháp ở Sanchi, Bharut (Trung Ấn), Amaravati và Nagarjunakonda (tiểu bang Andhra Pradesh) thuộc giai đoạn này. Quả thật Đại tháp Phật giáo ở Bharut là kiểu điêu khắc sớm nhất tìm thấy ở Ấn Độ, còn lại cạnh nền Văn minh thung lũng Indus. Trong triều đại vua Kanisha (thế kỷ I Tây lịch) điêu khắc tượng Phật cũng trở nên thịnh hành. Hai trường phái nghệ thuật và điêu khắc quan trọng của Phật giáo là Gandhara và Mathura. Viện bảo tàng Mathura còn lưu giữ những kiệt tác của trường phái nghệ thuật Mathura. Các tượng Phật được điêu khắc ở Mathura vào thế kỷ thứ V Tây lịch được xem là sáng tạo vĩ đại nhất của nghệ thuật Ấn Độ. Một ví dụ khác về sự huy hoàng của nghệ thuật Phật giáo, đó là các hang động Ajanta-Ellora nổi tiếng thế giới. Những hang động đá được điêu khắc lộng lẫy với những bức tranh họa xinh đẹp trên tường, cột và trần. Chúng là những di sản giá trị nhất của nghệ thuật Ấn Độ cổ đại.

Trong nghệ thuật hoặc trong kiến trúc, câu chuyện Ấn Độ cổ đại bắt đầu từ Phật giáo. Kiến trúc Phật giáo chú trọng vào ba điểm: đỉnh tháp, bái điện và hang động đá. Những loại này được phát hiện nhiều nơi khắp nước và là một nguồn cảm tác cho các kiến trúc sư hiện đại. Kiến trúc và nghệ thuật nổi tiếng của cổng Sanchi, cửa sổ hang động Ajanta ảnh hưởng đến thời hiện đại qua kiến trúc các tòa nhà chính phủ và cá nhân.

Sau khi được độc lập, các nhà lập hiến quay về lịch sử để tìm ra một ý tưởng, họ không thất vọng. Phật giáo có tất cả những gì họ muốn. Họ đã lấy biểu tượng “Sư tử” trên trụ đá của vua A-dục tại Sarnath là biểu tượng của quốc gia. Biểu tượng bánh xe pháp (Dharma-Chakra) được đặt giữa quốc kỳ. Họ cũng chấp nhận khái niệm một quốc gia thế tục và phúc lợi được thuyết giảng bởi vua A-dục. Triều đại A-dục thật sự là một triều đại thịnh vượng. Ước muốn duy nhất của vua A-dục là giúp cho mọi người an lạc trong hiện tại cũng như tương lai. Ông nói, “Đối với tôi không gì quan trọng hơn là đem lại phúc lợi cho mọi người.”

Phật giáo đóng góp rất nhiều cho tư tưởng Ấn Độ. Ảnh hưởng nhiều đến các học giả Hindu. Theo tiến sĩ Surendranath Das Gupta: “Hầu hết giáo lý cao siêu của Puranas có thể được tìm thấy trong Thánh điển Phật giáo. Phần nhiều các huyền thoại, câu chuyện của Puranas có nguồn gốc từ những chuyện Tiên thân và Thí dụ. Tất cả các tác phẩm về Yoga, như Vyasabhasya thật sự là một phiên bản Hindu hóa của Du-già Phật giáo.” Các tác phẩm Hindu nổi tiếng như Ramayana, Maha-Bharata và Bhagvad Gita chẳng những là hậu Phật giáo mà còn vay mượn Phật giáo trong nhiều khía cạnh. Ngay cả Sankara, triết gia Ấn giáo vĩ đại nhất ở thế kỷ thứ VIII, mượn triết lý Vedanta, biện chứng pháp từ giáo lý Phật giáo. Tiến sĩ Das Gupta đề cập tiếp, “Tôi rất kính trọng bậc thầy vĩ đại Sankara, nhưng khi phân tích cẩn thận bài viết của ông ta cho thấy một cách chính xác rằng phần lớn ông ta đã vay mượn giáo lý, ngữ cú, biện chứng pháp từ Phật giáo. Chẳng những Sankara mà còn nhiều đệ tử của ông ta như Sriharsa, Anandjnana... đã xây dựng Vendata thành một hệ thống triết học lý luận theo cách của ngài Long Thọ và một số học giả Phật giáo khác.”

Không nghi ngờ gì, Phật giáo đã để lại dấu ấn sâu đậm lên văn hóa Ấn Độ. Tiến sĩ S. Radhakrishnan, tổng thống thứ hai của Ấn Độ nói: “Phật giáo để lại một dấu ấn vĩnh viễn vào văn hóa Ấn Độ. Sự ảnh hưởng của nó có thể

thấy trên mọi mặt. Niềm tin Ấn giáo đã hấp thụ khía cạnh đạo đức tích cực của Phật giáo. Một khía cạnh mới cho cuộc sống, người dân Ấn có cách sống nhân từ với thú vật, trách nhiệm và nỗ lực cho cuộc sống cao hơn. Hệ thống Bà-la-môn giáo nhờ vào sự ảnh hưởng của Phật giáo đã phá bỏ phần nào các hủ tục.”

Tóm lại, Phật giáo đã có những đóng góp đáng kể trong nền văn hóa Ấn Độ như sau:

1. Bằng cách thuyết giảng “giá trị” không phải do “sinh ra” mà do chính phẩm chất con người, Phật giáo đã giúp nối lỏng hệ thống giai cấp nghiêm khắc.
2. Bằng cách mở rộng giáo dục cho tất cả, Phật giáo mở cửa cho sự phát triển của giai cấp thấp trong xã hội.
3. Bằng cách phá bỏ mê tín, niềm tin mù quáng, nghi thức và nô lệ tri thức, Phật giáo mở rộng phương trời tư duy của quần chúng và chuẩn bị nền tảng cho những cải cách xã hội.
4. Bằng cách thuyết giảng bất hại và từ bi, Phật giáo giúp cho mọi người ý thức giá trị cuộc sống và khiến họ xa rời các cuộc tế lễ đẫm máu.
5. Bằng cách thay thế đạo đức trước đây, Phật giáo diễn giải đúng chữ “pháp” đối với mọi người.
6. Tinh hoa của các Thánh nhân, học giả, thi sĩ và triết gia Phật giáo ảnh hưởng lớn đối với tư tưởng Hindu sau này.
7. Nghệ thuật và kiến trúc Ấn Độ đã bắt nguồn từ Phật giáo và đạt được thành tựu.
8. Thông qua Phật giáo, văn hóa Ấn Độ được truyền bá khắp Châu Á. Chính các nhà truyền giáo Phật giáo đã dưng cao ngọn đuốc văn minh và văn hóa Ấn Độ khắp nơi và biến văn hóa Ấn Độ thành nền văn hóa hàng đầu thế giới.

(Trích dịch từ: Ahir, D.C. Buddhism in South East-Asia. Delhi: Sri Satguru Publications, 2000)

Xuân An Lạc

HẢI ĐIỀN

Chùa làng năm mới đón xuân sang
Hòa thượng trụ trì mặc áo vàng
Lên điện khai kinh nghe thanh thoát
Trước thềm hoa nở bóng dương quang
Hồi chuông Bát nhã tâm thường lạc
Tiếng mõ công phu tạo phước an
Tín nữ thiện nam quỳ dâng lễ
Khói hương phảng phất quyện mây ngàn.

Xứ Huyện

HẢI ĐIỀN

Ta đi vào cõi tâm linh
Mây trời cho phủ tầm thình giữa vời
Khói hương quyện khắp muôn nơi
Đêm khuya cầu nguyện không lời chứng minh
Đọc kinh mình lại hỏi mình
Phải chăng hương lửa ba sinh kiếp này?
Nhang lòng phảng phất mờ bay
Xanh màu trời thắm Phương Tây diệu kỳ
Tâm thường hỷ xả từ bi
Đời thường vẫn nghĩ những gì thiệt hơn
Bát nhã là bỏ vọng chơn
Pháp môn Tịnh độ mở đường chúng sinh
Bản lai trở lại thấy mình
Minh tâm kiến tánh vãng sanh Niết bàn.



Chùm thơ Lục Bát

của Trần Vạn Giã

GỐI SÁCH

Sáng nay trời hết cơn mưa
Ra rừng chặt ngọn lau thưa làm chòi
Dựng lên bốn trụ luân hồi
Uống trà, gối sách mình tôi thả hồn.

TẾT GẶP CHÁU MỒ CÔI Ở CHÙA TÂM SỰ

Sinh cháu mẹ bỏ cổng chùa
Đời con như ngọn gió lửa mùa đông
Cứu nhân thầy đã bế bồng
Nuôi con thầy mở tấm lòng từ bi.

SAU CỔNG TAM QUAN

Chiều nay sau cổng tam quan
Mai vàng nở rục thầy đang hành trì
Nhẹ nhàng con bước chân đi
Chùa xưa, làng cũ khắc ghi trong lòng.

Giá trị lợi ích của sự THÀNH ĐẠO

Trung Nghi

Người tu học, ai trong chúng ta cũng muốn được có sự giác ngộ, thấy đạo. Đây là niềm tin lớn được nuôi dưỡng và tâm ý thiện lành để thúc đẩy suy nghĩ, hành động của mình đi trong đường đạo. Vậy, trong vô vàn ánh sáng xuất phát từ hào quang Giác Ngộ của Ngài, đã chiếu vào tâm tư chúng ta, một niềm tin vững chắc rằng ai cũng sẽ dần theo ánh sáng này, để tìm về tánh Phật giác ngộ.

Sự hiển bày giác ngộ chính là tuệ giác nhận diện rõ ràng từ sự thanh lọc tâm đối với sự sống của vũ trụ loài người đi ngang qua không gian, thời gian. Đức Phật biết rõ về sự tồn tại của loài hữu tình, vô tình, các đời sống và trú xứ của chư Thiên, loài người, quỷ thần A tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh v.v... Con người chúng ta đang sống ở thế giới này là một phần trong ánh sáng trí tuệ được Ngài chiếu soi. Giá trị này, loài người chúng ta chưa đủ sức để khai thác hết và truy tìm căn nguyên sự thật. Nhưng, sự tồn tại của kinh điển, giáo lý, khoa học là minh chứng đầy thuyết phục, sống động, bởi con người trên khắp thế giới đã và đang sống thực hành, những kết quả có được trong đời sống đã nói lên trí tuệ tự thân có thể thành tựu, mặc

dầu đã nhiều thế kỷ cách xa, kể từ khi Đức Phật xả báo thân.

Quốc có quốc pháp, Gia có gia phong và Đời có đạo lý. Cho thấy rằng, đây là những quy tắc của sự sống con người tạo nên sự bình an và hạnh phúc. Trong mỗi người, không ai mang toàn khổ đau, cũng không ai chỉ luôn có hạnh phúc. Mỗi cấp độ tư duy của con người khác nhau, dẫn đến kết quả của hành động cho việc làm thiện ác khác nhau. Đức Phật chỉ dạy rằng:

“Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo”

Kinh Pháp Cú số 183

Không gì khác chính là:

“Chớ làm các việc ác

Thực hiện các hạnh lành

Giữ tâm ý trong sạch

Chính lời chư Phật dạy”

Người xuất gia, người tại gia hay người không phải là một Phật tử thì bản chất tâm tánh luôn nghĩ về điều thiện, nhưng để thực hành được thì đối với mỗi người thật khác biệt biết bao. “Gieo gió gặt bão, ác giả ác báo, cây xanh thì lá cũng xanh cha mẹ hiền lành để đức cho con; tức ý vong duyên bất dũ chur trần tác đối v.v...” Con người có đủ nghị lực để vượt qua những tâm bất thiện như tham lam, sân giận và ngu si. Những ác nghiệp này, ngày đêm đang ẩn hiện thiêu đốt, mọi ý nghĩ thiện lành của con người. Muốn vượt qua những bất thiện này, không gì khác mỗi người phải tự khai phá năng lượng, trí tuệ, từ bi đang có sẵn.

Dưới sự hiện thân của bậc giải thoát, trước lời giáo huấn của Đức Phật, thì ai ai cũng có năng lực chiến thắng mình, chiến thắng những độc tố từ bên ngoài hoặc ở trong tâm. “Đường đời chật hẹp người chen lấn, lối đạo thanh thang hiếm kẻ tìm” - sự thanh thang của tâm thức đã gột rửa, lắng trong của thể tục, được minh chứng qua những hình ảnh của những người xuất gia. Bậc thượng sĩ xuất trần quyết tâm một đời này chiến thắng ma quân, cho đến cuối cuộc đời nhưng vẫn không quên độ sanh “tiếp dẫn hậu lai báo Phật ân đức”. Vậy pháp thân Phật, sự Giác ngộ của Ngài vẫn đang trường tồn nơi đây và bây giờ. Lời dạy của Đức Phật là chân lý, là đạo lý muôn đời, là sự đúng đắn đem lại lợi ích cho con người trong cuộc đời này và chỉ có con người là tối thượng. Con người có đủ yếu tố nhận thức, thực hiện được lời dạy của Đức Phật. Chúng ta được thừa hưởng một niềm tin Giác ngộ mãnh liệt, từ nơi Ngài và hành động là việc làm cấp thiết cho sự có mặt của sự sống nhân sinh. Sự sống có trải nghiệm hạnh phúc hay khổ đau là sự nhận diện cái khổ có thật của kiếp sống con người. Với niềm tin biết rằng có khổ nhưng tâm thức muốn thoát khổ đau, phải được thể hiện qua hành động giúp đỡ, bố thí, an ủi, động viên, nhất tâm, chánh niệm, quên mình v.v... là những phương pháp đoạn trừ tham lam, đắm nhiễm của chính mình, để còn đọng lại niềm vui, hạnh phúc sâu thẳm bên trong chính là giác ngộ được chân lý mọi thứ đều vô thường, biến đổi và hoại diệt. Từ đây trí thức thâm sâu sẽ được mở ra và tăng

trường cho năng lực con người ngày càng thêm lớn, đem lại nhiều lợi ích lớn cho mình cho người. Sự thành tựu thiền định sâu của Đức Phật là kho tàng mà nhân loại luôn khao khát hướng về.

Từ ngàn xưa đến nay và mãi mãi về sau, tình thương trí tuệ với lòng bi mẫn của Ngài đem đến thế gian này không bao giờ hết. **Hộ trì chân lý** là niềm tin trong tâm đúng đắn và vững chãi; Tiếp cận, lắng nghe, ghi nhớ, tư duy, hiểu và hoan hỷ thực hành được giáo lý là bước vào sự **Giác ngộ chân lý**; Duy trì tinh tấn thực hiện liên tục không gián đoạn lời dạy của đức Thế Tôn chính là **Chứng đạt chân lý** vậy. Sự nghiệp của Đức Phật để lại là mục đích tối thượng, là sức hút là cảm hứng sống giá trị của những con người mưu cầu vươn lên tâm thức hạn hẹp của thế gian. “Thiên niên khô thọ khai hoa dị, nhất thất nhân thân vạn kiếp nan” - làm người trong một đời này là quý giá vô cùng để có cơ hội bắt nhịp cùng trí tuệ của đấng Như Lai.



Lạy Phật nơi Bồ đề đạo tràng

Đêm gần sau cuối nơi BDĐT
Thân tặng huynh đệ tỷ muội cùng
chuyến hành hương về đất Phật
Tỳ kheo Thích Trung Đạo

Con về lạy Phật Thích Ca
Mùa thu nắng nhẹ - sương và chim reo
Vượt qua ngàn dặm trường đèo
Bàn chân đã chạm chốn heo hút ngàn
Đời con hạt bụi lang thang
Bay từ vô lượng kiếp sang thân này
Nhân duyên Phước báo đủ đầy
Đặt vầng trán xuống nơi đây chân ngài
Lạnh vầng trán, lạnh bàn tay
Mà bao rung cảm đủ đầy trong tâm
Lệ từ khóe mắt trào dâng
Lệ từ cảm thán thân phần mê hoang
Mùa thu nắng cũng dịu dàng
Sương thu chiều sớm mơn màng trời thu
Gió reo trên lá bồ đề
Chung quanh kinh nhạc bốn bề thiêng liêng
Hoàng hôn xuống, triệu con chim

Bay về quanh Phật để tìm giấc an
Lòng con như nắng hanh vàng
Trong veo đậu xuống địa đàng từ bi
Nơi đây cội gốc bồ đề
Nơi đây trí giác xưa đi muện phiền
Nơi đây cát bụi linh thiêng
Nơi đây chân Phật đã từng bước qua
Nơi đây sỏi đá trở hoa
Nơi đây là chốn quê nhà Tâm linh
Con quỳ lạy Phật thiêng liêng
Xin cho bèo bọt lẫn mình trong sương
Xin cho con được một lần
Tan hòa trong tiếng kinh thiêng xứ này.



TRI ÂM

Phụng Tú - Trần Xuân Thụy

Biết tôi sắp ra Hà Nội, anh Hai tôi nói:

- Hay quá! Anh Bảo điện báo anh gửi gấp ra. Tiện thể chú đi, chú giao vật này cho anh Bảo giúp anh. Có chú thì khỏi tốn cước phí gửi qua bưu điện.

Anh đưa cho tôi một gói giấy báo vuông vức bọc ngoài bằng túi ni lông. Tôi cầm lấy. Nhẹ hều. Anh nghiêm mặt, tiếp:

- Cần thận nghe! Đồ đấy!

(Anh Bảo là con bà dì ruột của anh em tôi, sinh ra và lớn lên ở Hà Nội).

25 tháng Chạp, Hà Nội đón tôi bằng cơn mưa cuối đông thật dữ dội. Mưa sầm sập như mưa xứ Huế. Chớp rạch nát bầu trời. Sấm nổ chát chúa. Phố phường trắng xóa màn nước.

Mưa tạnh. Tôi nhìn con phố dài trước mặt. Sau cơn mưa mặt phố như tươi sáng hơn. Những tán cây xanh hai bên lề được nước mưa gột rửa bụi bặm ánh lên dưới nắng. Có cảm giác như thành phố đã khoác lên tấm áo mới. Cũng phải thôi. Sắp đến tết rồi! Người người, nhà nhà, những cửa tiệm phô bày hàng hóa la liệt, san sát cùng những bích chương quảng cáo đậm màu, sắc nét hút ánh nhìn của mọi người. Mới mẻ và khẩn trương. Hơi xuân như đã nhuộm vào những ngày cuối đông của thành phố Thủ đô.

Xem đồng hồ tôi nghĩ chưa vội gì điện cho anh Bảo. Hãy tận dụng thời gian để cảm nhận một phần hồn của Hà Nội. Sự cảm nhận thật thanh khiết khi tâm trí chưa bị tạp nhiễm vì công việc.

- Bác cho cháu ra Hồ Gươm!

Tôi đập nhẹ vào tay người phu xe xích lô ở một góc đường. Ông ta khoảng năm mươi tuổi, khuôn mặt chữ nhật hằn nét phong trần. Trước khi đạp xe đi, ông bắt chuyện:

- Cậu ở Huế ra?

- Dạ. Cháu đi chuyển công tác cuối năm trước khi nghỉ đón tết... Hà Nội sau mưa lại ẩm và trông tươi quá bác nhỉ?

- Vâng. Thời tiết những năm gần đây thay đổi nhiều. Trước đây vào thời gian này vẫn còn rét.

- Cậu có thường ra Hà Nội không? À... mà sao cậu không hỏi giá, không sợ tôi chém à?

- Cháu tin người Hà Nội bác ạ. – Câu đáp bật ra tự nhiên khiến tôi ngạc nhiên với chính mình. Và tôi nghe tiếng cười vui phía sau.

- Chúc cậu những ngày ở Hà Nội thật vui. Chào cậu. – Ông dừng xe cho tôi xuống ở

bờ hồ Gươm rồi đạp xe đi.

Tôi xách va ly lững thững dạo quanh hồ Gươm. Không khí trong lành quanh hồ thanh lọc tâm hồn tôi thanh khiết. Trong nghiệp cầm viết sáng tác của mình, tôi luôn tin vào những cảm nhận đầu tiên. Có phải như người ta gọi đó là tố chất riêng của mỗi nhà văn? Tâm hồn tôi luôn là mảnh đất màu mỡ để những cảm nhận ấy như những hạt giống rơi vào nẩy mầm, đơm hoa, kết trái. Hồ Gươm với tôi sáng nay lung linh quá. Không sương khói mà như khói sương... Dáng liễu rủ ngỡ như rèm mi khẽ chớp... Tháp Rùa rêu phong trầm mặc thảng năm tháng trầm lịch sử... Hồn thiêng núi sông. Khí chất ngàn năm. Thuyền rồng vua Lê. Rùa thần. Gươm báu... Bể cá, bể cá bóng nước ngàn năm... Hồ Gươm... Hồ Gươm...

Tôi đặt va ly trên nền gạch bên cạnh một ghế đá. Tâm trí như vừa tỉnh khỏi một giấc mơ... Tôi lần tay vào túi lấy gói thuốc ra hút. Chợt giật thót tim. Gói tiền đô!? Tôi hốt hoảng lục hết các túi. Không có. Mở va ly tìm. Không có. Người tôi như nhểnh cảm. Mồ hôi túa ra ướt ngực, ướt lưng. Đầu như giang dưới nắng gắt, nóng phừng phừng. Rõ ràng là khi xuống xe khách gói tiền vẫn còn trong túi áo khoác cùng với gói thuốc hút. Vì sợ mất cắp nên tôi không để trong va ly mà đút trong túi áo cùng gói thuốc để dễ nhớ kiểm tra. Vậy mà... Tôi xách va ly đứng dậy, bước đi. Cứ vậy mà bước đi quanh bờ hồ với đầu óc trống rỗng, với nỗi hãi trong tâm...

- Này cậu gì ơi!...Đứng lại đã!

Tôi bàng hoàng nhìn người đàn ông rời khỏi bàn đạp xe xích lô đi lại bên tôi với gói nhỏ trên tay... Hình như có luồng điện thốc qua tim tôi. Tôi như vừa được giải thoát khỏi khối đá đè nặng trên ngực, thoát khỏi sự ngột thở hớp được nguồn không khí tinh sạch... Tôi trân trối nhìn gói nhỏ trên tay ông... Rồi như vô thức, tôi bỏ va ly xuống, bước nhanh đến hai tay chụp gói nhỏ trên tay ông. Trong cảm giác nhẹ hẫng sung sướng, tôi lắp bắp:

- Bác... Bác...

Người đàn ông thả tay khỏi gói nhỏ, cười nhẹ:

- Vậy đúng là của cậu.

- Dạ. Cảm ơn bác. Cháu cảm ơn bác. – Tôi nhìn gói nhỏ và tôi thốt ra một câu hỏi bất ngờ với chính tôi – Bác biết gói gì đây không?

- Nếu không biết là gì tôi đã không bỏ thời gian đi tìm cậu.

Tôi nhìn bộ đồ công nhân màu xanh cũ kỹ ông mặc, nhìn nét khắc khổ bụi bặm trên khuôn mặt ông, lơ lơ nói:

- Bác đạp xích lô... Cháu xin lỗi. Một tài sản lớn bác ạ.

Nụ cười trên môi ông chợt tắt, nhưng ánh nhìn của ông vẫn ấm áp. Ông vỗ nhẹ vai tôi và đặt lại bàn tay trên đó, nói:

- Trước khi đạp xích lô kiếm sống, tôi từng là người lính ra đi từ Hà Nội. Hà Nội và hồ Gươm là nỗi nhớ khôn khuây trong tôi trong những ngày trong quân ngũ. Tôi không muốn ai yêu hồ Gươm phải buồn lòng, không muốn ai mất lòng tin vào người Hà Nội. Thôi chào cậu nhé!

Tôi cứ đứng yên với gói đô trên tay lơ lơ nhìn người đàn ông đạp xe đi mà quên thêm một lần nữa cảm ơn. Lời nói sau cùng của ông cứ âm vang trong tôi...

Về đến nhà anh Bảo, trao gói đô cho anh, tôi kể lại chuyện đã xảy ra. Anh cứ tùm tùm cười làm tôi ngỡ ngàng. Thái độ của anh đối với sự việc làm cho người khác hiểu lầm là anh giàu lắm, cứ như giá trị của gói đô chỉ đáng một châu phở Hà Nội.

Cười mãi rồi anh trầm ngâm nói:

- Ở đời đôi khi chỉ một lời trở thành tri âm. Có những điều đôi khi người ta đổi cả tiền tài để giữ lấy. Chứ viết văn là viết về con người chẳng chú không hiểu?





Vì Sao Ta Quy Y?

TK. Thích Nguyên Hạnh

I. DẪN NHẬP

Rất nhiều người thích đi chùa lễ Phật vào những ngày rằm, mừng một dâng hương - hoa - quả cúng dường lên ngôi Tam Bảo với lòng thiết tha thành kính, với niềm ước vọng được sống an lành hạnh phúc. Cũng có vị mang nỗi niềm sầu khổ phiền lụy... đến chùa ngồi xếp bằng ở một góc chánh điện, thật trang nghiêm, thật lặng lẽ, thật thành kính chiêm ngưỡng đức Phật trên tòa sen, và thì thầm tâm sự với Phật. Có những vị việc làm lỡ lầm, tội lỗi... quý sám hối trước Phật để cho lòng được vơi nhẹ. Nhưng khi được hỏi đã quy y chưa? Pháp danh là gì? Họ ngỡ ngàng chẳng biết quy y là gì? Và tự hỏi vì sao phải quy y? Họ chưa quy y nên họ mãi lặn ngụp trầm luân trong biển khổ, không tìm thấy đâu là bến bờ giải thoát an lạc và cứ mãi trượt dài trong uất ức phiền não... Cho đến khi nào biết được quy y, con người mới có định hướng về một con đường tốt đẹp, thực hành điều thiện, tránh xa điều bất thiện để cuộc đời không phải chỉ là những lỡ lầm, tội lỗi v.v...

*Muôn lối bi ai, vạn nẻo sầu
Cuộc đời biển khổ chứa thương đau
Pháp môn cửa Phật từ bi đón
Giải thoát chúng sinh mọi khổ sầu
Lòng trần vướng bận bao phiền não
Ánh sáng tòa sen phép nhiệm màu.
Con thuyền khai Ngộ trên bến Giác.
Nhìn dòng sông mê chảy về đâu?*
(Thanh Bình)

II. NỘI DUNG

1. Định nghĩa

Vậy quy y là gì? Chữ “quy” là quay về, trở về; “y” là y cứ hay nương tựa. Vấn đề được đưa ra thảo luận là quy y nương tựa vào đâu? Mỗi người cần tư duy, tránh say mê lầm lạc, lựa chọn cho mình nơi quy y nương tựa. Vì quy y nương tựa thiếu suy nghĩ rơi vào thầy tà, bùa dũ đưa đến cuộc sống khổ ải, trầm luân, sa đọa; nương tựa với cha mẹ, vợ chồng, anh em, bạn bè, thì không hoàn toàn an lành. Cho nên, con người cần quay về y cứ hay nương tựa với chánh pháp, với ngôi Tam Bảo đó là Phật-Pháp-Tăng. Tam Bảo được gọi là “bảo” là quý báu, vì Tam Bảo như chiếc thuyền đưa chúng sanh vượt qua biển sanh tử, không còn cảnh luân hồi khổ nạn.

2. Nương tựa Tam Bảo

a) Nương tựa với Phật

Nương tựa đáng từ bi bình đẳng, như ông cha lành. Phật là một đấng giác ngộ hoàn toàn, toàn năng, toàn trí, toàn đức, là cha lành của chúng sanh, là thầy của mười pháp giới (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A-tu-la, Người, Trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật) và ba cõi (Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới). Phật là một bảo hiệu chung cho tất cả những bậc tu hành đã giác ngộ, đầy đủ vô lượng phước đức và trí huệ.



b) Nương tựa với Pháp

Nương tựa vào phương pháp giải khổ, như thuốc tốt chữa lành bệnh tật. Pháp là khuôn phép, là giáo lý phân tích rõ ràng sự khổ não, vạch rõ nguyên nhân của khổ và đề ra phương pháp diệt trừ khổ. Nếu mỗi người y theo giáo pháp ấy mà tu hành, thì sẽ được thoát ly sanh tử, chứng thành Phật quả. Cho nên, trong kinh nói rằng: “*Pháp là mẹ sanh ra chư Phật*”.

c) Nương tựa với Tăng

Nương tựa vào những bậc đại trí hoằng pháp lợi sanh, mới thật là hoàn toàn an lành. Chũ Tăng (Tăng già) nghĩa là một đoàn thể đệ tử xuất gia (từ bốn vị Tỳ Kheo trở lên) thoát ly thế tục, sống đời phạm hạnh, là một hội chúng hòa hợp không chống trái nhau, như nước với sữa. Tăng là những người đang thực hành những giáo pháp của Phật và thay Phật diễn thuyết chánh pháp giải thoát.

Tam bảo có đủ công đức như thế. Cho nên, Phật - Pháp - Tăng là ba ngôi quý báu nhất của thế gian và xuất thế gian. Nếu người nào phát tâm quy y thì không đọa vào ba đường dữ, luôn được Tam Bảo gia hộ, sớm chứng quả bồ đề.

3. Ba bậc Tam Bảo

- Đồng thể Tam bảo.
- Xuất thế Tam bảo.
- Thế gian trụ trì Tam bảo.

• Đồng thể tam bảo

- a) Đồng thể Phật bảo: Phật và chúng sanh có cùng thể tính như nhau, đó là Phật tánh.
- b) Đồng thể Pháp bảo: Phật và chúng sanh có cùng pháp tánh từ bi, bình đẳng.
- c) Đồng thể Tăng bảo: Phật và chúng sanh có cùng thể tánh thanh tịnh, sự lý hòa hợp.

Ngay trong tâm Phật và chúng sanh có đầy đủ ngôi Tam Bảo, trong mỗi người ai cũng có Phật tánh, ta phải tự quay về với tâm Phật của mình, đó là trở về giữ cho tâm mình luôn thanh tịnh. Mỗi người phải tự quay về

Pháp tánh của mình, tức là trở về với tâm từ bi, bình đẳng sáng suốt, lòng nhẫn nhịn... Mỗi người cũng phải tự quay về với bản tánh thanh tịnh hòa hợp của mình với mọi người chung quanh, nhất là những người bạn đạo cùng tu cùng học với nhau, là tự quay về với chính mình, ngày ngày phải tu tâm sửa tánh.

• Xuất thế tam bảo

- a) Xuất thế gian Phật bảo: Đức Phật Thích Ca, Phật A Di Đà... là những vị đã thành Phật, không còn ràng buộc sanh tử luân hồi ở thế gian nữa.
- b) Xuất thế gian Pháp bảo: Là những phương pháp của Phật dạy cho chúng sanh tu tập để giải thoát khỏi luân hồi, như Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ Ba La Mật...
- c) Xuất thế gian Tăng bảo: Là những bậc Thánh Tăng, là những vị Bồ Tát, đã ra khỏi thế gian như: Đức Quán Thế Âm, Đức Đại Thế Chí...

Trong kho tàng tâm thức ai cũng có xuất thế gian Tam bảo, nghĩa rằng mọi người đều có khả năng trở thành một vị Phật; đầy đủ điều dụng phương tiện thiện xảo dạy cho chúng sanh tu tập để giải thoát khỏi luân hồi, như Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ Ba La Mật... để mình và chúng sanh đều là những bậc thánh Tăng (Bồ tát, Duyên giác, A La Hán) ra khỏi thế gian. Trong kinh Pháp Hoa, Phật từng nói: “*Ta là Phật đã thành, các người là Phật đang và sẽ thành*”. Nói như vậy, nếu như mỗi người thực hành giống như Phật buông bỏ mọi tham đắm, ái nhiễm dục lạc, thì ta không còn ràng buộc giữa sanh tử luân hồi.

• Thế gian trụ trì tam bảo

- a) Thế gian trụ trì Phật bảo: Là xá lợi Phật, răng Phật, tóc Phật,... tượng Phật, ảnh Phật chúng ta để thờ tự. Khi đức Thế Tôn còn tại thế, lúc gửi tóc Phật cho vua Tần Bà Xa tại thành Vương Xá, Ngài dặn rằng: “*Tóc và móng tay thừa của ta, đại vương nên thờ trên trang, còn đạo lý của ta, đại vương thờ trong tâm.*”

- b) Thế gian trụ trì Pháp bảo: Là Tam tạng kinh điển; Kinh, Luật, Luận chúng ta dùng để tu học.

- c) Thế gian trụ trì Tăng bảo: Là những vị tăng tu hành chân chính, giới hạnh trang nghiêm trong đời hiện tại.

Con người ngày nay tâm xa Phật quá lâu, để có thể từng bước lần về tâm sáng suốt, mỗi người cần có thế gian trụ trì Tam bảo, nghĩa là thờ phụng đức Phật bên ngoài để nhớ đến Phật ở trong tâm; chuyên cần đọc tụng và hành trì Tam tạng kinh điển; Kinh, Luật, Luận để tu và học; luôn gần gũi những vị tăng tu hành chân chính, giới hạnh trang nghiêm trong đời hiện tại để học hỏi tiến tu.

4. Sự lý quy y Tam Bảo

Mặc dù quy y Tam bảo gồm có ba bậc, nhưng đứng ở góc độ khác, thì quy y Tam bảo có hai phần, hình thức bên ngoài còn gọi là sự quy y Tam bảo, và bên trong còn gọi là Lý quy y Tam bảo.

a) Sự quy y Tam Bảo

Đó là sự việc, là việc làm hàng ngày của mọi người nên cung kính lạy Phật, niệm danh hiệu Phật, tưởng nhớ đến Phật. Tụng kinh, đọc kinh sách để hiểu rõ nghĩa lý lời Phật dạy để tu tập cho đúng phương pháp, trí tuệ được mở mang, củng cố đức tin ngày càng vững mạnh hơn.

Hơn thế nữa Phật dạy, “*Kính Phật thì phải trọng Tăng*”, chuyện Con Sư Tử Trọng Pháp sau đây nói lên ý nghĩa này: Thời mạt pháp của Đức Phật Tỳ Bà Thi, trong núi kia có những vị Bích Chi Phật tu hành, có con sư tử Kiên Thệ lông rất đẹp, sức mạnh vô địch, có một vị Bích Chi Phật tâm từ rất lớn làm cho sư tử Kiên Thệ kính phục, thường đến gần để nghe tụng kinh, thuyết pháp.

Có một tên thợ săn thấy sư tử Kiên Thệ có bộ lông đẹp muốn giết lấy lông dâng lên vua để được ban thưởng. Tên thợ săn lại sợ sức mạnh của sư tử Kiên Thệ, lập mưu mặc áo cà

sa, làm cho sư tử Kiên Thệ tưởng là Bích Chi Phật nên đến gần, tên thợ săn liền lấy mũi tên có tẩm thuốc độc ra bắn sư tử Kiên Thệ, bị trúng tên sư tử Kiên Thệ vẫn còn sức mạnh, muốn vồ chết tên thợ săn giả làm sa môn kia, nhưng nó nghĩ lại, người mặc áo cà sa là biểu hiệu của Phật trong ba đời, ta không được phép xúc phạm đến biểu hiệu cao quý đó, ba lần định vồ, ba lần kịp suy nghĩ, thuốc thấm dần, sư tử Kiên Thệ chịu chết.

Tên thợ săn giả hiệu độc ác kia lột lấy bộ da đẹp đem dâng cho vua, vua nghe thuật lại chuyện. Biết con sư tử đã hy sinh thân mạng mình để giữ trọn sự tôn kính chư Phật, nhà vua liền ra lệnh chém tên thợ săn và cho làm lễ hỏa thiêu con sư tử như lễ trà tỳ của một vị sa môn. Con sư tử Kiên Thệ là tiền thân của Đức Thích Ca Mâu Ni.

b) Lý quy y Tam Bảo

Lý quy y Tam Bảo có nghĩa là mình tự trở về với Phật tánh sáng suốt của tâm mình. Phật Thích Ca đã dạy, mỗi người đều có Phật tánh sáng suốt, không hư vọng. Nhưng Phật tánh của mỗi người bị mê lầm, vọng tưởng che lấp. Vọng tưởng như mây mờ, Phật tánh như trăng. Mây mờ có thể che khuất, chứ không thể tiêu diệt được trăng sáng. Phật tánh chúng ta bị vọng tưởng vô minh che lấp sâu kín đến đâu cũng vẫn thường còn. Vậy thì sao mỗi người chúng ta lại bỏ quên Phật tánh của chúng ta, mà chỉ chạy theo cầu khẩn Phật bên ngoài; như đứa con “*cùng tử*” có viên ngọc Ma Ni quý giá, được giấu sẵn trong ché áo mà không biết sử dụng, lại cam tâm đi xin ăn cùng khắp mọi nơi! Thật đáng thương thay!

5. Lý do quy y Tam Bảo

a) Quy y Phật khỏi đọa vào Địa ngục

Về chùa nhìn thấy đức Phật ngồi an tịnh trên tòa sen, mọi người sẽ thấy gương hạnh lành của Phật, tự tại ung dung, bình thản trước cuộc đời đầy dung tục. Còn con người chạy theo bao ham muốn dục vọng mong cầu của cá nhân không biết ngừng nghỉ trước



năm món: Tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống và ngủ nghỉ, hoặc theo đuổi năm mong cầu: sắc đẹp, thanh tốt, hương thơm, vị ngon, xúc chạm; với tư duy đó, thì làm sao có thể trở thành người an tịnh. Khi con người không biết buông bỏ, thì liệu họ có tìm thấy sự bình thản nơi tâm hồn. Như câu chuyện của một người Phật tử nghèo có mấy đứa con, vì thấy con mình cơ cực cho nên bà mới bán một miếng đất và hi vọng với số tiền bán đất bà chia cho con có vốn làm ăn, cuộc đời của chúng sẽ đỡ vất vả hơn. Nhưng bà không thể nào ngờ tới một điều là các con bà đã kiện bà vì bà chia tiền không đều, bà đã khóc hết nước mắt. Những đứa con của bà khi chưa có tiền bán đất đứa nào cũng dễ thương, đứa nào cũng thương mẹ, đứa nào cũng biết thương nhau. Bây giờ, có tiền rồi không ngày nào bà được yên ổn, phân chia cách nào chúng cũng không chịu, không chấp nhận. Thế mới thấy “đồng tiền đi liền khổ não”. Chỉ vì đồng tiền mà quyết tranh quyết đấu lẫn nhau, sẵn sàng đạp đổ nhau, đâm chém nhau, cấu xé nhau, dùng những lời lẽ xấu xa, thô tục nhất để thóa mạ nhau.

Cuộc đời của Thế Tôn trước khi xuất gia, là một vị Thái Tử sống trong nhung lụa, vàng son thành Ca Tỳ La Vệ. Ngài có vợ đẹp là công chúa Da Du Đà La, con ngoan La Hầu La. Ngài có cả hoàng cung tráng lệ thích hợp theo ba mùa. Ngài có cả hàng trăm cung nữ luôn theo hầu hạ, đàn vui múa hát. Ngài không hề thiếu thốn trong cuộc đời, thế mà tại sao Ngài luôn thấy bất an? Cái gì đã khiến cho Ngài luôn ưu tư? Đi dạo bốn cổng thành, Ngài thấy cảnh một người quá già lưng còng đi không nổi; một người bệnh đau khổ không nguôi; một người đã chết bất động. Bình thường lúc sống người ta hay la mắng người khác, khi chết nằm im lìm bất động mặc cho ruồi bu kiến đậu. Cuối cùng, cuộc đời con người còn lại gì sau khi hỏa táng? Và thái tử Sĩ Đạt Đa nhìn thấy cảnh người mặc áo vàng xuất gia tu đạo. giải thoát. Ngài liền nghĩ cần phải ra đi tìm con đường để nương tựa an vui giải thoát.

Là con người ai cũng thích trẻ mãi không già, mạnh mãi không đau, sống hoài không chết. Nhưng bản chất thật giữa cuộc đời, dù

thích hay không thích, thì con người cũng phải đầu hàng trước quy luật sanh - già - bệnh - chết. Thế nên, mọi người cúi mình kính ngưỡng một vị thái tử đã dũng mãnh buông bỏ tất cả để ra đi tìm chân lý. Ngài đã thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng, Chánh Giác dưới cội Bồ đề, Ngài thấy rất rõ ý nghĩa cuộc sống, Ngài đã mở ra cánh cửa bất tử cho chính mình và nhân sanh.

Có người hỏi Phật đã mở ra con đường bất tử, vậy bây giờ Ngài đã đi đâu? Bởi vì khi tuổi 80, Ngài đã đến Câu Thi Na (Kushinagar) nhập diệt và nhục thân, thân xác của Ngài cũng bị hỏa táng, thế thì tại sao lại nói Ngài bất tử? Thành tựu “bất tử” có nghĩa rằng từ nay Ngài không còn “tái sanh luân hồi” chứ không phải giữ thân xác giả tạm vay mượn này trẻ mãi. Ngài về thế giới của chư Phật, không còn bị “Nghiệp” dẫn vào cánh cửa sanh tử luân hồi. Còn chúng sanh vì mê mờ luôn bị “Nghiệp” là hành động tạo tác từ hành vi, lời nói và tư duy suy nghĩ, mà mãi lặn ngụp sanh tử lên xuống trong sáu nẻo luân hồi (Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, người và trời) vô tận không ngừng nghỉ.

Đức Phật, sau khi thành tựu Chánh đẳng Chánh giác, Ngài gặp gỡ chúng sanh có duyên, muốn nghe giáo pháp giải thoát với Ngài để đưa họ ra khỏi con đường hiểm nạn. Không có tai họa hay bất cứ tai ương, không bị nghèo khổ. Ngài nói cho mọi người biết, rồi lại vào Niết Bàn trong trạng thái an lạc và tĩnh lặng.

Mọi người muốn vào cánh cửa Niết Bàn bất tử, cần phải học và hiểu thân này là do vay mượn từ đất, nước, gió, lửa, mà tạo thành. Không nên đắm chấp vào thân, không nên bị lụy cung phụng trước những đòi hỏi của thân để rồi khổ não. Có những người cả đời phải lặn lội trong vòng luẩn quẩn đó. Cho nên ai nghĩ mình có thân xác này mà gọi là sung sướng đó là một sai lầm. Chính Lão Tử đã từng than thở: “Ta, trong cuộc đời có một cái khổ lớn vì ta có cái thân, nếu không có thân ta đâu có khổ”

Chúng ta cần sử dụng cái thân này thật tốt, biết đi chùa, tụng kinh, niệm Phật, để không

còn vào ra sanh tử giữa thế gian và có một cuộc sống an lành hạnh phúc. Thế nhưng, giữa cuộc đời này rất nhiều người không biết điều đó, giờ này vẫn còn mơ mộng kiếm tìm năm món dục lạc (tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ) chưa hề biết chán. Tại sao vậy? Chỉ vì mê đắm để rồi khổ não. Chẳng hạn, câu chuyện phú hộ giàu có khi chết không người thừa kế. Toàn bộ gia sản của ông đều được sung vào công quỹ nhà vua. Nhà vua Ba Tư Nặc đến nhà ông niêm phong, đem toàn bộ số tài sản đó về nhập kho của quốc gia. Trên đường về nhà vua ghé qua Tinh Xá Kỳ Viên. Đức Phật hỏi: Thừa Đại Vương đi đâu vậy? Nhà vua trả lời: - Hôm nay con đến nhà ông giàu có nhất thành Xá Vệ này đem tài sản về chuyển vào kho. Ông phú hộ chết không có vợ con, con tự hỏi người này cả đời khổ cực kiếm tiền lúc chết không giữ được, khi nằm xuống thì toàn bộ số vàng đó sẽ đổi chủ. Như vậy thì tại sao ông ta lại lặn lội một đời vì tiền, vì tài sản.

Chúng ta cần phải xác định kiếm tiền để làm gì? Kiếm tiền chỉ phục vụ cho ba nhu cầu: ăn, mặc, ở. Chúng ta làm tiền ít hay nhiều cũng đều phục vụ cho ba nhu cầu cần thiết đó thôi. Kiếm tiền cho mình đủ ăn là được rồi, thế mà họ vẫn mãi mê chưa biết dừng lại. Cả ngàn cây vàng trong tay, ăn cả mấy đời cũng không hết, mà vẫn rơi vào trạng thái ăn không ngon, ngủ không yên. Điều đó đâu có lợi gì cho bản thân, đâu được hạnh phúc gì.

Như câu chuyện khác, có hai ông bà rất giàu, vàng khối trong nhà nhưng họ ăn uống rất kham khổ, mặc đồ cũ nát, căn nhà thì lụp xụp. Một người quen biết với hai ông bà thấy nhà có tiền mà sống khổ, hỏi ông bà sao lại sống quá khổ như vậy? Ông bà trả lời để dành tiền sung sướng hơn! Đến khi ông bà chết thì người ta mới phát hiện nhà của ông bà có rất nhiều vàng. Nói như vậy để thấy giữa thế gian này có những điều kỳ lạ ta khó tưởng tượng nổi. Đứng trên góc độ nhà Phật, ông bà đó bị một cái nghiệp có tiền mà hưởng thụ không được. Kiếp trước ta tạo nhân gì mà khiến mình như vậy? Đó là do bố thí mà vẫn còn hối tiếc. Cho nên, ta cần học pháp để biết, cái biết đó giúp

ta cải tạo thân tâm, cải tạo hoàn cảnh, nhờ đó mà có cuộc sống tốt hơn.

Thật vậy, khi con người còn chưa làm chủ được tham- sân- si, thì con người không thể tìm thấy hạnh phúc an lành. Trong kinh Phật dạy, “Này các thầy Tỳ kheo, nếu trong thất các ông có 3 con rắn độc chui vào, lúc đó các ông có ngủ ngon được không?” “Kính bạch đức Thế Tôn, chúng con ngủ không được ngon ạ.” Phật hỏi, “vậy làm sao các ông mới ngủ được ngon?” Cả hội chúng đồng thưa, “chừng nào chúng con đuổi được 3 con rắn độc ra khỏi nhà, chừng đó chúng con mới ngủ được ngon.” Phật nói, “đúng vậy, chừng nào quý thầy đuổi được 3 con rắn độc đó ra khỏi nhà thì mới ngủ được yên; nhưng 3 con rắn độc đó chưa độc bằng ba thứ độc tham lam, sân giận và si mê. Rắn độc chỉ cắn chết thân này, còn tham- sân- si tạo nghiệp luân hồi, chịu khổ trong vô số kiếp không biết khi nào thôi dứt”. Nên vì thế, con người khi phát tâm quy y là nương tựa Phật lấy giáo pháp làm thuốc hay loại bỏ 3 thứ độc là tham- sân- si.

- Tham dục: Người nào mà tham nhiều thì không thấy được cái nguy hiểm, chỉ thấy huê lợi vô nhiều quá tối mắt. Có nhiều người chơi sòng chứng khoán một đêm thôi có thể dễ dàng kiếm vài trăm triệu nhưng cũng có người chỉ một đêm thôi trắng tay và chẳng dám nhìn ai. Nói như vậy, sống ở đời thì đừng có tham, tham nhiều quá thì không có đường quay trở lại. Phật cũng có dạy, “Tham dục nhiều, khổ lụy càng nhiều”, hoặc câu “Thiểu dục tri túc” (Muốn ít biết đủ) thì cuộc đời sẽ đầy ắp niềm vui.

- Sân hận: Đối với sân hận, theo nhà Phật, như ngọn lửa đỏ có thể thiêu cháy tất cả. Ai nuôi dưỡng cơn sân hận trong lòng là đang tình nguyện đưa ngọn lửa thiêu đốt “tâm” thành tro bụi, làm cho mỗi hành động của ta mang tính hủy diệt và mối quan hệ giữa tình người, kể cả với người thân trở thành nội kết khổ đau. Người thế gian thường nói “giận quá mất khôn”. Trong lúc sân hận tâm trí ta bị u mê tức tối, giận người ta đâu có niềm vui an lạc, trái lại luôn quyết định sai lầm.



• Si mê: Si mê là một loại tà kiến luôn hiện hữu trong tâm của mỗi người. Si mê chi phối mọi tư duy, lời nói, hành động của chúng ta. Giống như một dạng bệnh, bất cứ một quyết định đưa ra đều trong trạng thái tâm lờ mờ không minh mẫn. Tuy nhiên, con người cứ chấp chặt và nghĩ rằng quyết định của mình là đúng đắn, buộc người khác cùng làm theo mình, ai không là sẽ bị sai.

Mỗi người chỉ cần trở về nương tựa Phật, với tánh giác sáng suốt, tham- sân- si không còn, thì làm gì bị rơi vào chốn địa ngục. Bởi địa ngục là nơi tăm tối theo nghĩa đen, còn nghĩa bóng là chỉ cho tâm hồn bị phiền não cấu nhiễm găm nhăm làm cho tâm trạng luôn bị bức bách khó chịu.

b) Quy y pháp khỏi đọa vào Ngạ quỷ

Đức Phật đã dạy các thầy Tỳ kheo, khi nào chưa chứng quả A-la-hán (quả giác ngộ sáng suốt hoàn toàn), thì các con đừng tin tưởng vào tư duy, suy nghĩ của mình, bởi vì suy nghĩ đó chưa chắc đúng, ngoại trừ diệt hết tam độc là tham- sân- si và màn vô minh chi phối tan biến, thì ngày đó, tâm trí ta mới sáng suốt để nói đúng, làm đúng và nghĩ đúng. Đây là lý do mà ta cần phải quy y pháp.

Chánh pháp là lời dạy của Đức Thế Tôn để ta định hướng cuộc đời của mỗi người. Trong kinh Di Giáo đức Phật dạy trước lúc đi xa: “Này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác. Và này Ananda, thế nào là Tỳ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một điều gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?” Chánh pháp ví như ngọn đèn sáng soi đêm tăm tối để mỗi bước chân ta không có hiểm nạn, hầm hố, vực sâu... Nếu quy y Pháp, thực hành theo pháp, thì cuộc đời con người sẽ bằng phẳng bình yên. Nếu không quy y các vị rơi vào trạng thái đau khổ và than trách sao

cuộc đời bất công, đó là lỗi tại ai? Tại mình thôi vì mình đã đi vào con đường hiểm nạn, ai lỡ vào con đường đó xin hãy quay trở lại, về nương tựa Phật - Pháp - Tăng chỉ có con đường đó là an lành nhất.

Quy y Pháp, ta thành tựu sáng suốt của Phật, thấy biết điều nào đúng, điều nào sai, điều nào nên làm và điều nào không nên làm. Chẳng hạn, giúp đỡ người vận chuyển ma túy, heroin... không thấy phước đâu mà thấy mình bị tai họa vào tù. Lý do ta bị mang vạ vì tội tiếp tay làm lũng đoạn và đầu độc xã hội. Vì thế, ta đem tiền giúp kẻ nghèo khổ thì ta có phước nhưng nếu giúp người xì ke thì ta chỉ làm hại tiếp tay cho người nghiện chứ không có chút công đức nào hết. Cũng vậy, như hai người đồng thời đi bố thí, một người được phước, một người đã không có phước còn bị tù tội. Và rất khó phân biệt được đúng sai, đối với một người không tỉnh trí. Chúng ta đang sống ở thế gian bị tiền tài, danh lợi, sắc đẹp làm mờ con mắt... thì làm sao thấy được cái gì tốt đẹp giữa cuộc đời. Do đó, trong Luận Bảo vương Tam muội có dạy “Thấy lợi đừng nhúng tay vào, nhúng tay vào thì hắc ám tâm trí”

Nếu một người thật sự trở về nương tựa chánh pháp với thể tánh bình đẳng, trải rộng lòng từ bi yêu thương muôn loài, không còn tâm keo kiệt bòn xẻn, luôn giúp đỡ mọi người thoát khổ được vui. Người có tâm như thế, thì không còn bị tái sanh vào loài quỷ đói (ngạ quỷ), do nhân bòn xẻn mà sinh ra quả đau khổ đó.

c. Quy y Tăng khỏi đọa vào Bàng sanh

Chữ “Tăng” là chỉ một đoàn thể (bốn Thầy trở lên) của những người đang đi theo cuộc đời phạm hạnh, những người tỉnh thức đang thực hành, tu tập và có nguyện rộng truyền lời Phật dạy với tâm nguyện “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh”. Đức Phật từng dạy các thầy: “Hỡi các Tỳ kheo! Như Lai đã được giải thoát khỏi mọi ràng buộc thế gian và xuất thế gian, các ông cũng vậy... Này các Tỳ kheo, hãy đi vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người. Các ông hãy

đi, nhưng đừng đi hai người cùng một hướng, hãy đi mỗi người một ngã, hãy truyền bá chánh pháp. Này các Tỳ kheo, chánh pháp toàn thiện ở phần đầu, phần giữa cũng như phần cuối, cả trong ý tứ và lời văn. Hãy tuyên bố về cuộc sống toàn thiện và thanh tịnh... Chính Như Lai cũng đi, Như lai sẽ đi về hướng Uruvela (Ưu Lâu Tần Loa) ở Sanànigàma để hoằng dương giáo pháp. Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí, hãy truyền dạy giáo pháp cao siêu, hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác; được vậy, là các ông đã hoàn tất nhiệm vụ” (Mahavagga - Đại Phẩm 19, 20).

Quay về nương tựa Tăng sống theo chân lý, không có chút tà tâm sai quấy, có tâm hồn trong sáng, luôn giữ gìn đức hạnh:

- Không sát sinh hại vật
- Không trộm cắp lấy của không cho
- Không tà hạnh tà dâm
- Không nói dối, nói lười dối chiều, nói ác khẩu, nói thêu dệt
- Không uống rượu, chất gây say.

Ngược lại, sống với một tâm hồn si mê u tối, không luân thường đạo đức, không phân biệt phải trái, tốt xấu, hành động càn bướng, đó là nếp sống đọa lạc sẽ rơi vào đọa xứ của loài bàng sanh hay súc sanh

6. Lợi ích quy y Tam Bảo

Ích lợi của việc quy y Tam Bảo rất nhiều, có thể cầu được hiện thế an lạc, có thể cầu cho đời sau an lạc, càng có thể từ đây mà được sự an lạc cứu cánh của Niết Bàn tịch tĩnh, tổng hợp lại có tám điều lợi ích :

- a) Trở thành đệ tử của Phật.
- b) Nền tảng của việc thọ giới.
- c) Có thể tiêu trừ nghiệp chướng.
- d) Có thể tích tập phước đức to lớn.
- e) Không đọa ác đạo.
- f) Người và phi nhơn không thể làm hại.
- g) Có thể thành công trong mọi việc lớn.
- h) Có thể thành Phật.

Ích lợi của việc quy y Tam Bảo, trong kinh Phật nói đến rất nhiều, nay chỉ đơn cử một vài ví dụ:

a. Kinh Ưu Bà Tắc giới có nói: Nếu người quy y Tam Bảo thời trong tương lai sẽ được phước báo to lớn không thể cùng tận, ví như có được của báu mà người trong cả nước vận chuyển trong bảy năm cũng không hết được, công đức của việc quy y Tam Bảo còn lớn hơn thế gấp ngàn vạn lần.

b. Kinh Triết Phù La Hán có nói xưa kia có một vị Thiên tử ở cung trời Đao Lợi khi phước trời đã hết, Thiên tử tự biết sẽ bị đầu thai vào loài heo, rất lấy làm lo sợ liền thỉnh cầu Thiên vương cứu giúp, Thiên vương không cứu được nên khuyên Thiên tử nên đến cầu cứu Phật. Phật dạy Thiên tử quy y Tam Bảo, nên sau khi chết không đọa vào loài heo, mà còn được sanh làm người, gặp Xá Lợi Phất học đạo chứng đắc thánh quả.

c. Trong kinh Sát Cách Y Pháp Thiên Tử Thọ Tam Quy có nói: Xưa có một vị Thiên tử ở cõi trời Tam Thập Tam Thiên khi phước trời đã tận còn bảy ngày nữa sẽ chết, những sự hoan lạc, những thiên nữ đẹp không còn thân cận, những tướng mạo uy nghi đều đã thay đổi, mùi hôi bốc ra từ thân thể và thiên tử cũng biết rằng sẽ bị đầu thai vào loài súc sinh, Thiên vương biết được liền dạy thiên tử phát tâm quy y Tam Bảo sau bảy ngày Thiên tử vãng sanh, Thiên vương muốn biết Thiên tử sanh vào đâu, nhưng không thể quán chiếu thấy được bèn đến hỏi Phật. Phật liền dạy rằng: “Thiên tử nhờ công đức quy y Tam Bảo đã được sanh lên cõi trời Đâu Suất”.

d. Kinh Hiệu Lượng Công Đức có nói: Nếu như có người xây Tháp cúng dường tất cả chư vị Thánh nhân chứng đắc nhị thừa trong Đông, Tây, Nam, Bắc tứ đại bộ châu, công đức tuy lớn nhưng vẫn không thể sánh bằng công đức quy y Tam Bảo.

e. Kinh Mộc Hoạn Tử có nói: Ngày xưa có vị Tỳ kheo Sa Đẩu chuyên tụng trì danh hiệu của Tam Bảo trong suốt mười năm, chứng đắc sơ quả Tu đà hoàn, nay ở tại thế giới Phổ Hương

làm vị Bích Chi Phật.

Phật cũng đã từng dạy, nếu người quy y Tam Bảo thì được Tứ Đại Thiên Vương, sai 36 vị thiện thần hộ trì, 36 vị thiện thần này còn có trăm ngàn vạn ức hà sa quyến thuộc cũng theo hộ trì người quy y Tam Bảo. Nhưng chúng ta cũng cần biết rằng, mặc dầu quy y Tam Bảo có thể cầu hiện thế bình an nhưng mục đích cuối cùng của việc quy y Tam Bảo vẫn là trở về và làm sống dậy tự tánh Tam Bảo trong mỗi người mới đúng là quy y Tam Bảo chân chánh vậy.

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, quy y nói cho đầy đủ là quy y Tam bảo, là trở về nương tựa ánh sáng nhiệm màu của Phật - Pháp - Tăng. Có quy y Tam bảo con người mới có thể tự định hướng con đường của bản thân. Từ đó khai mở một chân trời giải thoát, đây là con đường tâm linh mà con người không thể nào không biết để tìm về nương tựa. Tam bảo như ngọn đuốc soi đường cho người ra khỏi bóng đêm dày u minh, tăm tối. Dưới ánh sáng trí huệ của việc quy y Tam bảo, con người sẽ thấy cuộc đời này tốt đẹp hơn. Và quan trọng hơn là biết chuyển hóa mọi chướng ngại, mọi tham - sân - si, mọi nỗi khổ niềm đau để tìm thấy niềm vui an lạc trên con đường tu tập của mình.

Người quy y Tam Bảo như nghe văng vẳng lời bậc giới sư khai đạo: “Ba cõi không yên, như ở trong nhà lửa. Muốn xa lìa cõi khổ thì phải nương về ngôi Tam Bảo. Người muốn thoát khỏi biển sanh tử luân hồi, không thể bỏ qua sự thọ trì giới pháp mà được. Giới như chiếc bè báu đưa người qua biển khổ; giới như đất bằng phẳng, muôn vật đều từ đấy phát sinh; giới như ngọn đèn sáng, chiếu phá các chỗ tối tăm; giới là con đường tắt đưa đến cõi nhơn thiên, là cửa ngõ vào cảnh Niết Bàn. Nếu người nào giữ được thanh tịnh, cho đến trong giây phút quy y Tam Bảo, ở đời vị lai cũng được chứng quả Niết Bàn.”

Cho nên, Phật tử đã quy y Phật rồi, từ nay trở đi thà bỏ thân mạng, trọn không quy y Thiên thần và Quỷ vật. Vì Thiên thần và Quỷ

vật kia còn bị luân hồi sanh tử, không phải là Thánh nhân xuất thế gian; quy y Pháp rồi, thà bỏ thân mạng, chớ không nghe theo những lời tà thuyết. Vì đó không phải là pháp môn vô lậu giải thoát; quy y Tăng rồi, thà bỏ thân mạng, chớ suốt đời không đi theo thầy tà bạn ác. Vì những vị đó không phải là người giải thoát chứng quả Tam thừa, họ sẽ dẫn dắt quý vị vào con đường tối tăm nguy hiểm.

Đã quy y rồi, phải thường nhớ Phật, niệm Phật, chán cõi Ta Bà này là nhiều khổ, cầu sau khi mạng chung thần thức sanh về nước Cực Lạc của Phật A Di Đà, liên hoa hóa sanh, sống mãi không phải sanh, già, bệnh, chết nữa. Theo lời Phật Thích Ca dạy: Đức Phật A Di Đà đang chờ đợi tiếp dẫn chúng sanh về Cực Lạc, nếu ai thành tâm chuyên niệm danh hiệu Ngài. Vậy mỗi vị phải có một xâu chuỗi mỗi ngày đêm niệm danh hiệu đức Phật, niệm càng nhiều càng tốt. Nên biết: Ngọc Ma Ni gieo vào nước đục, nước đục trở thành trong; câu hiệu Phật gieo vào tâm chúng sanh, tâm chúng sanh trở thành tâm Phật. Trong kinh có câu:

*Chớ chờ đến già rồi mới niệm Phật,
Mồ hoang đồng cỏ lắm kẻ thiếu niên.*

Phật tử! Người con Phật từ hôm nay trở đi, phải tinh tấn siêng năng học hỏi giáo lý của Phật dạy, rồi y theo đó mà tu hành, gieo hạt giống phúc lành, làm cái nhân tốt, về sau sẽ thành Phật quả.





Chớm Xuân

Phụng Tú - Trần Xuân Thụy

Những tia nắng đầu tiên của ngày làm bừng lên sức sống thì người cảm nhận một cảm giác khác lạ. Mới hôm qua khí lạnh còn bàng bạc trong không gian. Khí lạnh như những mũi gai mỏng mảnh mà dày đặc luồn lách qua mấy lớp vải áo châm buốt da. Đêm hôm ngủ sớm, cuộn mình trong chăn dày sự còn lần tay tìm hơi ấm của người thân. Vậy mà sáng nay ấm áp lạ thường, cứ như vừa trong phòng máy lạnh bước ra ngoài. Màu nắng hôm nay cũng tươi và trong hơn. Như sóng sánh vậy. Sóng sánh trên muôn ngàn lá biếc. Màu nắng vàng tươi làm nổi rõ thêm màu xanh non vừa nhú dậy. Từ kẽ nách những cành, những chồi non hây hẩy một màu xanh dịu dịu như khỏi lớp vỏ xù xì của cây mẹ. Có cảm giác như những chồi non còn e thẹn, bẽn lẽn lắm. Chồi non có cảm nhận được rằng sự khai sinh ra nó là điều diệu kỳ của sự sống?...

Và kìa! Những nụ mai đã nở! Cánh mai vàng rực khẽ lay động như chào ai... Làn gió. Không. Gợn gió nhẹ như hơi thở mơn man khắp ngọn cỏ, chồi cây, hoa lá, thì thầm một điều kỳ diệu đã về... Hãy khoan nghĩ đến điều gì. Hãy nhìn vạt cỏ bên đường. Sức sống đang bừng lên xanh mướt, phơi phới khoe màu những nụ hoa bé xíu. Những cánh bướm bảnh bao sắc màu chẳng kém gì hoa cứ chờn vờn chờn vờn...

Chớm xuân rồi!

Nghe như có hương dịu ngọt, hương của hạnh phúc trẻ trung trong không gian. Người đi trên đường không còn giấu mình trong chiếc áo len to sụ, không còn sùm sụp trên đầu vành mũ dạ sụp đến vành tai. Dáng đi của người nhẹ nhàng hơn, trên môi chớm nét cười đầm thắm và ánh mắt long lanh... Nhưng hình như ai cũng vội vội vàng vàng?...

Vâng. Sắp Tết ấy mà!

Những ngày cuối năm lúc nào cũng tất bật. Việc công hay việc tư đều cố gắng hoàn thành để nghỉ Tết, lo Tết, chơi Tết và ăn Tết. Tết cổ truyền của dân tộc bắt đầu từ những ngày đầu tiên của năm mới âm lịch. Khí xuân, sắc xuân, hương xuân làm tăng thêm hương vị Tết. Để dù trong hoàn cảnh nào, người cũng cảm nhận thật trọn vẹn sự kết thúc và khởi đầu của một năm.

Tết. Ấy là sắp đến. Bây giờ mới chớm xuân thôi. Xuân còn bẽn lẽn như ánh mắt của người con gái vừa đến độ xuân thì. Xuân còn thanh tân chứ chưa mở màng tươm mật. Nhưng vạn vật đã bừng dậy sức sống mãnh liệt vì xuân. Bỗng nhớ câu thơ đã viết **sức sống mùa xuân như tuổi em mười tám**. Vâng. Xuân luôn khơi dậy sức sống mãnh liệt để vươn lên...



Chạy Trốn

(Trích trong kinh Bách Dụ & viết lời bàn: Hữu Tuệ)

Thuở xưa tại nước Càn Đà Vệ có một đoàn ca kịch, nhân vì trong nước phát sanh nạn đói hiểm nghèo, bọn họ mới sửa soạn hành lý ra nước ngoài phô diễn. Đường đi phải trải qua hòn núi Bà La Tân, nghe đồn trong núi có con quỷ la sát, nó thường ăn thịt người; nhưng khi đến núi thì trời đã tối, không thể lên chợ được, đoàn hát đành phải ngủ lại đó một đêm.

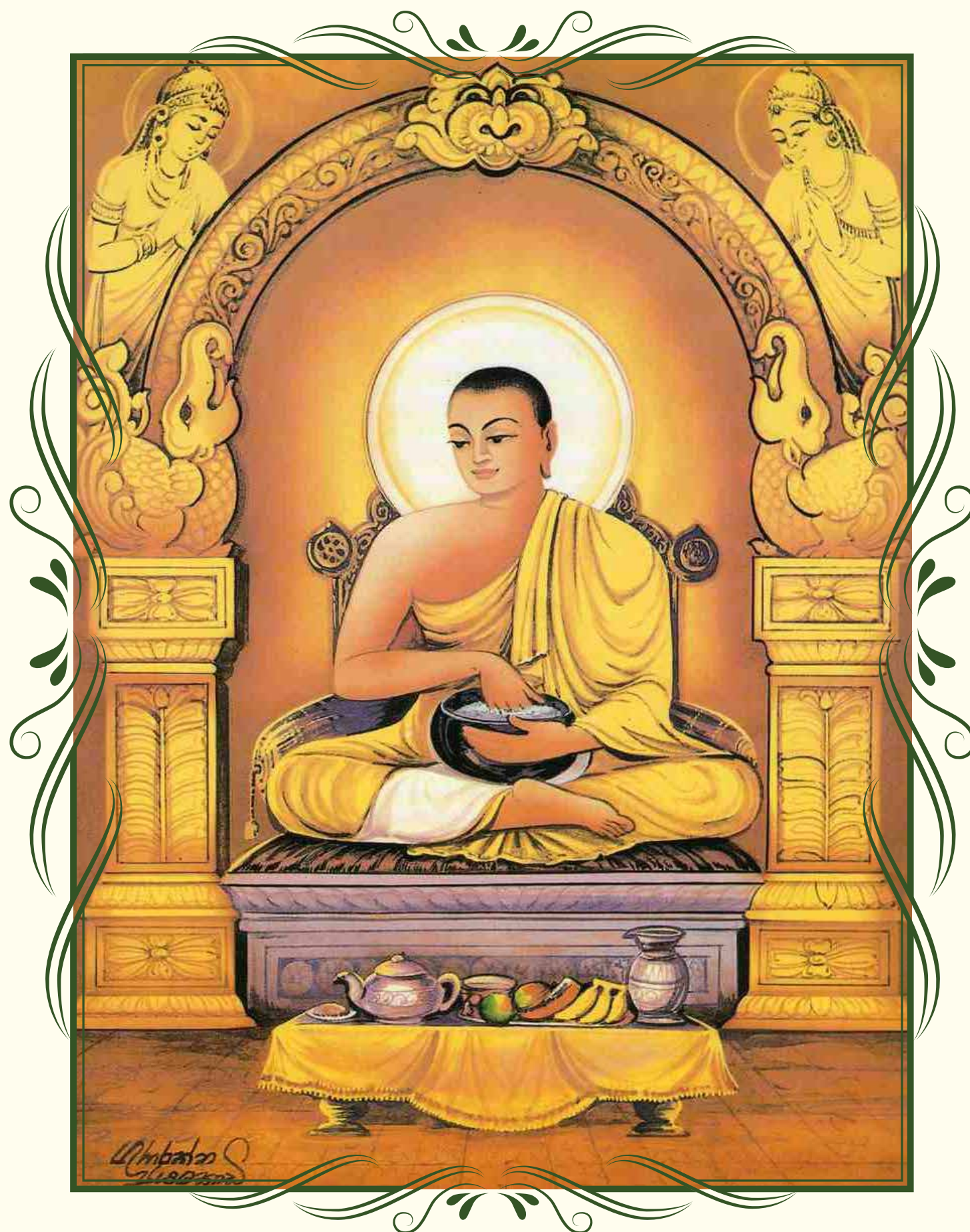
Trên núi gió nhiều càng lúc càng lạnh, bọn họ phải nhóm lửa để hơ, cả bọn đều nằm ngủ bên đống lửa. Trong bọn có một người phát bệnh nóng lạnh không chịu được hơi lạnh bên ngoài, bèn lấy một bộ đồ diễn kịch mặc nhưng lại lấy nhằm bộ đồ diễn lớp quỷ la sát mặc vào, ngồi bên đống lửa hơ ấm.

Sau đó, một người trong bọn thức giấc dậy, ngóc đầu dòm thấy bên đống lửa có người mặc đồ của quỷ la sát ngồi, sồn sác không chịu xem kỹ lưỡng, tưởng là quỷ thật ngồi rình, lập tức ba chân, bốn giò cầm đầu chạy một mạch, cả bọn nghe ồn ào đều giật mình thức dậy, không rõ đầu đuôi cũng cầm đầu chạy theo. Bấy giờ người mặc bộ đồ của quỷ la sát thấy cả bọn đồng chạy rất nhanh, không hiểu ắt giáp gì cũng chạy theo sau lưng bọn họ. Khi bọn chạy trước vừa chạy vừa nhìn lại sau, thấy phía sau có con quỷ la sát rượt theo rất gấp, kinh hoàng phi thường, bèn gắng sức chạy như điên, không quản chông gai đá sạn, chẳng kể suối sông lạch nguồn, băng chạy trời chết, thân thể cả bọn đều bị thương, tinh thần tán loạn. Bọn họ chạy đến sáng khi nhìn ngoái lại xem kỹ người mặc đồ quỷ la sát chạy theo sau không phải là quỷ thật. Cả bọn mới hoàn hồn đồng dừng chân lại.

LỜI BÀN:

Thân tâm không thanh tịnh,
Vạn sự khó phân minh.
Nẻo chân như thành kính,
Đuốc tuệ sáng dòng kinh.





Tôn giả Sivali vị thần Tài Lộc bậc nhất Trong hàng thánh tăng Phật giáo

Thích Nữ Giới Hương
Xuân Hương Sen, ngày 01/01/2020

Tết Nguyên Đán là dịp các Phật tử hay chúc nhau về sức khỏe, sắc đẹp và tiền bạc. Hiện nay các chùa Nam Tông và Bắc tông đã lưu tâm và phổ biến việc thờ cúng tượng Thánh tăng Sivali bởi lễ tôn giả được xem là đệ nhất tài lộc trong hàng các thánh tăng đệ tử của Đức Phật.

Trong Đại Phật Sử có mô tả hình ảnh tăng già thời Đức Phật như sau: Tôn sư Đức Phật Thích Ca tọa lạc chính giữa, bên trái có bốn mươi vị Tỳ kheo do ngài Mục-Kiền-Liên (đệ nhất thần thông) làm trưởng chúng đứng hầu và bên phải có bốn mươi vị Tỳ kheo do ngài Xá-Lợi-Phất (đệ nhất trí tuệ) làm trưởng chúng trong đó có tôn giả Sivali (đệ nhất tài lộc). Cuộc đời Tôn giả Sivali được ghi lại như sau:

ĐỜI QUÁ KHỨ CỦA TÔN GIẢ SIVALI

Một trăm ngàn kiếp về trước quá khứ dưới thời Đức Phật Liên Hoa Trắng Như Lai (Padumuttara), lúc bấy giờ ngài là một cư sĩ cùng với những người khác đến dự pháp hội thuyết pháp của Đức Phật. Khi thấy Đức Phật ban danh hiệu “tài lộc đệ nhất” cho một vị Tỳ-

kheo, Ngài cũng muốn được như vị Tỳ-kheo kia nên thỉnh Đức Phật về nhà thiết lễ cúng dường rất lớn suốt trong bảy ngày. Đối trước Đức Phật, ngài phát nguyện:

“Bạch Đức Thế Tôn! Với phước báo của sự cúng dường trong bảy ngày này, con không cầu phước báu giàu có sung túc, con chỉ mong sẽ được trở thành vị đệ tử tài lộc đệ nhất trong Tăng đoàn của Đức Phật thời tương lai, giống như vị Tỳ-kheo trước kia được Đức Thế Tôn thọ ký” và được Đức Phật thọ ký rằng “Nguyện của ông sẽ được thành tựu dưới thời Đức Phật Gotama (Phật Thích-ca)”.

Qua nhiều đời, ngài thác sanh trong cõi trời và người. Đến thời Đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipassi), ngài thọ sanh tại một ngôi làng gần thành phố Bandhumati. Lúc bấy giờ, người dân thành phố Bandhumati cùng ‘đưa’ với vua của họ để sắm lễ vật cúng dường Đức Phật, nhưng họ thiếu hai món là mật ong và sữa đông; vì vậy họ sai một người đứng canh ngay con đường dẫn vào thành phố.

Lúc đó, có người đàn ông (sau này là tôn giả Sivali) mang bình sữa vào phố bán để mua

vài món đồ. Dọc đường, ông gặp người muốn mua này và mua với giá hậu hỉ một đồng tiền. Ông ta nghĩ: “Những thứ này không đáng giá bao nhiêu tại sao ông ta lại trả tiền cho ta cao như vậy?”. Nghĩ thế, ông không bán. Người mua lại trả giá lên hai đồng tiền, ông cũng không bán. Biết người này đang cần và để tăng giá cao, ông vẫn cứ nói: “Không bán với giá này”. Người mua cứ trả giá tăng dần tăng dần đến một ngàn đồng tiền. Thấy lạ, ông hỏi: “Những thứ này chẳng đáng giá là bao sao ông chịu mua với giá quá cao như vậy?”. Khi nghe người mua kể việc người dân thành phố đang ‘đua’ với vua của họ để cúng dường Phật, nếu không có hai món này họ sẽ thua nhà vua, ông hỏi “Vậy chỉ có người thành phố mới cúng dường Đức Phật, còn người nhà quê như tôi đây có cúng dường Đức Phật được không?”

Sau khi nghe người nọ giải thích rằng ai cũng có thể cúng dường, ông nói: “Người dân thành phố của ông đang cúng dường Đức Phật, vậy có ai cúng dường một ngàn đồng tiền trong một ngày không?”, “Không”, “Này ông bạn, ông có biết là mật ong và sữa của tôi đang mang đây đáng giá một ngàn đồng tiền không?”, “Tôi biết.”, “Vậy thì ông hãy báo cho mọi người rằng có một người nhà quê sẽ đích thân cúng hai món này lên Đức Phật, các ông không phải tìm kiếm nữa và xin ông hãy làm chứng cho tôi rằng hôm nay tôi là người cúng dường vật đáng giá và đắt tiền nhất”.

Nói rồi, ông mua năm loại hương thơm (bằng tiền mua thức ăn đi đường) rồi trộn chung với mật ong và sữa, ngồi chờ tới lượt cúng dường của mình. Đến lượt, đối diện Đức Phật, ông bạch: “Bạch Đức Thế Tôn quang minh, vật phẩm cúng dường này là của một người nghèo khó như con, xin Ngài từ bi nạp thọ phẩm vật khiêm tốn này”. Đức Phật thọ nhận và chú nguyện, rồi chia cho sáu trăm tám mươi ngàn Tỳ-kheo mà vẫn còn chia không hết.

Khi thấy Đức Phật thọ thực xong, ông đánh lễ bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Hôm nay, mọi người dân của thành phố Bundhamati đều biết con cúng dường cho Ngài. Con nguyện

nhờ phước báo này mà con sẽ nhận được nhiều tài lộc, có nhiều tùy tùng và danh tiếng trong kiếp sau”. Đức Phật thọ ký cho ông rồi trở về tịnh xá.

ĐỜI HIỆN TẠI CỦA TÔN GIẢ SIVALI

Dựa theo kinh Tăng-nhất A-hàm đã mô tả khi mới sinh ra, hài nhi Sivali đã cầm viên minh châu tuyệt đẹp sáng chói. Với thiên nhãn thông và túc mạng thông, Đức Phật Thích Ca đã tiên đoán rằng:

“Hình ảnh viên minh châu này chứng tỏ đứa bé đã có vô lượng phước báu. Sau này khi tuổi trưởng thành sẽ dẫn năm trăm đồ chúng cầu học với Ta và sau khi xuất gia tu đạo sẽ chứng quả A-la-hán. Trong hàng Thánh Thanh Văn đệ tử, Sivali sẽ là bậc Phước Đức Đệ Nhất.”

Như lời thọ ký của Đức Phật, vào lúc hai mươi tuổi, Tôn giả Sivali đã cùng năm trăm người bạn xuất gia. Chỉ sau một thời gian ngắn tu tập, Tôn giả đắc quả A-la-hán và được phước báu khiến mình và mọi người xung quanh lúc nào cũng có đầy đủ bốn món vật dụng (y phục, vật thực, chỗ ở và thuốc men chữa bệnh). Đến nỗi hễ mỗi khi chư tăng đi hoằng pháp ở những vùng hẻo lánh, dân cư thưa thớt, nhưng nếu có tôn giả Sivali đi cùng thì những món vật dụng tự nhiên phát sanh đầy đủ. Đó là do nhờ oai lực quả phước thiện của tôn giả Sivali, đã cảm đến chư thiên, thị hiện ra xóm làng, thị thành và dân cư đông đúc để dâng cúng tứ sự. Và sau khi tăng đoàn đi khỏi nơi ấy thì xóm làng, kinh thành và thị chủ cũng biến mất.

Theo Tích truyện Pháp cú¹ và cuốn Cuộc Đời Thánh Tăng Sivali² có kể rằng một thuở nọ, Đức Phật cùng đoàn Chư Tỳ Khuru Tăng đông đảo đến ngụ tại khu rừng, nơi ở của Ngài Đại Đức Revata. Khi Đức Phật cùng Đoàn Chư Tỳ Khuru Tăng đi đến đoạn đường có lối rẽ. Ngài Đại Đức Ananda bạch với Đức Phật rằng:

- Kính Bạch Đức Thế Tôn, có hai con đường,

Đức Thế Tôn nên ngự đi con đường nào trong hai con đường này:

- Một con đường dài 30 do tuần, đầy nguy hiểm và có nhiều phi nhân, không có nơi khát thực và chỗ ở.

- Một con đường dài 60 do tuần, được an toàn, vì có làng xóm, chỗ ở và khát thực dễ dàng.

Đức Thế Tôn dạy:

- Này Ananda, Sivali có đi trong đoàn Tỳ Khuru phải không?

- Bạch Đức Thế Tôn, có Ngài Đại Đức Sivali cùng đi trong đoàn.

Đức Thế Tôn dạy:

- Như vậy, Chư Tỳ Khuru nên đi theo con đường dài 30 do tuần. Để biết rõ được quả phước thiện của Sivali.

Đức Phật cùng đoàn Tỳ Khuru Tăng đông đảo ngự theo con đường dài 30 do tuần. Tất cả Chư Thiên hay tin Đức Phật cùng đoàn Tỳ Khuru Tăng đông đảo, trong đó có Ngài Đại Đức Sivali kính yêu của họ, đang ngự dọc theo con đường này, nên vô cùng hoan hỷ. Cứ mỗi do tuần, Chư thiên lại hóa ra một kinh thành trù phú có dân chúng đông đúc, có những ngôi chùa lớn, trong mỗi ngôi chùa, lại hóa ra một cái cốc lớn dành cho Đức Phật và những cốc nhỏ dành cho những vị Tỳ Khuru. Trong các cốc đó có đầy đủ những vật dụng cần thiết của bậc xuất gia, để tiếp đón Đức Phật và đoàn Tỳ Khuru Tăng.

Khi Đức Phật cùng chư Tỳ Khuru Tăng đi đến đâu Chư Thiên lại hóa ra các cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam bảo, hộ độ cúng dường 4 món vật dụng đầy đủ sung túc.

Tất cả Chư Thiên đến hầu đảnh lễ Đức Phật xong, bạch Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài Đại Đức Sivali của chúng con ở đâu?

Khi gặp được Ngài Đại Đức Sivali, tất cả Chư Thiên vô cùng hoan hỷ, cho nên các món vật dụng y phục, vật thực, chỗ ở và thuốc men chữa bệnh phát sanh đến Chư Tỳ Khuru Tăng dồi dào, sung túc cho đến khi Đức Phật và đoàn Chư Tỳ Khuru Tăng rời khỏi nơi ấy.

Đức Phật cùng đoàn Chư Tỳ Khuru Tăng mỗi ngày đi được 1 do tuần, cứ mỗi do tuần Chư Thiên hóa ra các kinh thành trù phú, dân cư đông đúc như vậy để hộ độ Đức Phật và đoàn Chư Tỳ Khuru Tăng, trên suốt quãng đường dài 30 do tuần, cho đến khu rừng, nơi trú ngụ của Ngài Đại Đức Revata.

Ngài Đại Đức Revata hay được tin Đức Phật cùng đoàn Chư Tỳ Khuru Tăng đông đảo đến thăm, Ngài dùng thần thông hóa ra ngôi chùa lớn để Đức Phật thuyết pháp và là nơi hội họp của Chư Tỳ Khuru Tăng; hóa ra cốc Gandhakuti đầy đủ tiện nghi dâng lên Đức Phật, và những cốc nhỏ khác cho những vị Tỳ Khuru. Cũng bằng thần thông, Ngài Đại Đức Revata hóa ra một con đường lớn và xinh đẹp để đón rước Đức Phật và Chư Tỳ Khuru Tăng. Đức Phật cùng đoàn Chư Tỳ Khuru Tăng ngự đi trên con đường đó đến ngôi chùa lớn, rồi Đức Phật ngự tới cốc Gandhakuti, tất cả chư Tỳ Khuru mỗi vị vào nghỉ một cốc nhỏ đã hóa sẵn.

Chư thiên ở trong rừng vô cùng hoan hỷ đón rước Đức Phật và Chư Tỳ Khuru Tăng, trong đó có Ngài Đại Đức Sivali vô cùng kính yêu của họ. Chư thiên cũng hóa thành những cận sự nam, cận sự nữ biết được đã quá giờ thọ thực nên họ chỉ làm nước trái cây dâng lên Đức Phật cùng Chư Tỳ Khuru Tăng. Mỗi ngày Chư thiên hoan hỷ cúng dường 4 món vật dụng đến Đức Phật và Chư Tỳ Khuru Tăng. Rất đầy đủ sung túc. Do quả phước thiện của Ngài Đại Đức Sivali, suốt nửa tháng Đức Phật cùng đoàn Chư Tỳ Khuru Tăng ngụ ở khu rừng luôn được Chư thiên kính yêu và dâng lên các món y phục, vật thực, chỗ ở và thuốc chữa bệnh một cách đầy đủ, dồi dào sung túc chưa từng có bao giờ.

Một hôm Chư Tỳ Khuru hội họp bàn về

¹ Tích truyện Pháp cú, tập 2, Thiền viện Viên Chiếu, dịch, Nxb. Tôn Giáo, 2012, tr. 69.

² Cuộc Đời Thánh Tăng Sivali - Tỳ khuru Viên Minh & Tỳ khuru Khánh Hỷ.

chuyện Ngài Đại Đức Sivali có nhiều quả báu phước thiện đặc biệt nhất, không chỉ phát sanh 4 món vật dụng đến Ngài Đại Đức Sivali mà còn đến cả Chư Tỳ Khưu Tăng dù bao nhiêu cũng vẫn sung túc đầy đủ. Thật là điều phi thường! Không chỉ có các hàng cận sự nam cận sự nữ đem 4 món vật dụng đến cúng dường Ngài Đại Đức Sivali và Chư Tỳ Khưu Tăng, mà còn có cả Chư Thiên, Long Vương... cũng đem 4 món vật dụng lên dâng cúng Ngài Đại Đức Sivali và Chư Tỳ Khưu Tăng nữa. Các Tỳ Khưu đang bàn luận, khi ấy Đức Thế Tôn ngự đến bèn hỏi:

- Này Chư Tỳ Khưu, các con đang bàn về chuyện gì thế?

- Chư Tỳ Khưu bạch Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con đang bàn về quả phước thiện đặc biệt nhất của Ngài Đại Đức Sivali đã làm cho phát sanh 4 món vật dụng đến Ngài Đại Đức và Chư Tỳ Khưu Tăng dù nhiều bao nhiêu cũng vẫn đầy đủ sung túc.

Nhân dịp ấy, Đức Thế Tôn chủ trì một buổi hội Chư Đại Đức Thánh Tăng. Đức Thế Tôn tuyên dương cho toàn thể các hàng đệ tử biết rằng:

- Này Chư Tỳ Khưu, Sivali là bậc Thánh Thanh Văn đại đệ tử có tài lộc bậc nhất trong các hàng Thánh Thanh Văn đệ tử của Như Lai.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Chư Tỳ Khưu, Sivali có tài lộc nhiều là do nhờ quả báo của phước thiện đã tạo ở những kiếp quá khứ.

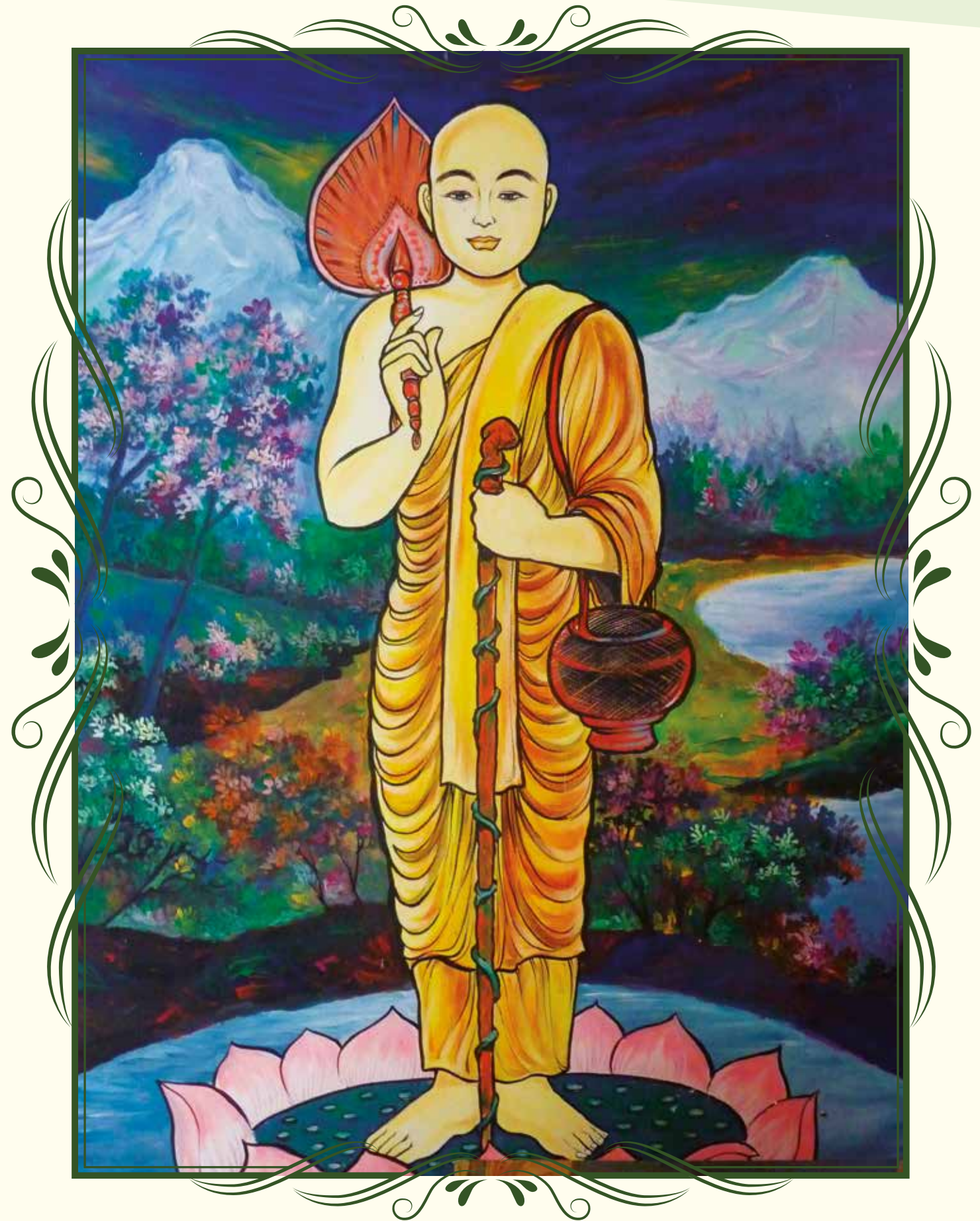
Như vậy, chúng ta thấy rằng Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳ-kheo đến giảng pháp ở trụ xứ của Tôn giả Revata và phải băng qua một sa mạc hoang vu không an toàn dài khoảng 30 dặm; nơi đây không có dân cư để cúng dường thực phẩm. Trước lúc khởi hành, Đức Phật đã hỏi Tôn giả A-nan xem có Sivali đi cùng không, bởi lẽ Đức Phật biết rằng nếu có Tôn giả Sivali hiện diện trong tăng đoàn hoằng pháp thì dù có đến nơi xa vắng hoang vu, tăng đoàn sẽ không bị đói và không bị nguy hiểm. Bởi vì

do phước báo đặc biệt “Phước Lộc Đệ Nhất” của Tôn giả mà các vị thiện thần (devatā) sẽ tùy duyên hóa hiện thành làng mạc, dân cư đông đúc an toàn bảo vệ cũng như hóa hiện có nhiều người cúng thí để cúng dường tứ vật dụng lên Đức Thế Tôn và tăng đoàn.

Đức Phật đã từng giảng về lý nhân duyên liên kết của quá khứ-hiện tại-tương lai. Quá khứ làm nhân cho hiện tại. Hiện tại là quả của quá khứ và nhân của tương lai. Tương lai là quả của hiện tại và tiếp nối. Hiện tại tôn giả Sivali sở dĩ được mệnh danh là Phước Lộc Đệ Nhất, sự hiện diện của ngài sẽ khiến tất cả mọi người xung quanh đều no đủ, đó là do nhân thắng duyên quá khứ nhiều kiếp, nhiều đời ngài đã gieo trồng như Đại Phật Sử đã kể chuyện tiền thân của ngài Sivali đã thành tâm cúng dường liên tiếp bảy ngày lên Đức Phật Liên Hoa Thắng Như Lai để nguyện tương lai làm vị tài lộc đệ nhất trong tăng đoàn của Đức Phật. Tích Chuyện kinh Pháp Cú cũng đã kể dưới thời Đức Phật Tỳ-bà-thi, tiền thân của tôn giả Sivali đã cúng dường 1000 đồng tiền, mật ong và bơ sữa tươi (vô thành viên như thuốc quý) và năm loại hương thơm để cầu tài lộc đầy đủ trong tương lai. Ngoài ra còn có nhiều chuyện tiền thân Asātarūpa (Jataka 100), Thánh nhân ký sự (Apadāna), Chú giải trường lão Tăng kệ, Chú giải kinh Tăng chi bộ và v.v... đã mô tả nhân duyên tạo phước quá khứ của ngài, đặc biệt nhấn mạnh mặc dù tiền thân của Tôn giả Sivali nghèo nàn quê mùa và lễ phẩm tuy đơn sơ, nhưng ngài đã cúng dường với tất cả lòng thành kính, không vì hám lợi mà bán món hàng cúng dường của mình cho người khác, không vì hám tiền nhiều mà bỏ mất cơ hội cúng dường Đức Thế Tôn để tạo nhân tốt cho quả hiện tại và tương lai.

Trước nắng xuân rực rỡ của năm mới 2020, bắt đầu những ngày của năm, kính chúc quý Phật tử luôn gieo nhân lành để gặt quả lành thì Thần Tài Sivali sẽ đến với tất cả.

Nam Mô Đệ Nhất Phước Báu Tôn Giả Sivali tác đại chứng minh.





Trung Thực

(Sưu tầm và viết lời bàn: HỮU TUỆ)

Thuở xưa có một ông vua cao tuổi muốn tìm người nối ngôi. Vua ra lệnh phát cho mỗi người dân một thúng thóc về gieo và giao hẹn: ai thu được nhiều thóc nhất sẽ được truyền ngôi và ai không có thóc sẽ bị trừng phạt.

Ở làng nọ có chú bé tên là Chôm mồ côi cha mẹ. Cậu cũng đi nhận thóc về và cố chăm sóc mà không một hạt thóc nào nảy mầm. Đến vụ thu hoạch, mọi người chở thóc về kinh đô nộp cho vua. Chôm lo lắng, đến trước vua quỳ tâu:

- Tâu bệ hạ! Con không làm sao cho thóc của Ngài nảy mầm được.

Mọi người sững sờ trước lời thú tội của Chôm. Nhưng nhà vua đã đỡ chú bé đứng dậy rồi ôn tồn nói:

- Trước khi phát thóc giống, ta đã cho lược kĩ rồi. Lẽ nào chúng còn nảy mầm được. Những xe thóc đầy ắp kia đâu phải thu được từ thóc giống của ta.

Rồi sau đó nhà vua đồng đặc tuyên bố:

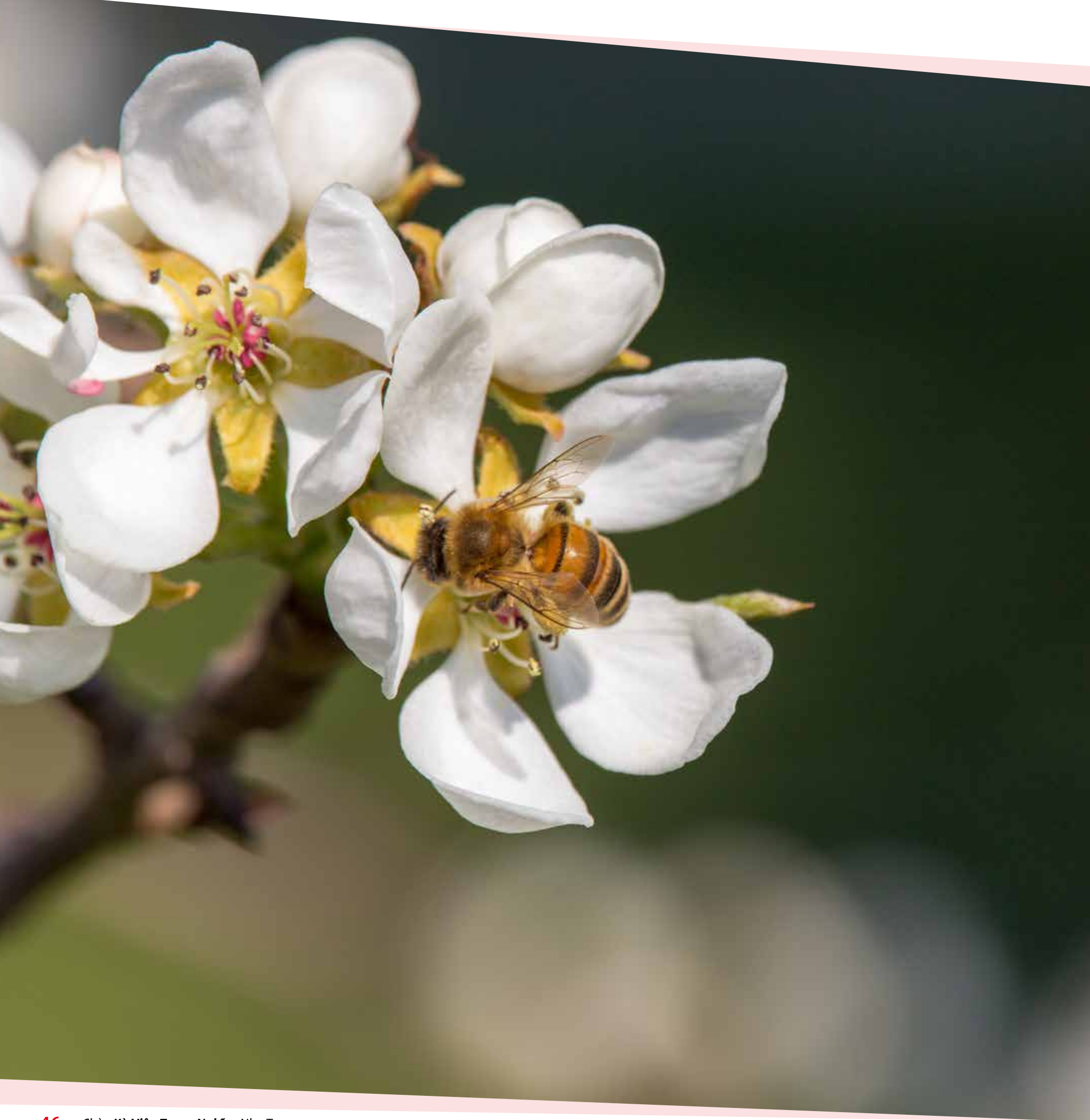
- Trung thực là đức tính quý nhất của con người. Ta sẽ truyền ngôi cho chú bé trung thực này.

Chôm được truyền ngôi và trở thành một ông vua đức trí hiền tài.

LỜI BÀN:

Giữ không hổ thẹn với đời,
Chân tâm TRUNG THỰC hẳn người quý yêu.
Giàu sang chức trọng của nhiều,
Trá gian ắt sẽ nhận điều rẻ khinh!
... NHÂN nào QUẢ nấy phân minh.





Thành Công – Thành Đạo

Hoàng Minh

Nhi thành: Công- Đạo, muốn nói đến 2 vấn đề quan trọng nơi thế gian và xuất thế gian là Thành công và Thành Đạo.

I/ THÀNH CÔNG

Trong cuộc sống, ai cũng muốn mình thành công trong cuộc đời, tuy nhiên để được thành công thỏa mãn ý muốn con người không hề dễ dàng. Người xưa nói: “Thành lập nan, thủ thành bất dị” (Xây dựng thành công khó khăn, mà giữ gìn sự thành công không dễ dàng). Thành một người bất hảo thì dễ, trở thành người có kiến thức và phẩm hạnh cao, ngôn hành chuẩn mực rất khó. Để xây dựng mẫu hình người lý tưởng thì trăm gian ngàn khó, phải học, học ở trường lớp, từ gia đình, học với xã hội, chỉ chuyện học thôi là phải trải qua bao nhiêu năm tháng, và biết bao nhiêu lần bị trách phạt mỗi khi sai cách, tốn tiền, hao tổn tâm huyết mới tạm gọi là có chút học vấn, tức là đã hoàn thành theo từng cấp độ học tập trong quy chuẩn xã hội.

Bàn một chữ Học thôi, Để đến thành công cũng nhiều khê. Chữ Học đó không phải chỉ riêng bản thân mình, mà gồm cả tập thể thân hữu quyến thuộc, bên cạnh mình ngày cũng như đêm, đón đưa vất vả, gắn bó từng chút. Cha mẹ mong con cái học tập thành công, Thầy tổ mong đệ tử thành tựu đạo nghiệp, thân hữu quyến thuộc mong chúng ta sớm thành đạt có công danh. Học còn có nghĩa là “bắt chước”, bắt chước theo những vị thức giả có kinh nghiệm đi trước, học theo điều hay, kỹ năng tốt cần thiết phục vụ cho nhu



cầu cuộc sống. Học là nhu cầu phát triển hiện hữu mọi nơi mọi lúc. Học nhằm tiếp thu kiến thức, trau dồi hiểu biết, bên cạnh cần có yếu tố không kém phần quan trọng chính là tu dưỡng, tu dưỡng tâm tánh, bồi dưỡng đạo đức, nhân cách.

Là bậc thầy có tâm huyết với nền giáo dục, hơn 40 năm cống hiến công lao cho sự nghiệp đào tạo Tăng, Ni, Phật tử và các đạo hữu gần xa. Mục đích xây dựng thế hệ trẻ, sống có lý tưởng để phụng đạo, sống có ích lợi cho gia đình và cộng đồng, với niềm mong mỏi đó, mong muốn sách tấn đàn hậu học vững bước trên đường tu học đầy cám dỗ trong cuộc đời. Sinh thời, xuất thân nơi xứ sở Bình Định, quê hương Anh Hùng Tây Sơn, Hòa thượng Thích Trí Viên, nguyên Trụ trì chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa- thành phố Nha Trang thường nói: Học mà không Tu là học vẹt, Tu mà không học là Tu mù. Tu mà thiếu học, Học mà thiếu tu đều khiếm khuyết, giống như giày không đủ đôi, dũa thiếu một chiếc, khó thành công trọn vẹn trong cuộc sống. **Như lời Hòa thượng Thích Trí Viên nói về Chuyện Thầy Trò:** “Một ngôi chùa, Thầy trò cùng sống, cùng tu, cùng bước theo con đường giải thoát mà chư Tổ đã đi. Tuy sinh hoạt mỗi nơi mỗi khác, nhưng lý tưởng là một. Do vậy, ai trong gia đình cầu giải thoát thực hiện sai lý tưởng ấy, gọi là “Lạm xí Tăng lân”, người ấy chịu tội rất nặng, không được gọi là Tăng bảo, ảnh hưởng thanh danh Thầy tổ và Cha mẹ. Vào chùa tu, còn có nghĩa là được báo hiếu. Trong Giới Bồ tát đã dạy: “Hiếu thuận với cha mẹ, Sư tăng, Tam bảo là pháp chí đạo. Hiếu là giới vậy”. Trong gia đình cầu giải thoát, người nào lạm dụng công sức, tứ sự cúng dường, tội không phải nhẹ, sẽ mang tiếng xấu là bất hiếu. Do vậy, tôi thường khuyên mấy chú: **Thầy nuôi mấy đứa con để thành người tốt, Tăng tài, Giảng sư, Kinh sư, Pháp sư chứ không phải nuôi đám người làm điều xấu, nói láo, ăn ngủ vô chừng, cắp trộm lặt vặt, gây bất bình trong cuộc sống nhà chùa.** Tất cả những tánh xấu ấy, người phát nguyện xuất gia không nên phạm vào.

Người có tư cách, biết suy nghĩ ở thế gian

còn chưa như vậy, hướng chi người đã xuất gia. Người xuất gia tâm hình đều khác đời, sao phạm vào cái tâm thường ấy?! Thầy muốn nói tiếp điều này: Năm nay, tuổi thầy đã lớn, thường bệnh đau, vô thường sẽ đến nay mai. Cho nên, thầy sẽ chết với cái chết an lành, trong ấy có sự nỗ lực tu, học, đạo hạnh của mấy đứa con. Thầy luôn luôn nhắc nhở mấy đứa con: Người tu sĩ thời nay, nếu thiếu tu, học và hạnh kiểm, sẽ là loại củi mục của thời đại, không ích gì cho bản thân, cho gia đình, cho thầy Tổ, Phật tử và xã hội. Thầy không có vật chất gì quý giá để lại cho các con, gọi là gia tài như người thế gian. Thầy gửi lại trái tim và cái đầu mà bao tháng năm thầy ấp ủ, hướng về huynh đệ của mấy đứa con. Thầy rất vui mừng điều ấy đến, khi Thầy đang còn ngồi nơi căn phòng nhỏ này. **(Hòa thượng-Thích Trí Viên, Dòng Thời Gian, NXB Văn Hóa Thông Tin, 2014, Tr.110-111).**

Thành công rất rộng, bao quát nhiều lĩnh vực, nhiều thế hệ, nhiều tầng lớp. Đứa trẻ mới lớn chưa biết nói đòi đồ chơi, thể hiện bằng sự khóc lóc, giãy giụa, khi được cha mẹ cho món đồ chơi là một thành công. Bậc Cha mẹ mong muốn khi con mình lớn lên được hạnh phúc, có nhà có cửa khang trang, có nếp có tẻ, con cái sum vầy, hiếu nghĩa với tông đường, có được vậy cũng là thành công. Học sinh thi đạt điểm tốt, sinh viên đỗ đạt vào trường đại học theo nguyện vọng, phấn đấu đạt cao học cũng là một thành công. Các nhà nghiên cứu sáng chế ra tác phẩm nghệ thuật độc đáo cũng là một thành công. Các nhà sư, nhà linh mục hướng đạo dẫn dắt môn-đệ trau dồi niềm tin chân chánh, tránh dữ làm lành, yêu thương tôn trọng sự sống cũng là một thành công. Các nhà phiên dịch hoàn thành dự án tác phẩm dịch thuật cũng là thành công. Các luật sư bào chữa hoàn thiện vụ án cũng là một thành công. Hoặc các giáo viên theo từng cấp độ dạy cho học trò biết lễ nghĩa, có kiến thức, có thành tích tốt cũng là một thành công. Các bậc lương y chữa trị dứt bệnh cho nhiều người cũng là thành công, v.v.. Tóm lại, khi một ai đó thực hiện thỏa mãn điều bản thân mình mong muốn chính là thành công. Không thành công nào mà không trả giá, tùy cái giá phải trả mà

mỗi chúng ta thu hoạch được thành công tương xứng. Điển hình tổng quát cho sự thành công từ việc tu dưỡng phẩm chất và chuyên cần học vấn, khiêm tốn, nhân đức thể hiện qua hình ảnh Thần Y Hoa Đà nổi tiếng suốt gần 2000 năm. “Hoa Đà chính là nhà Y học kiệt xuất của Đông Hán thời Tam Quốc ở Trung Quốc. Họ tên ông còn gọi là Hoa Phu, tự là Nguyên Hóa, là người huyện tiêu nước Bái (nay thuộc huyện Hào, tỉnh An Huy). Hoa Đà từ nhỏ thông minh, khéo khinh, thích đọc sách, thiên văn, địa lý, triết học, lịch sử, văn học, nông học, y học, môn nào ông cũng đọc. Không những đọc, ông còn học tập đến nơi đến chốn. Khi gặp những vấn đề khó, tự mình không giải đáp được, ông khiêm tốn xin chỉ bảo của những người trong ngành đó. Ông nghe nói ở Từ Châu có một trường rất tốt, thường xuyên có các học giả, chuyên gia đến đó để giảng bài, bất chấp đường xá xa xôi và khó khăn, đã gánh túi sách đến Từ Châu để học. Ông đã học mấy năm ở Từ Châu, đã đọc truyện ký của các danh y thời xưa như Biển Thước, Thương Công (tức Thuần Vu Y) đã mở rộng tầm nhìn và vô cùng mến phục họ. Đồng thời nhìn thấy chiến tranh loạn lạc khắp nơi, dịch bệnh tràn lan, nhân dân đau khổ vô cùng, bèn lập chí làm một người thầy thuốc. Về sau ông chuyên vào y học, khắc khổ đi sâu nghiên cứu kỹ thuật phòng bệnh, chữa bệnh. Ông một mặt tôn các danh y làm thầy, kế thừa di sản y học của những người trước, cố gắng dùng vào thực tiễn học tập rộng rãi kinh nghiệm của quần chúng, một mặt cố gắng thăm dò, mò mẫm con đường mới, đưa ra rất nhiều phát minh sáng tạo”. (Khương Tông Luân, Kiều Truyền Tảo, Tiêu Công Xuyên-TRUNG HOA ANH KIẾT, người dịch: Nguyễn An, NXB Văn Hóa Thông Tin, 1999, trang 124-125). Song song phẩm chất và tinh thần học tập thành công đó, ở Việt Nam cũng có hai vị Y tổ nổi tiếng là Hải Thượng Lãn Ông-Lê Hữu Trác, và Danh Y Thiền Sư Tuệ Tĩnh, cả hai nhà y học lớn không những thành công mà mang lại thành tựu lớn đóng góp cho nền Y học Cổ Truyền Việt Nam.

II/THÀNH ĐẠO

Thành công thôi chưa đủ, thành công thiên về thể hiện bản năng ý chí của con người quyết tâm phấn đấu đạt được mục đích của mình trong thế gian, khi thỏa mãn được mục đích của mình thấy cảm thấy được hạnh phúc, vui vẻ, thanh nhàn, còn khi chưa đạt được mục đích chính mình thì thấy buồn khổ, chán nản, bi quan. Tất cả những yếu tố này, đều ảnh hưởng đến sự nghiệp của một người, trong cuộc sống có rất nhiều cạm bẫy, mỗi một cạm bẫy là một ván cờ luôn thay đổi, mỗi một cạm bẫy là màn diễn nhập vai đậm màu sắc, tất cả mọi thứ đều liên quan đến sự vun bồi kiến thức và rèn luyện tố chất của mỗi người. Người có trau dồi kiến thức thì nhìn nhận mọi việc theo góc độ tích cực, thông qua sự hiểu biết cụ thể về sự việc liên quan, người không trau dồi kiến thức thì trắc trở khó khăn nhiều khi gặp nghịch cảnh, gặp rắc rối trong cách tiếp cận giải quyết vấn đề, dễ phát sinh yếu tố tiêu cực, buồn chán, sân si với những việc không như ý, từ đó, dẫn đến những hệ lụy đáng tiếc cho chính mình và người khác, làm tổn thương mối hòa hảo, gây bất an trong cuộc sống.

Một đạo sẽ khai thông được cõi lòng yêu thương cho mỗi người, yêu mến đạo cũng là yêu thiên nhiên, yêu sự vận hành của bốn mùa để thích nghi, yêu những kỳ quan sông núi trong vũ trụ, yêu những tinh thần lý tưởng khiến mỗi chúng ta được phát triển, an lành, vui vẻ. Yêu những người có nhân duyên gặp gỡ trong cuộc đời, ... chỉ có niềm yêu thương mới đem lại hạnh phúc, mà một đạo, yêu mến đạo tức là yêu trái tim đầy nhiệt huyết của mỗi chúng ta hòa cùng với cõi tự nhiên bao la rộng lớn. Về cuộc đời, Đạo chính là con đường, con đường thì có muôn nghìn lối, có đường lớn, đường nhỏ, đường rộng, đường hẹp, đường cong, đường thẳng, đường chánh, đường tà,... mỗi người đều có quyền lựa chọn cho mình một con đường phù hợp theo sở thích chính mình, mới đạt được thành công như ý. Nói về Đạo thì “KHÔNG NÊN CẦU NỆ: Trời không



có thể làm cho hoa mùa nọ nở vào mùa kia, cho nên thánh nhân không trái thời. Đất không có thể làm cho khí hậu xứ kia đổi sang xứ nọ, cho nên thánh nhân không trái tục. Thánh nhân không có thể làm cho tay biết đi chân biết cảm, cho nên thánh nhân không làm cho trái cái tài riêng. Thánh nhân lại không có thể làm cho cá biết bay trên không, chim biết bơi dưới nước, cho nên thánh nhân cũng không làm trái cái tài riêng của người. Vì vậy, lúc nên động, lúc nên tĩnh, lúc nên tối, lúc nên sáng, ta không nên câu nệ một đường nào, thì mới là hợp đạo. (T.G. Quan Doãn Tử) (Cổ Học Tinh Hoa, NXB Văn Học, 2011, Tr.312)

Thành đạo là nói đến sự thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh Giác của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, theo dòng lịch sử, Phật trước kia vốn là Thái tử Tất-đạt-đa, nơi quê hương Ấn Độ, tại thành Ca-tì-la-vệ, con vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma-da. Sinh thời, Thái tử Tất-đạt-đa sống trong hoàng cung, tương lai kế thừa vương vị, tài trí vô song, sống cảnh xa hoa quyền quý, đầy phi tần mỹ nữ, cận vệ vây quanh. Khi trưởng thành, có vợ là công chúa Da-du-đà-la, sanh hạ con trai La-hầu-la. Tuy nhiên, nỗi dằn xé nội tâm thốn thức không nguôi, từ khi Thái tử dạo chơi ngoài bốn cửa thành, thấy nhân dân đầy khổ đau, vướng ngập cảnh Sanh, Già, Bệnh, Chết. Nhận thấy nỗi đau bức bách của bá tánh, khiến trái tim Thái tử như xé toạc đớn đau, từ đó, ấp ủ ý chí xa rời cung vua, từ bỏ quyền lực, dục lạc chốn xa hoa, nửa đêm, lén ngấm vợ lần cuối, quyết ra đi tận thâm sơn cùng cốc, tìm thầy học đạo, tìm phương thuốc cứu khổ cho nhân loại chúng sanh thoát cảnh Sanh, Già, Bệnh, Chết. Trong rừng sâu, núi tuyết, Thái tử đã thọ giáo nhiều tiên nhân, theo học nhiều môn, khổ hạnh đầy dẫy. Thế mà, thực hành xong chỉ tốn công vô ích, đều là thất bại, không có hiệu quả thành công. Sau sáu năm khổ hạnh nơi rừng sâu, tận mọi khả năng vẫn chưa tìm ra chân lý giải thoát. Lần sau cùng, bên bờ sông Ni Liên Thiền tắm rửa sạch sẽ, lê bước đến dưới cội cây Bồ-đề, Thái tử an nhiên tĩnh tọa, quyết tâm thệ nguyện: “Từ nay, dù thịt nát xương tan, nếu chưa tìm ra chân lý giải thoát thì nhất quyết

ta không rời khỏi cây Bồ-đề này”. Từ lời thề nguyện, mãi bốn mươi chín ngày thiền tọa, quán chiếu, tư duy vạn vật, đến giữa khuya khi sao Mai vừa mọc, Thái tử hoát nhiên đại ngộ, thông tỏ chân lý các pháp trong vũ trụ. Thì ra các pháp vốn thường vắng lặng, không sanh không diệt, các pháp đều do nhân duyên sanh khởi. Duyên sanh pháp sanh, duyên diệt pháp diệt. “Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác” (Phật pháp đều tại thế gian, không rời sự giác ngộ thế gian). Thời điểm đức Phật hoát nhiên đại ngộ chính là **Thành Đạo**, là thời điểm thiêng liêng nhất trong lịch sử nhân loại, vì đánh dấu sự kiện giác ngộ của bậc vĩ nhân thực thụ hiện hữu trong cuộc đời này, dấn từ bỏ những cám dỗ cuộc sống chốn vương cung, danh vọng, quyền lực, tài sắc, hưởng thụ dục vọng nơi thế gian, quyết tâm xuất gia tìm chân lý giải thoát Sanh-Tử cho nhân loại chúng sanh.

Ngọn đèn Chánh Pháp là biểu tượng Thành đạo đã truyền giữ lửa suốt hơn gần 3000 năm, đến nay vẫn thường trụ. Từ khi thành đạo, đức Phật mở rộng hoàng dương Chánh pháp, hơn 300 hội đàm kinh, độ vô lượng chúng sanh, trên từ đức vua cao quý, dưới đến người bần khổ thấp hèn, không chúng sanh có duyên nào không được độ.

Thành công, thành đạo là hai yếu tố cần thiết cho những ai để hướng đến sự phát triển tối thượng trong cuộc đời phiền não trầm luân đầy thành bại nơi thế giới này. Đức Phật ra đời vì làm lợi ích cho các chúng sanh đau khổ, khi chúng sanh không còn khổ nạn thì đức Phật cũng không còn hiện hữu nơi Sanh tử. Đức Phật ra đời vì lòng đại từ thương mến chúng sanh, vì lòng đại bi cứu khổ chúng sanh, nên mới thị hiện Đản sanh, Thành đạo, Niết bàn trong cõi Ta-bà này, thị hiện nhiều hình tướng, nhiều danh hiệu, tùy từng căn cơ chúng sanh mà phổ độ, tùy duyên thuyết pháp, tùy duyên hóa độ, không một pháp nào nhất định. Chúng sanh vô lượng, nên đức Phật cũng có vô lượng danh hiệu tánh đức giáo hóa. Bậc đại hùng, đại lực, đại từ bi xuất hiện ở đời mục đích duy nhất làm chúng sanh

lìa khổ được vui. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật nói: “Chư Phật tử! Tất cả chư Phật trong mười phương biết rằng chúng sanh ưa thích không đồng, nên tùy chỗ thích nghi mà thuyết pháp điều phục họ, nhằm đến khắp Pháp giới, hư không giới.

Chư Phật tử! Đức Như Lai nơi thế giới Ta-bà này, trong những tứ châu thiên hạ, thị hiện nhiều thân, nhiều hiệu, nhiều sắc tướng, nhiều dài ngắn, nhiều tuổi thọ, nhiều xứ sở, nhiều căn, nhiều chỗ sanh, nhiều tiếng lời, nhiều quan sát, khiến chúng sanh đều thấy biết khác nhau.

Chư Phật tử! Đức Như Lai ở trong tứ châu thiên hạ này, hoặc hiệu Như Thích Nghi, hoặc hiệu Viên Mãn Nguyệt, hoặc hiệu Sư Tử Hống, hoặc hiệu Thích Ca Mâu Ni, hoặc hiệu Đệ Nhất Tiên, hoặc hiệu Tỳ Lô Giá Na, hoặc hiệu Cù Đàm Thi, hoặc hiệu Đại Sa Môn, hoặc hiệu Tối Thắng, hoặc hiệu Đạo Sư, có mười ngàn hiệu như vậy, khiến chúng sanh thấy biết riêng khác”.(Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Phẩm Như Lai Danh Hiệu thứ bảy, Dịch giả: Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, NXB Tôn Giáo, 2003, Tr.381).

Có nhiều việc ý nghĩa trong đời, việc ý nghĩa nhất là xây dựng niềm tin tốt. Một trong niềm tin tốt cần nhân rộng theo quan điểm kiến giải thẳng thiện trong việc xây chùa, kính Phật, trọng Tăng của bậc đế vương trong lịch sử Việt Nam. Như vua Quang Trung - Nguyễn Huệ chú trọng việc xây dựng chùa chiền lớn và tuyển chọn Tăng tài thờ Phật. Tại vùng đất Tây Sơn, Bình Định là nơi phát tích vị vua trẻ tài năng trong lịch sử đất Việt, vua Quang Trung rất có tâm ý phụng đạo, cho thấy Đạo chính là con đường tâm linh đưa tâm thức con người thăng hoa trong cuộc sống. Đạo là Tự nhiên, là quy luật vũ trụ, là lý âm dương thiên biến vạn hóa, là tư tưởng giải thoát khổ não cho những ai mộ đạo. Nhận thấy công đức từ bi vô lượng thương mến chúng sanh của đức Phật và giáo Pháp đức Phật cao sâu thăm thẳm nên với tuệ căn một trong những bậc tướng hào hùng của dân tộc Việt, nhà vua Quang Trung-Nguyễn Huệ đã có sách lược chú trọng phát

dương Phật đạo, vua Quang Trung xét thấy cần khuếch trương đạo cao sâu của đức Phật, nên ra lệnh xây chùa lớn trong mỗi quận, huyện khắp cả nước: “VIỆC LÀM CHÙA CHIỀN- Vua Quang Trung thấy làng nào cũng có chùa chiền, mà những người đi tu hành thì ngu dốt, không mấy người đạt được cái đạo cao sâu của Phật, chỉ mượn tiếng thần thánh mà đánh lừa kẻ ngu dân. Ngài xuống chiếu bắt bỏ những chùa nhỏ ở các làng, đem gỗ gạch làm ở mỗi phủ huyện một cái chùa thật to, rất đẹp, rồi chọn lấy những tăng nhân có học thức, có đạo đức, ở coi chùa thờ Phật. Còn những người không xứng đáng thì bắt về làm ăn. Ý vua Quang Trung muốn rằng chỗ thờ Phật phải cho tôn nghiêm mà những người đi tu hành thì phải là người chân tu mộ đạo mới được. Những việc cải cách ấy rất có nghĩa lý, nhưng vì thườ ấy có nhiều sự chiến tranh và nhà Tây Sơn cũng không làm vua được bao lâu cho nên không có hiệu quả gì cả”. (Trần Trọng Kim, VIỆT NAM SỬ LƯỢC, NXB Văn Hóa Thông Tin, 2002, Tr.409).



Ngày Tháng Qua Mau

Thích Nguyên Sanh

Sự xoay vần chuyển đổi tự nhiên của thời gian, được biểu hiện qua những trạng thái: Hạ về, Thu sang, Đông tàn, Xuân đến. Con người chúng ta cứ như thế mà chuyển vận trong dòng đời sanh diệt. Ta đi ngang qua cuộc đời làm người khách trọ, chợt giật mình thấy ngày tháng qua mau, sáng chiều nhanh chóng, vô thường chi phối trong ta từng giây từng phút.

Đức Phật dạy: «Ngày nay đã qua, mạng sống giảm dần, như cá thiếu nước, nào có vui chi, hãy siêng năng tu hành, như cứu lửa cháy đầu, nhớ nghĩ vô thường, chớ có buông lung. “Người tu chúng ta có những cảm xúc tâm sự gì mỗi khi chiều đến? Chính lời dạy của Đức Phật đã gọi cho ta những cảm xúc đó. Ta bỏ cả một đời để đầu tư vốn thời gian vào sự sống, dĩ nhiên sự sống vật chất là quan trọng ở trong cuộc đời tương đối này, nhưng có quan trọng bao nhiêu, thì nó cũng phũ phàng với ta khi ta nhắm mắt xuôi tay. Trong khi đó, điều tối quan trọng của ta là sanh tử, mà ta chưa một lần nhớ nghĩ đến, chợt nhìn lại thì tuổi đời đã dần dần xé bóng. Vậy, còn chần chờ gì nữa mà ta không lo hạ thủ công phu, hành trì Niệm Phật?. Thiền sư Y Am tinh tấn tu tập hằng ngày, nhưng mỗi khi chiều về, là Ngài sa nước mắt than rằng: «Đạo nghiệp hôm nay chẳng ra gì, không biết việc tu hành của ngày mai sao?». Giọt nước mắt của vị Thiền sư đáng để cho ta suy ngẫm về thân phận đời người. Mỗi ngày sáng, trưa, chiều, tối, ta hãy tự hỏi công phu của mình được bao nhiêu, trong khi mạng sống mỗi ngày mỗi hao mòn suy kiệt?,

nếu ta chần chờ hứa hẹn, không lo nghĩ đến việc tu hành Niệm Phật, thì khó mà giải quyết được nỗi khổ đau sanh tử. Chính nghiệp lực mới là người bạn chung tình với ta, vì nó đi theo ta từ đời này sang kiếp khác như hình với bóng, trong khi đó, của cải vật chất, ta cố nắm giữ bao nhiêu, thì nó bạc bẽo với ta bấy nhiêu. Thấy người bệnh, hoặc người chết, ta hãy là người khôn ngoan tự cảnh tỉnh rằng, rồi sẽ đến phần mình, vấn đề là kẻ trước người sau mà thôi. Tất cả các phương thuốc ở đời đều vô dụng, chỉ có phương thuốc Niệm Phật mới chữa trị được căn bệnh sanh tử khổ đau. Đức Phật dạy: «Khi ta sinh ra, ta không đem đến một đồng nào. Lúc chết, ta cũng chẳng lấy một đồng nào đem đi», cái cuối cùng ta đem đi đó là nghiệp lực, mà thiện nghiệp hay ác nghiệp là do chính hành động thân khẩu ý của ta tạo ra. Mỗi ngày ta không có được phút giây nào Niệm Phật, là ta đã xa rời chính mình, trong khi vốn thời gian để ta đầu tư cho đời người chỉ trên dưới 100 năm, nhưng có mấy ai sống trọn? Ta đã để quá nhiều thời gian vào việc tranh giành, hơn thua, giận hờn, tật đổ... thì quả thật oan uổng cho kiếp người. Vậy, ta hãy tinh tấn Niệm Phật để nạp năng lượng giải thoát cho đời mình, và tỏa năng lượng an lành đến với người, thì nỗi khổ sanh tử được giảm dần trong ta từng ngày.

Từ sáng sớm thức giấc, cho đến chiều tối đi ngủ, giây phút nào ta không làm nô lệ cho tham sân si phiền não sai khiến, bởi nhờ niệm A DI ĐÀ PHẬT, là ta thật sự có những giây phút trọn vẹn an lành hạnh phúc.

Ngưỡng vọng Từ Đàm

(Chí tâm Đảnh lễ giác linh trưởng lão Hòa thượng pháp hiệu Trí Quang)

Trang nghiêm, diu dặt..

Đức Quảng

Lời Từ Đàm vọng khắp núi sông Đuốc sáng
Vĩ đại nguyện lợi sanh bước đi Bảo Pháp

ngôi Huế đô bi hùng Ngải thị hiện trong hàng tinh dầu Đại Trí Kim
nạn chuyển rung bạo tàn Cùng hiệp hòa xây nền thống nhất Đạo Pháp Quê

Cương Lao Cường Phổ Tán

Vĩ đại....

... hương sáng chung niềm tin

Quê hương

qua trăm năm thuộc địa Rồi một ngày nhìn non nước chia đôi Đạo Pháp Chấn
...qua quê hương Từ Đàm Nguồn đạo vàng đà lan tỏa muôn nơi Còn nhớ những

hưng xây lại tình người Trùng tuyên Pháp âm an vui cuộc đời
ai vô ngại vào đời? Nguyên mãi khắc ghi ân sâu vời....

Ai đi... .. vợi

Ngày Từ Đàm cung tiễn Ôn đi Nước mắt

Lễ Trà tỳ thiếu đốt chơn thân Lấp lánh

thành bảo giông giảng trời Lời Từ Đàm như tròn trăng sáng Pháp giới oai
ngôi sáng quanh đỉnh đầu Cùng phủ phục biển bờ tuệ giác Đại Trí Lăng

nghi nhiệm màu đại trí.

Lễ Trà ..

....Nghiêm Kim cương thượng sư.

Tình Quê

HỮU TUỆ - KIỀU XUÂN CẢNH

Đường quê cuối Chạp mưa bay,
Nôn nao vẫn cứ từng ngày vẫn vương.
Bước đời dầu có trăm phương,
Không sao quên được con đường quê cha.

Cót mòn lấm nổi phong ba,
Tâm phàm giữa cõi Ta Bà chông chênh!
Bao lần vấp ngã đứng lên,
Con nường Phật pháp lòng thành thang vè.

Sáng nay hương khói bay mờ,
Biết mình không giữa giấc mơ đêm nào.
Và như giọt nắng xuân xao,
Tình quê luôn mãi dạt dào trong tim.

Lạy Phật lên đỉnh Linh Sơn

Lễ Phật dưới chân núi lên tới đỉnh Linh Sơn
Thân tặng huynh tử đệ muội đoàn hành hương đất Phật
Tỳ kheo Thích Trung Đạo

Bình minh sương đậu trên vai
Cùng nhau nô nức dặm dài hướng xa
Xe lăn trong bụi thu nhòa
Con về Linh Thửu chan hòa niềm vui
Linh Thửu sơn, tới đây rồi
Pháp âm vi diệu giữa trời trong xanh
Cùng nhau pháp phục trang nghiêm
Nhất tâm lễ Phật hướng lên đỉnh trời
Hai hàng khổ lụy trùng khơi
Hai hàng dân khổ đứng ngồi chông chênh
Lạy từ chân núi đi lên
Mồ hôi, nước mắt thấm trên đất này
Lời kinh hạnh nguyện vút bay
Nam mô Đức Phật cao dày từ ân
Tăng Ni trường Đại Tòng Lâm
Gieo mình xuống đất, Linh Sơn chốn này
Bụi đường lem lấm hai tay

Cát dày dính trán, áo này vương tro
Dần dà tới đỉnh Linh Sơn
Hình như Đức Phật vẫn còn ngồi đây
Nhìn nhau nước mắt đọng đầy
Núi cười mây trắng vờn bay quanh trời
Pháp hoa âm hưởng chơi vơi
Đồng thanh trì tụng nghẹn lời chúng con
Phút giây hạnh phúc vô cùng
Lạy và niệm Phật linh thiêng chốn này
Ngàn sau mây trắng còn bay
Chim thiên thu đậu phút này Linh sơn.



Tính Chất Của Chánh Niệm

Người dịch : Lê Kim Kha

Chánh niệm là một trong năm căn tâm linh (indriya) giúp tạo nên sự thành công của thiền. Nếu chánh niệm không được hiểu biết một cách đầy đủ và thực hành một cách đầy đủ, thì bạn có thể lãng phí rất nhiều thời gian trong việc thiền tập của mình.

Thiết Lập Người Gác Cổng

Chánh-niệm không phải chỉ là biết, biết được, tỉnh thức, tỉnh giác, hoàn toàn ý thức được cái gì đang xảy ra xung quanh bạn. Chánh niệm còn (i) hướng dẫn sự ý thức hay tỉnh giác đến những vấn đề cụ thể, (ii) nhớ những điều hướng dẫn, và (iii) đưa ra ứng phó. Trong một ví dụ, Đức Phật đã mô tả sự chánh-niệm giống như một người gác cổng (AN VII, 63).

Giả sử bạn là một người giàu có thuê người gác cổng nhà của bạn. Một chiều nọ, trước khi đi đến chùa để thiền tập, bạn nói với người gác gian hãy chú tâm để ý đến những tay trộm cắp. Khi bạn trở về, lòng từ bi của bạn biến mất khi bạn thấy nhà mình đã bị dọn sạch. “Tôi đã dặn anh phải chú tâm canh gác mà!”, bạn la người gác cổng. Người gác cổng đáp lại: “Dạ thưa, tôi đã luôn chú tâm quan sát, tôi chú tâm vào đám ăn trộm từ khi chúng đột nhập vào, và tôi cũng chú tâm quan sát chúng

lần lượt mang TV màu màn hình phẳng và dàn máy âm thanh ra khỏi nhà. Tôi cũng chú tâm quan sát chúng đi vào nhiều lần, và tâm tôi không bao giờ ngừng quan sát, không xao lãng khỏi từng tên trộm, tôi cũng quan sát kỹ chúng mang đi những bộ đồ cổ và những chỗ vàng bạc của ngài”.

Bạn nghe vậy bạn có thấy vui với lời giải thích về sự chú tâm [chánh niệm, tỉnh giác] là như vậy không?. Một người gác cổng khôn ngoan thì phải biết việc chú tâm chánh niệm không phải chỉ là sự chú tâm thuần túy, không phải chỉ xem ai làm gì thì làm. Một người gác cổng phải nhớ lời dặn (hướng dẫn) và thực hiện nhiệm vụ một cách siêng năng. Nếu anh ta thấy ăn trộm đang đột nhập vào nhà thì anh ta phải ngăn chặn hoặc ít nhất cũng kêu cảnh sát đến chứ.

Tương tự vậy, người tu thiền không chỉ ngồi đơn thuần chú tâm vào bất cứ điều gì đến và đi khỏi tâm. Người thiền khéo léo thì nhớ đến những lời hướng dẫn và thực tập chúng một cách chuyên cần. Chẳng hạn, Đức Phật đã từng hướng dẫn về sự “nỗ lực đúng đắn” [chánh tinh tấn] là chi phần thứ sáu của Bát Chánh Đạo. Người thiền khôn khéo khi thực hành chánh niệm quan sát trạng thái bất thiện nào đang đột nhập vào tâm, thì người ấy phải ngăn chặn nó. Và khi có bất cứ trạng thái bất thiện hay không lành mạnh nào đã lọt vào trong tâm, thì người ấy phải tìm cách tổng đuổi nó ra. Những trạng thái không lành mạnh, như ái dục hay sân giận, giống như những tên trộm hay những kẻ dụ dỗ, chúng sẽ cướp đi sự bình an, trí tuệ và hạnh phúc. Bởi vậy, chánh niệm có hai chức năng: tỉnh giác và nhớ lời hướng dẫn.

(Tỉnh-giác là chú tâm, luôn ý thức, luôn thấy biết cái gì đang xảy ra. Nhớ (niệm) là nhớ bài, nhớ những hướng dẫn và phương pháp để đối ứng và tu tập đúng đắn để phát triển tâm.)

Trong kinh điển Phật giáo, tiếng Pali là “sati” được dùng với hai nghĩa là tỉnh giác và nhớ. Người có sự chánh niệm tốt là người có trí nhớ tốt. Khi bạn chú tâm hoàn toàn vào

cái mình đang làm, thì sự tỉnh giác sẽ khắc ghi trong tâm bạn; để cho bạn dễ dàng nhớ lại. Ví dụ, giả sử đã có một tình huống bạn sắp bị tông xe. Vì sự hiểm nguy này, sự chú tâm của bạn trở nên cực kỳ sắc bén. Và bởi vì cường độ chú tâm lúc đó quá mạnh, nên bạn nhớ rõ sự kiện đó một cách rõ rệt. Ngay cả khi đi ngủ, bạn cũng khó mà quên được nó. Điều này cho thấy mối liên hệ của sự chú-tâm (tỉnh giác) và sự-nhớ (niệm). Khi bạn càng chú tâm vào những gì bạn đang làm, bạn càng nhớ nó rõ rệt hơn. Xin nhắc lại, hai hành vi này luôn đi chung với nhau: sự chú tâm (tỉnh giác) và sự nhớ (niệm).

Nếu những người gác gian tập được sự chú tâm, họ sẽ chú tâm cẩn thận vào những lời hướng dẫn mà người chủ (hay chỉ huy của họ) đã nói. Nếu họ đã chú tâm hoàn toàn vào những lời hướng dẫn, thì họ sẽ nhớ rõ chúng và thực hiện một cách siêng năng. Như vậy, chúng ta nên dặn dò [hướng dẫn] mình chú tâm hoàn toàn thì chúng ta sẽ nhớ rõ những gì mình cần phải làm. Cũng vậy, công việc của người thầy là đưa ra những hướng dẫn rõ ràng để giúp chúng ta dẫn dắt tâm của mình. Khi việc truyền dạy và tu tập trong thiền được thực hiện một cách bài bản, có phương pháp, và mỗi giai đoạn thiền tập phải được định nghĩa rõ ràng, thì người gác cổng [sự chánh niệm] của chúng ta sẽ có được sự rõ-ràng để thực hiện nhiệm vụ.

Hướng Dẫn Người Gác Cổng

Khi bắt đầu thiền tập, bạn nên nhớ rằng có một người gác cổng ở bên trong- một cái gì đó có thể (i) biết hay ý thức được những gì đang diễn ra và (ii) nhớ những điều hướng dẫn¹. Ví dụ, khi bạn thiền tập giai đoạn chú tâm vào giây phút hiện tại, bạn hãy bảo người gác cổng đại khái như vậy: “Đây là lúc phải chú tâm (tỉnh giác) vào giây phút hiện tại”. Nói với người gác cổng ba lần. Nếu bạn nhắc lại điều gì nhiều lần, bạn sẽ nhớ nó rõ rệt hơn. Lúc nhỏ khi đi học, ta không đánh vần được một chữ

khó, ta phải viết và đọc nó cả trăm lần, rồi sau đó mới thuộc được nó. Lúc đó ta phải nỗ lực và chú tâm chánh niệm mới được làm được. Những gì dễ làm thì không cần nhiều sự chú tâm. Vì vậy, phải “làm khó” bản thân mình một chút bằng cách lặp lại hướng dẫn: “Ta sẽ chú tâm (tỉnh giác) vào giây phút hiện tại (3 lần). Đối với người gác cổng, cùng những “người làm” khác, bạn đừng nhắc lại nhắc lại một hướng dẫn sau một vài giây hay phút. Chỉ cần đưa ra và nhấn mạnh ba lần vào lúc đầu, rồi để người gác cổng tự làm nhiệm vụ của mình. Hãy tin là người gác cổng sẽ nhớ rõ công việc.

Nếu cứ nhắc đi nhắc lại hướng dẫn cho người gác cổng thì chẳng khác nào bạn ngồi ghế sau mà cứ chỉ chờ người tài xế taxi. Bạn chỉ cần nói rõ từ đầu địa chỉ mình cần đến rồi ngồi ngả lưng ở ghế sau và để cho tài xế tự tìm đường đúng nhất để chở bạn đến đó. Bạn cần tin tưởng tài xế biết đường nào tốt nhất đi đến đó. Nhưng nếu tưởng tượng bạn cứ liên tục chỉ thị tài xế “quẹo trái..., quẹo phải..., nhanh lên..., chậm lại..., trả lại số ba..., nhìn kính chiếu hậu..., giữ làn bên phải...”, thì chắc chắn rằng chỉ sau một vài trăm thước, người tài xế đó sẽ “tống” bạn ra khỏi xe ngay. Tương tự vậy, nếu người thiền cứ liên tục chỉ thị này nọ với người gác cổng [sự chánh niệm] thì tâm sẽ nổi điên lên và từ chối hợp tác.

Hãy để yên cho tâm làm công việc của mình trong khoảng khắc hiện tại. Đừng xía vào nó liên tục. Hãy bàn giao sự hướng dẫn rõ ràng cho tâm, và sau đó buông ra và chỉ quan sát. Nếu bạn thiết lập sự chánh niệm theo cách này, bạn sẽ thấy rằng tâm sẽ làm theo đúng những gì được hướng dẫn. Tâm vẫn còn vấp phải nhiều thứ, và cần phải tu tập thêm nữa. Tuy nhiên, một điều chắc chắn là: Một khi bạn đã giao hướng dẫn cho sự chánh niệm, thì ngay khi tâm xao lãng về quá khứ hay tương lai, chánh niệm sẽ nhớ quay trở lại giây phút hiện tại. Đối với bạn, như một người quan sát, đó là điều diễn ra một cách tự động. Bạn chỉ

cần ngồi quan sát “người gác cổng” làm công việc của anh ta mà không cần phải chỉ thị thêm này nọ. Đó chính là sự hiểu biết về tâm và làm việc với bản tính của nó.

Tôi khuyến khích các bạn chơi những trò chơi với tâm để thử biết những năng lực của nó. Ngày xưa khi tôi bắt đầu khóa thiền đầu tiên, tôi được dạy là không cần để đồng hồ báo thức. Ví dụ bạn chỉ cần tự nói với mình là sẽ thức dậy 5 giờ sáng, thì bạn sẽ dậy trước 5 giờ sáng 5-10 phút. Tâm làm được như vậy. Tôi không biết tâm nhớ như thế nào, những nó đánh thức ta dậy đúng giờ. (Điều này xảy ra bình thường đối với rất nhiều người, ngay từ lúc nhỏ khi chúng ta có tâm ý trước khi đi ngủ là sẽ dậy mấy giờ sáng mai để đi đâu hay làm gì, thì thường tâm “đánh thức” ta dậy đúng vào giờ đó). Như vậy, bây giờ bạn hãy lập trình tâm mình: “Bây giờ là lúc quan sát giây phút hiện tại. Hãy ở trong giây phút hiện tại. Hãy ở trong giây phút hiện tại”. Đó là tất cả những gì bạn cần làm. Rồi bạn để cho tâm tự làm việc.

Thêm một điều quan trọng là bạn phải hướng dẫn rõ ràng với người gác cổng rằng ai thì cho vào, ai thì không cho vào. Nếu chỉ đưa danh sách khách mời chung chung thì chưa đủ. Nếu người gác cổng [sự chánh niệm] không có danh sách những ai không được vào, thì anh ta dễ bị lầm lẫn.

(Trích tác phẩm: Thiền Theo Cách Phật Dạy
Sẽ Đi Đến Giải Thoát)
Nguyên tác: Thiền Sư Ajahn Brahm
Người dịch: Lê Kim Kha

¹ Hòa thượng Thích Thanh Từ của Thiền Tông Việt Nam thường gọi cái này “cái biết” hay “người biết”. Đây không phải là cái “ta” hay “ngã” vốn chỉ là giả danh.



Danh Tăng Việt Nam Sinh Vào Năm Tý

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

Thiền sư PHÁP THUẬN (Bính Tý 918): Thiền sư đời Tiền Lê, thuộc dòng thiền Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi, không rõ gốc gác quê quán và tên thật, chỉ biết rằng Sư họ Đỗ, xuất gia từ thuở nhỏ ở chùa Cổ Sơn (Thanh Hóa), sau theo học đạo



Thiền sư Phù Trì ở chùa Long Thọ, nổi tiếng là uyên thâm đức độ. Tương truyền rằng chính Sư đã dùng nghệ thuật phù sấm, làm cố vấn giúp vua Lê Đại Hành nắm quyền bính, dẹp yên được hỗn loạn trong triều cuối đời nhà Đinh, được vua Lê vô cùng trọng vọng. Năm 990 niên hiệu Hưng Thống thứ 2, Sư không bệnh mà viên tịch, thọ 76 tuổi, để lại cho đời các tác phẩm: “Bồ Tát sám hối văn”, “Thơ tiếp Lý Giác”, và một bài kệ.

Thiền sư ĐẠI XÁ (Canh Tý 1120): Thiền sư thuộc thế hệ thứ 10 dòng thiền Vô Ngôn Thông, nổi tiếng vào thời nhà Lý. Thế danh không rõ, chỉ biết Sư mang họ Hứa, quê ở phường Đông Tác (Thăng Long), xuất gia từ thuở nhỏ, theo học Thiền sư Đạo Huệ, chuyên tâm trì tụng kinh Hoa Nghiêm và Đà-la-ni của

Bồ tát Phổ Hiền. Sư thường xóa tóc quên ăn, đi ở bất định, được các bậc vương công như Kiến Ninh Vương, và Thiên Cực Công Chúa (con gái vua Lý Anh Tông) tôn làm bậc thầy. Sư từng dựng chùa ở gò Hồ Nham núi Tuyên Minh để giáo hóa độ sanh, có rất đông học trò theo học đạo. Tục truyền rằng có vị thiền tăng nước Tống là Nham Ông cảm mộ danh tiếng của Sư mà lặn lội đường xa tìm đến thỉnh vấn, rồi tự chặt một ngón tay dâng lên để tỏ lòng thành. Vào ngày mồng 5 tháng 2 niên hiệu Trinh Phù thứ 5 đời Lý Cao Tông (1180), Sư đọc 2 bài kệ cho chúng đệ tử nghe, rồi viên tịch vào lúc canh năm, thọ 61 tuổi.

Thiền sư NGUYỄN THIỀU (Bính Tý 1636): Sư họ Tạ, pháp danh Nguyễn Thiều, hiệu Hoán Bích, quê quán ở Triều Châu (Quảng Đông- Trung Quốc), thuộc đời pháp 13 dòng thiền Lâm Tế. Sư xuất gia năm lên 10 tuổi, thọ giới với Hòa thượng Khoáng Viên ở chùa Báo



Tự. Đời chúa Nguyễn Phúc Tần (1665), theo tàu buôn sang Việt Nam, Sư đến trú ở Quỳnh Ninh (Bình Định) rồi lập nên chùa Thập Tháp Di Đà, mở trường dạy giáo lý.

Sau, Sư ra Thuận Hóa lập chùa Hà Trung, lên Xuân Kinh- Huế lập chùa Quốc Ân và dựng tháp Phổ Đồng. Đến đời chúa Nguyễn Phúc Chu, Sư phụng mệnh sang Trung Quốc để tìm mời các vị danh tăng như Hòa thượng Thạch Liêm (tác giả cuốn sách “Hải ngoại ký sự”) cùng các Hòa thượng Minh Hoằng, Từ Dung sang Việt Nam giảng pháp... Sư cũng mang về cho nước nhà được nhiều Kinh điển, cũng như Pháp tượng- Pháp khí. Năm Ất Mùi 1715, Sư viên tịch, thọ 79 tuổi, được an táng trong khuôn viên chùa Quốc Ân (Huế) và được truy tặng là Hạnh Đoan Thiền Sư.

Thiền sư NHƯ TRỪNG (Bính Tý 1696): Sư xuất thân là một vương công họ Trịnh, sinh quán ở Thanh Hóa, con của Tấn Quang Vương, thế danh là Trịnh Thập, tự Lâm Giác, hiệu là Cứu Sinh Thượng Sĩ, pháp hiệu Như Như. Khi tuổi vừa trưởng thành, được vua Lê Hy Tông gả cho con gái thứ tư, gia đình ra ở riêng tại tư dinh thuộc phường Bạch Mai, huyện Thọ Xương. Phía sau tư dinh có một cái gò cao, một hôm ông cho người đào ao trên gò để thả cá vàng, khi đào sâu xuống thì thấy một cành sen lớn, cho đó là điềm lạ, liền cho “cải gia vi tự”, đặt tên chùa là Ly Trần Viện (sau đổi là Liên Tông Tự). Từ đó, Sư bắt đầu ăn chay niệm Phật, tham thiền nhập định. Khi được vua cho phép xuất gia, Sư lên núi Yên Tử làm lễ bái sư với thiền sư Chân Nguyên tại chùa Long Động, đến khi đắc pháp thì Sư trở về lại Ly Trần Viện. Sau này, Sư còn lập thêm chùa Hộ Quốc ở vùng An Xá cùng huyện, và cả chùa Hàm Long ở Quế Dương (Bắc Ninh). Sư từ bỏ cõi trần vào năm 1733, khi ấy mới 37 tuổi.

Thiền sư MINH VI MẬT HẠNH (Mậu Tý 1828): Sư quê quán không rõ, húy Minh Vi, thuộc đời thứ 38 dòng thiền Lâm Tế, thọ giới quy y với Hòa thượng Tiên Giác Hải Tịnh tại chùa Giác Lâm ở xã Phú Thọ- huyện Tân Bình- dinh Phiên Trấn (thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Năm 1852, Sư được Hòa thượng Tiên Giác Hải Tịnh cử làm trụ trì chùa Giác Viên, có nhiệm vụ “ứng phú” cho chùa Giác Lâm vốn chỉ chuyên lo việc giáo pháp, không tiếp xúc

với Phật tử. Năm Quý Tỵ 1839, nhận thấy sức khỏe suy yếu, Sư trao quyền trụ trì chùa Giác Viên cho sư đệ là Thiền sư Hoằng Ân, rồi nhập thất tu thiền. Đến giờ Thìn ngày 14 tháng 11 năm Mậu Tuất 1898, Sư quy tịch tại chùa Giác Lâm, thọ 71 tuổi.

Thiền sư THANH HẠNH (Canh Tý 1840): Sư quê quán ở làng Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội), thế danh Nguyễn Thanh Đàm, pháp danh Thanh Hạnh. Sư xuất gia năm lên 10 tuổi, tu học tại chùa Hòe Nhại, đến năm 1958 được gửi về Tổ đình Vĩnh Nghiêm (được xây dựng ở kinh đô Thăng Long từ đầu thế kỷ XI đời Lý Thái Tổ) thọ giáo với Thiền sư Tâm Viên, trở thành một vị Tỳ-kheo rường cột của Tổ đình. Năm 1900, kể từ khi Sư được cung thỉnh làm trụ trì Tổ đình, thay cho Hòa thượng Thanh Huyền đã viên tịch, Tổ đình ngày càng được khuếch trương lớn mạnh trở thành một ngôi chùa lớn tiếng thơm lan tỏa trong công cuộc hoằng dương Phật pháp, nên Sư được xưng tụng là Sư Tổ Vĩnh Nghiêm. Chính vì vậy mà sau năm 1954, một số Phật tử ở miền Bắc di cư vào Nam đã xây dựng tại Sài Gòn một ngôi đại tự lấy tên là Vĩnh Nghiêm (nằm trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa ngày nay), làm trụ sở hành đạo cho Phật tử thuộc Miền Vĩnh Nghiêm. Thiền sư Thanh Hạnh viên tịch vào năm 1936, thọ 96 tuổi.

Thiền sư TỪ PHONG (Giáp Tý-1864): Thiền sư quê ở huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định,

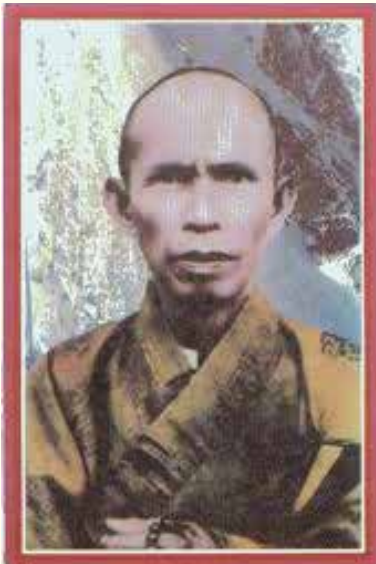


thế danh Nguyễn Văn Tờn, xuất thân từ một gia đình nông dân chất phác. Năm 16 tuổi, chàng thanh niên tên Tường bỏ nhà lên



chùa xin thể phát quy y, thọ giới với Thiền sư Minh Đạt. Một thời gian sau, khi đã thông hiểu kinh sách, Sư xuống chùa Giác Viên xin thọ giáo với Thiền sư Minh Khiêm Hoằng Ân, được ban pháp danh là Từ Phong, húy Như Nhãn. Năm 1887, một phật tử ở Tân Hòa Đông (Phú Lâm) phát tâm bồ đề xây dựng xong cả một ngôi chùa, rồi triệu thỉnh Thiền sư Hoằng Ân về trụ trì để truyền bá chánh pháp. Thiền sư Hoằng Ân đặt tên chùa là Giác Hải, cử Sư về trụ trì chùa này. Từ năm 1920 đến 1925, Thiền sư Từ Phong đã xây dựng nên ngôi chùa Thiền Lâm ở thôn Gò Kén gần tỉnh Tây Ninh, chính ngôi chùa này là nơi đạo Cao Đài đã xin sư cho phép họ đến tạm trú trong khi chờ đợi xây dựng xong Thánh Thất ở Long Hoa Tây Ninh. Sư tuy học vấn không uyên thâm nhưng đạo hạnh cao sáng, tinh tấn, nhiệt tâm góp công rất lớn trong công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ. Năm 1938, Sư viên tịch tại chùa Thiền Lâm, thọ 74 tuổi, được đồ chúng lập tháp thờ tại 2 chùa Giác Hải và Thiền Lâm.

Hòa thượng KHÁNH HÒA (Bính Tý 1876): Sư họ Lê, thế danh không rõ, pháp danh Như Trí, pháp hiệu Khánh Hòa, nên thường được gọi là Hòa thượng Khánh Hòa, quê ở huyện Ba Tri-tỉnh Bến Tre. Thuở nhỏ Sư có theo học cụ Đồ Chiểu, đến năm 16 tuổi thì xuất gia thọ giáo Hòa thượng Long Triều tại chùa Kim Cang (Tân An- Long An). Sư từng được An Nam Phật Học Hội mời đến giảng kinh tại các chùa ở Long Khánh, Bình Định... và có mối thâm giao với cụ Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Bác Hồ). Năm 1930, sau nhiều năm đi vận động chấn hưng Phật giáo nước nhà, Sư cùng các Hòa thượng



và cư sĩ khác đứng ra thành lập Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội, xuất bản tạp chí Từ Bi Âm tại chùa Linh Sơn ở Sài Gòn. Ba năm sau, Sư cùng là một trong những người đứng ra thành lập Lương Xuyên Phật Học Hội tại Trà Vinh, xuất bản tạp chí Duy Tân Phật Học, đào tạo được nhiều danh tăng cho Phật giáo Việt Nam. Sư mất tại chùa Tuyền Linh (Bến Tre) vào năm 1947, được an táng tại đó, thọ 71 tuổi.

Hòa thượng THÍCH HUỆ QUANG (Mậu Tý 1888): Sư quê quán ở huyện Ô Môn- tỉnh Cần Thơ, thế danh Nguyễn Văn An, pháp hiệu Huệ Quang, tự Thiên Hải. Sư xuất gia năm 1902 (14 tuổi) tu học tại chùa Long Thành (Trà Vinh), về sau trụ trì chùa Long Hòa. Trong khoảng thời gian 10 năm (từ 1919 - 1929), Sư đã cùng các



vị Hòa thượng Khánh Hòa, Pháp Hải, Khánh Anh vận động và thành lập Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học Hội, xuất bản tạp chí Từ Bi Âm tại chùa Linh Sơn ở Sài Gòn. Cũng từ đó, Sư làm Giảng sư kiêm Tổng lý Hội Lương Xuyên Phật Học tại Nam Kỳ. Năm 1945, Sư làm

Chủ tịch Hội Phật giáo Cứu quốc tại Miền Tây Nam Bộ. Năm 1953, Sư được Giáo hội Tăng già Việt Nam suy tôn làm Pháp chủ Giáo hội. Sau năm 1954, Sư tham gia các tổ chức vận động hòa bình, cơ sở đặt tại chùa Phật Quang ở Chợ Lớn- Sài Gòn. Năm 1956, Sư được suy cử chức Phó Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam (Miền Nam), cùng lúc làm Chủ nhiệm Tập San Phật Giáo. Vào năm 1956, khi đi dự Hội nghị Phật giáo Thế giới tại Nepal, trên đường trở về ghé thăm Ấn Độ, Sư lâm trọng bệnh mà mất tại bệnh viện Willintong ở New Delhi (ngày 03-12), thọ 69 tuổi, được an táng tại vườn chùa A-Dục, cho đến năm 1964 thì được hỏa táng, hài cốt rước về quê hương.

Thiền sư MẬT THỂ (Nhâm Tý 1912): Sư có nguyên quán ở Tổng Sơn-Thanh Hóa, sinh quán tại huyện Hương Thủy- tỉnh Thừa Thiên, thế danh Nguyễn Hữu Kê, pháp danh Tâm Nhất, pháp hiệu Mật Thể. Sư xuất gia năm 12 tuổi, tu học tại chùa Diệu Hi (Huế). Từ đó, Sư học qua các Thiền viện lớn ở Huế và nổi danh là một học tăng thông minh, được đặc cách theo học lớp Cao đẳng Phật học tại Thiền Viện Trúc Lâm, Tây Thiên khi tuổi chưa trưởng thành. Năm 1935, Sư được sang Trung Quốc tu học tại Phật học viện Tiêu Sơn. Năm 1941 Sư giảng dạy tại Phật học đường Lương Xuyên (Trà Vinh). Sau, Sư được cử làm trụ trì chùa



Phổ Quang ở Huế, vừa tu vừa giảng dạy, đồng thời trước tác được công trình “Việt Nam Phật Giáo Sử Lược”- một công trình được xem là sớm nhất về lịch sử Phật giáo nước nhà. Sư từng tham gia 9 năm kháng chiến chống Pháp trên

cương vị một tăng sĩ, từng làm Đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Phật giáo Cứu quốc tỉnh Thừa Thiên, cho đến khi hòa bình lập lại thì về sống tại Nghệ An. Trong thời gian này, Sư đã hoàn thành tác phẩm “Thế giới quan Phật giáo”. Năm 1961, Sư thanh thản đi về cõi Phật khi được 50 tuổi.

Sư Cô DIỆU QUANG (Bính Tý 1936): Sư cô quê ở huyện Hương Thủy- tỉnh Thừa Thiên, thế danh Ngô Thị Thu Minh, pháp danh Diệu Quang. Khi còn là nữ sinh Trung học, vì mộ đạo Phật cô đã phát nguyện tu học Chánh pháp. Đến khi tốt nghiệp trường Sư phạm



Nha Trang, cô xin xuất gia quy y thọ giới với Ni sư Diệu Hoa ở Vạn Thạnh Ni Tự - Thành phố Nha Trang. Vào ngày 15 tháng 8 năm 1963, để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, Sư cô đã tự thiêu tại Ninh Hòa, hưởng dương 27 tuổi. Hiện nay ở Thành phố Hồ Chí Minh có chùa Diệu Quang và ở Thành phố Nha Trang có Ni viện lớn mang tên của vị Thánh Tử Vi Đạo này.

Đặc biệt, ngoài danh sách những vị thiền sư, danh tăng kể trên, có một nhân vật lịch sử không hề xuất gia đầu Phật, nhưng vẫn được kính sách Phật giáo nước nhà nhắc đến như một vị danh tăng đã đóng góp rất nhiều trong công cuộc hoằng dương Chánh pháp, xin giới thiệu đó là:

LÝ PHẬT MÃ (Canh Tý 1000): Tên húy là Đức Chính, quê ở Châu Cổ Pháp (Bắc Ninh), nổi ngôi vua cha là Lý Thái Tổ, lấy hiệu là Lý



Thái Tông khi 28 tuổi. Ông là vị vua thông minh, có tài trị nước an dân, mở mang văn hóa, mang lại một thời thái bình thịnh vượng. Ông rất sùng thượng và am hiểu Phật giáo, ưu đãi tăng đạo, từng cho dựng hàng loạt 150 sở quán, xây tự viện Từ Thị Thiên Phúc ở núi Tiên Du, thường lên núi ấy để vào tự viện tham vấn những yếu chỉ của đạo Thiền với Thiền sư Thiền Lão. Ông có để lại một bài thơ nổi tiếng “Truy tán Thiền sư Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi” (Sư tổ khởi đầu Thiền tông nước Nam), và bài “Thị chư Thiền Lão tham vấn Thiền chỉ”. Năm 1054, ở ngôi được 26 năm thì ông mất, hưởng dương 54 tuổi.

Chùm thơ Lục Bát

của Phan Xuân Thiện

BÂNG KHUÂNG

Vẫn là cái giậu mồng tơi
Mẹ phơi áo mốc tóc người như mây
Nhọc nhằn đời có nào hay
Thời gian rụng xuống trắng đầy chung quanh

MỘT NGÀY VỚI MẸ SÁNG

Nghe con sóc gọi bờ tre
Bước đi theo Mẹ ra hè hái rau
Tập tàng canh có gì đâu
Tha phương quay quắt ngọn rau quê nhà

TRƯA

Mẹ ra đảo mẹt cau khô
Nắng như trút lửa đổ xô xuống người
“Dành khi trái gió trở trời
Mang cho chòm xóm nhai chơi đỡ buồn”

CHIỀU

Triền sông bìm bịp kêu vang
Xa xanh cò trắng giăng hàng bay qua
Mẹ nhen bếp lửa trong nhà
Khói lam lên lẫn mây xa ấm trời

TỐI

Cuốc kêu ngoài bãi ven sông
Vườn sau cú rúc khổng không giữa trời
Mẹ ngồi lặng lẽ không lời
Có gì trong cõi xa xôi cháy lòng

VAY VÀ MƯỢN

Con vay cửa Phật hồi chuông
Để đêm đêm thở nỗi buồn tan đi
Con mượn lòng Mẹ từ bi
Trăm năm soi rọi đường đi ngõ về.

Những Ngày Xuân Lạc

Tháng 10 năm 1945 - Tâm Tấn

Thăm thăm từng nhà bận áo xanh,
Vườn ngời sắc lục kín bao quanh,
Ven đường đi lá xây im bóng,
Cây dựa vào cây chắn lũy thành.

Ngày ngập màu xanh nắng cũng xanh
Trời đây dịu dịu gió êm lành.
Hoa hiền hậu nép duyên trong lá,
Vườn hợp hồn cây quả chuyển cành.

Tơ nhện giăng tròn trong cỏ vương
Nạ từng châu sáng buổi tinh sương
Nắng đòi chiếu tựa pha lê ánh
Trắng lè làm chi giữa bụi đường!

Nước lành lòng mây dựa ý trời,
Ruộng đồng nhuần thấm những mưa rơi.
Đường đi sấp dềo lồi chân bước
Đất luyến người chi chẳng muốn rời.

Có những đêm vàng trăng giải phong
Sân vườn tựa vẻ gấm in bông.
Lá cành linh động muôn hình thức,
Trắng thấp đèn Tiên gió họa Rồng.

Gió lành rao lời của núi sâu
Khắp vườn cây lá bỗng rộn rạo;
Cờ trời rắng đỏ như son đậm,
Tượng núi miền xa lặng đứng châu.

Những chiều nắng ngả lưới đêm gieo
Làm dậy hồn sao ý thánh triều:
Đom đóm soi đèn ban ánh sáng
Sao vàng lấp lánh giữa đêm thâu.

Xuân Lạc bình yên, tôi tới đây
Hồn vui quán trọ buổi thơ ngây:
Ít buồn thoang thoảng pha thêm vị,
Biến giữa tình quê, nhạt với mây.

Tạm lánh phồn hoa - theo ý tôi
Nơi nhiều ghét sướng với ganh vui
Về đây ngắm rõ giang sơn rộng,
Xét gió đồng quê nghiệm tiết trời.

Những khóm dừa xanh trĩu quả tơ
Uống dừa... như uống một bài thơ!
Tay trời chuốt gọt tinh vi quá,
Nước mát như lòng trong trắng mơ.

Những trái bồ quân ngọt chín cây
Đậm đà hơn quả giống nho tây.
Mía vườn giải khát, cam vàng dịu
Mít nứt mùi thơm, quýt thắm hây.

Bình dị tâm hồn nếm thú quê,
Tôi gần như sống giữa say mê.
Chỉ e "bài tính" danh, tài, lợi
Làm rộn hồn tôi lúc trở về.

Hoa Huệ Mùa Xuân

Nha Trang
Xuân Mậu Tuất 1958 - Tâm Tấn

Huệ tươi thanh khiết sắc hương
Cánh phôi bạch ngọc, nhụy vương kim đài.
Diễm kiều nữ- chúa trên ngai,
Lan khôn sánh dáng, hồn Mai đẹp nhường.
Gió xuân ngào ngạt thanh hương,
Thông xinh nhón gót ngoài tường ngấm vô.
Đắm say liễu biếc ngâm thơ,
Ngoài sân khóm trúc gần ngơ sắc Kiều.
Hôm qua đẹp biết bao nhiêu!
Áng trầm xuân tỏa cao siêu thoát trần.
Đũa tiên cành mướt thanh tân,
Song song sắc ngọc, phân phân đài vàng.
Yêu kiều dáng quý đoan trang
Độc bình kính để lên bàn Từ Bi.
Cúc kiều, Hường đóm phân bì
Phù Dung khép nép, Trà Mi giật mình.

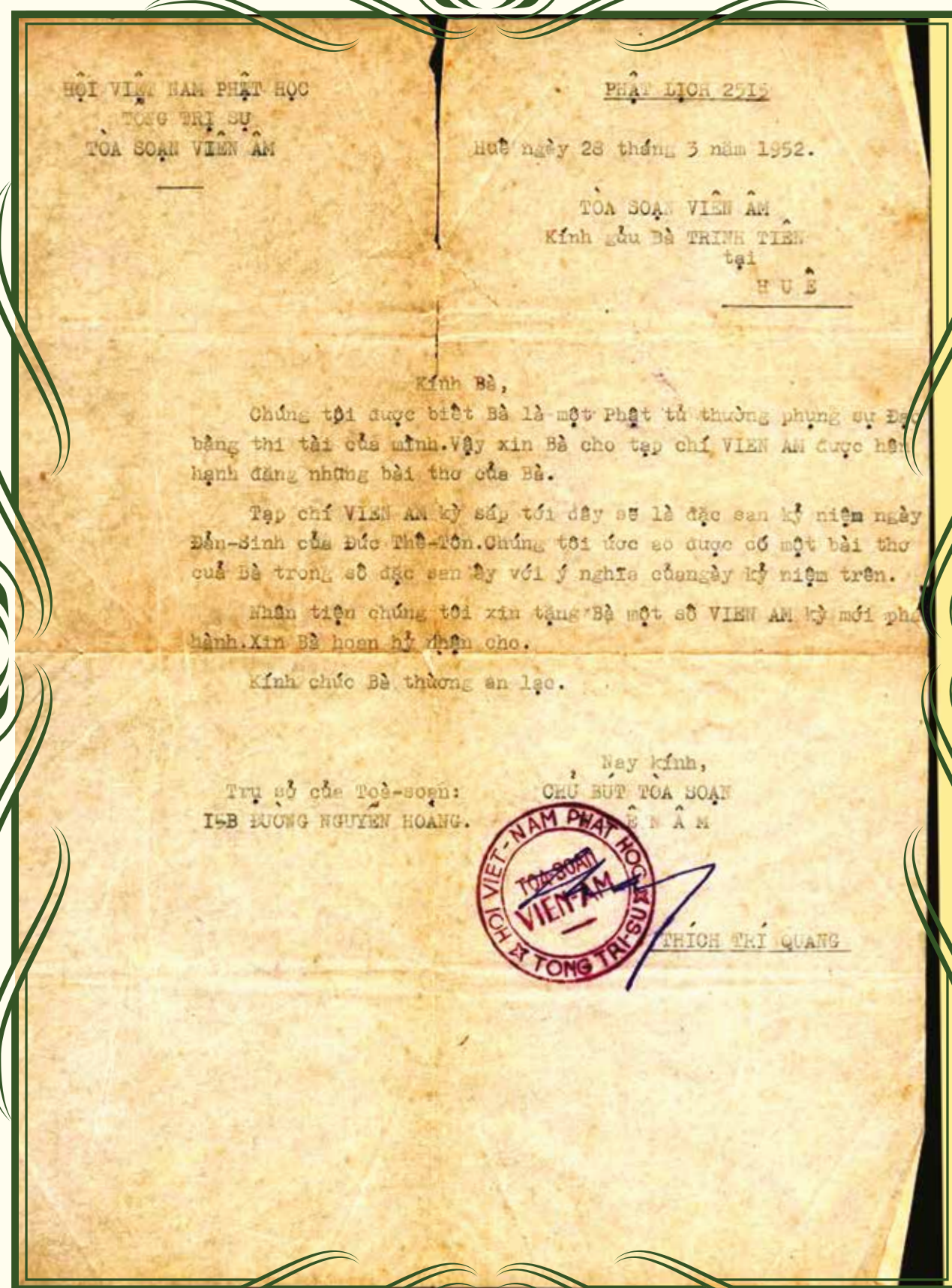
Phật Pháp Trường Tồn

Thơ UẤT KIM HƯƠNG

Hè nhau bóng bổ chốn thiền môn
Kẻ xướng người hô phang dập dồn
Bắt bóng toang mồm rao báo nóng
Trông hình ngoác mỏ động làng ồn
Ghen ăn xúc xiêm đề tâm tốt
Tức ở gièm pha thổi tiếng đồn
Chánh pháp Từ Bi hằng bất biến
Tha hồ ác khẩu với ngoa ngôn!

Tha hồ ác khẩu với ngoa ngôn
Cú đấm không chừng hóa nộ hôn
Đứng chỗ vô minh khen quá thú
Ngồi nơi độc hiểm tán cô hồn
Niềm tin lỏng chỏng hoa thành rác
Trí tuệ mù mờ phổ hóa thôn
Chớ vội theo hòa mang nghiệp dữ
Thiên lương Phật Pháp vẫn trường tồn!

Thiên lương Phật Pháp vẫn trường tồn
Ác kiến tà tâm mau lấp chôn
Giậu đẹp cào bươi vùi xuống hố
Bùn tanh bới mức đắp lên cồn
Ân tình chẳng kể mà quy ngưỡng
Phẩm hạnh không màng để kính tôn
Sám hối trần căn tiêu nghiệp chướng
Sân Si giữ bỏ nhẹ tâm hồn!



Tìm Được Một Bức Thư Xưa Quý Giá



Mưa dầm dề suốt đêm đến sáng...

Giờ vẫn đang lắt rắt rỉ rả một điệu buồn như đang dọn đường cho cây bão Nakri đang còn lừ đừ tiến vô đất liền...

Vừa thọ tang Đại lão Hòa thượng Thích Như Ý ở Linh Sơn Pháp Bảo Tự xong, thì nhận tiếp tin đại tang từ Huế, quê cha đất tổ...

Bó chân ru rú trong nhà, nên rảnh tay, ngồi lục soạn cả học tử thư từ hình ảnh xưa cũ mà Mẹ giao cho lưu giữ. Tìm ra rồi!

Đây là phong thư được đánh máy, gửi từ Nguyệt San Viên Âm - cơ quan hoằng pháp của Hội Việt Nam Phật học, trụ sở Tổng Trị Sự tại 15B đường Nguyễn Hoàng, Huế - đến Thi sĩ Trinh Tiên, tức Nữ sĩ Tâm Tấn, mẫu thân của tôi.

Bức thư đề ngày 28 tháng 3 năm 1952. Nội dung:

“Kính Bà,

Chúng tôi được biết Bà là một Phật tử thường phụng sự Đạo bằng thi tài của mình. Vậy xin Bà cho Tạp chí VIÊN ÂM được hân hạnh đăng những bài thơ của Bà.

Tạp chí Viên Âm kỳ sắp tới đây sẽ là đặc san kỷ niệm ngày Đản-sinh của Đức Thế Tôn. Chúng tôi ước ao được có một bài thơ của Bà trong số đặc san ấy với ý nghĩa của ngày kỷ niệm trên.

Nhân tiện chúng tôi xin tặng Bà một số Viên Âm kỳ mới phát hành. Xin Bà hoan hỷ nhận cho.

Kính chúc Bà thường an lạc.

Nay kính,

Chủ bút Tòa soạn Viên Âm

Thích Trí Quang.”

Ngoài bì thư còn có dòng chữ “c/o ông Bửu Đáo”, là nhờ phụ thân tôi chuyển hộ. Từ 10 năm trước, tôi đã kính cẩn nhận lấy những kỷ vật vô giá mà Mẹ đã tin tưởng trao quyền gìn giữ, với rất nhiều thư từ xưa cũ lưu thủ bút của chư Tăng Ni thạch đức, trong đó có bức thư đánh máy này, tuy chỉ lưu được nội dung và chữ ký, nhưng vô cùng quý báu vì đây là kỷ vật của bậc danh tăng lịch sử nước nhà vừa cao đẳng Phật quốc: Trưởng lão Hòa thượng thượng Trí hạ Quang!

Tâm Không – Vĩnh Hữu

Nương Bóng Bồ Đề

Tâm Không - Vĩnh Hữu

Ừ, ta nương bóng bồ đề
Nửa đời lúi cúi
Đi, về choáng say
Mơ ngày vào chợ thống tay
Hôm nay khóc mướt
Ngày mai cười trừ
Bồ đề nương bóng ta ừ
Thong dong kiếm bạc
Từ từ tìm cơm
Ngày ra phố xá lợn tợn
Khuya tìm câu cú thả hồn thi ca
Bồ đề chỗ dựa lưng ta
Một mai bật ngửa
Chén trà nhâm nhi.

Bước đi dưới Ánh Đạo Vàng
Liễn hoa thơm ngát
Trướng màn động lay
Khung hình cung kính trên tay
Tìm ai, ai mất
Tìm Thầy, Thầy đi...
Bước chân dè dặt
Gối quỳ
Tâm tư trĩu nặng nổi ly biệt buồn
Trong ngoài thoang thoảng trầm hương
Mắt cay cay trước lễ đường trang nghiêm
Từ trong tâm thức im lìm
Lặng nghe tiếng hạc bay đêm vút trời
Bước hoài chỉ thấy chơi vơi
Bên chuông mặc niệm
Cất lời vô âm
Vô thượng diệu pháp thậm thâm

Qua Lễ Đường

Tâm Không - Vĩnh Hữu

Văn thơ ai điệu
Tiếng ngâm vọng dài
Hương nhìn hải giác thiên nhai
Bóng Từ lồng lộng
Dáng Thầy lung linh
Trên tay kính cẩn khung hình
Tìm ta
Ta đứng
Lặng thinh
Cúi đầu...

Từ Đường Mong Một Tết

Thơ Hồng Mẫu Đơn

Tân niên
Mong Một
Sum vầy
Rộn ràng rộn rã
Tràn đầy yêu thương
Mầm măng
Tre trúc
Tóc sương
Hân hoan tề tựu
Từ đường thiêng linh
Mẹ cười
Bà vẫn tươi xinh
Nụ cười của Cổ trải tình mệnh mang
Chúc nhau
Sức khỏe hơn Vàng
Hôn nhau
Năng lượng truyền loang ấm nồng
Hương trầm tưởng niệm tổ tông
Gia tiên để Phước cho con cháu nhà
Hương hoa, bánh trái, mứt trà...
Đầu năm sum họp
Chân hòa Niềm Vui.

Ừ Thì Tết Đến Xuân Sang

Thơ Hồng Mẫu Đơn

Ừ thì Tết đến Xuân sang
Ta ngồi nghinh đón
Mở toang cổng nhà
Dấu thêm một tuổi để già
Tâm còn tươi trẻ để mà cười vui
Ừ thì Tết nghỉ Xuân chơi
Ta đem duyên cũ chuyển đời về quê
Tươi cho Hoan Hỷ đầm đề
Bón vun ruộng Phước sum suê mẫn đường
Ừ thì Tết xả Xuân buông
Nhẹ nhàng thư thái tiễn buồn phiền đi
Thiền ca bất khả tư nghi
Nghêu ngao hát khúc vỗ tay quây chèo
Ừ thì Tết gọi Xuân reo
Nhà quê thanh vắng nằm khoèo tĩnh yên
Ta nghe tiếng gọi thiện hiền
Bài thơ khai bút tân niên tươm dòng
Ừ thì Tết chẳng ngồi không
Thơ gieo đầu ngón hương nồng nàn xuân
Lời thương, nhĩa ngữ chúc mừng
Chúc ta năm mới từng bừng thi văn
Ừ thì Tết đến Xuân sang...



Vườn Xuân

TRẦN VĨNH THỊNH

Qua đi những ngày đông ảm đạm trong gió rét, sau rằm tháng chạp tiết trời bắt đầu dễ chịu, những cành mai già khẳng khiu với những lộc non đang trở màu xanh, báo hiệu một mùa xuân sắp đến. Mọi rộn ràng tất bật cho ngày Tết đã cận kề, bên mái chùa xưa những hàng cây chuẩn bị đâm chồi, cây Nêu ngày Tết cũng đã dựng lên khiến lòng hân hoan đến lạ. Đàn chim én từ xa cũng chao liệng trên bầu trời chớm nắng.

Ngày xuân, bỏ hết ưu phiền, bỏ hết mọi lo toan ngoài cánh cửa tam quan nhà chùa, rồi nhẹ nhàng từ tốn ta bước đi trên đất “già lam”, lắng nghe hơi thở của đất, hơi thở của vạn vật trong tiết thanh minh thật đẹp, thật lắng đọng. Ta nhẹ nhàng tha thẩn, buông bỏ buông bỏ thân tâm này để nhìn thấy cảnh hoa đang rung rinh cười, để nghe tiếng côn trùng đang ca hát, để lòng vui như trẻ hỡi khi thấy xuân về. Xuân là Tết đoàn viên, là dịp gặp gỡ gia đình, gặp gỡ tình thầy trò bạn đạo, về đây “ôn cố tri tân” nhắc lại chuyện xưa cũ, nhắc về thầy- vị bốn sư tôn kính quá cố. Nhớ lắm những tháng năm xưa, khi bóng người chưa khuất, tiếng cười rộn rã nhìn đám hậu học, thầy vui nhưng lòng cũng luôn lo lắng sợ rằng các trò của mình “còn dại”. Nhắc đến thầy, để thấy niềm tin tưởng thầy gởi gắm đến nay đã viên mãn, lời nguyện cầu cho thầy, cho anh em, cho phật tử... cũng là niềm vui chung trong một năm mới. Thời gian- con tạo xoay

vần, đông đi xuân đến, tiếng vô thường cũng văng vẳng bên tai, khiến con người ta phải sống tiếp cuộc sống này, sống như ngày mai mình chết, dâng hiến tận cùng vì một cuộc sống đẹp tươi, hạnh phúc cho nhân sinh.

Ngoài kia, mai nở đào hồng phai, vườn chùa muôn hoa khoe sắc, lời kinh vang vọng như nguyện ước về một mùa xuân an vui, một đời người hạnh lạc. Biết bao mùa xuân nữa qua đi, biết bao bước chân đã đến đã đi từ nơi đây, được thả hồn mình sâu lắng để nghe tiếng chuông khuya vọng về, hồi tưởng và hành trì những phép màu yêu thương, để sống tiếp, sống đẹp giữa muôn trùng xuân qua. Nhớ về những mùa xuân, nhớ về tình bạn đạo. Nhớ những mùa Tết đốt lửa quây quần nấu bánh chưng; nhớ những đêm giao thừa, những khoảnh khắc thiêng liêng; nhớ về những lời đạo từ ân cần qua giọng nói trầm ấm và tình cảm của bốn sư tôn kính.

Nhớ nhé, mùa xuân đã về, ta nhắc lại chuyện xưa cũ để thấy lòng mình ấm lại, bên những cây mai, cây đào, bên tình thầy trò bạn đạo giữa lời kinh tiếng kệ. Tự hứa với lòng sẽ tinh tấn hơn trong năm mới, sẽ gội rửa thân tâm để đón lời Pháp âm vi diệu của chư Phật, để mang hành trang ấy vào đời, ta đi giữa muôn vàn ngũ trước, cùng anh em xây dựng lòng từ tâm mãi mãi trong những mùa xuân sau.

Chùm thơ Đường luật

HT .Thích Thiện Thông

NIỀM XƯA!

(Tung Hoành Trục Khoán & Giao cổ đối)

Ở bến Vân Lâu ngắm nguyệt tà
ĐÂY dòng kỷ niệm những mùa qua
SƯƠNG cài ngõ ái làn sương nhạt
KHÓI phủ miền yêu vệt khói nhòa
MỜ tuổi xuân, đời đau phận hẩm
NHÂN sầu kiếp bạc, úa cành hoa
ẢNH xưa khắc đậm thời son trẻ
AI BIẾT TÌNH AI CÓ ĐẬM ĐÀ ?!

XUÂN HOAN HỖ

(Thủ nhất thanh)

Xuân vương cánh thiệp khế trao lời
Xuân chúc muôn nhà tết thanh thời
Xuân nối tình thương cùng góc bể
Xuân đan hạnh phúc khắp chân trời
Xuân thăm thì đạo cung tình đắm
Xuân lắng lơ diu mạch bút khơi
Xuân khứ Xuân hồi Xuân bất tận
Xuân hoan hỷ dệt áng thơ đời!

BỔN HOÀI!

Hội đủ nhân duyên hướng Phật đài
Chí thành đành lễ đấng Như Lai
Khơi nguồn tuệ giác ly trần nghiệp
Lấp nẻo vô minh nhập thánh tài
Tịnh cảnh quay đầu, tâm chữa lệch
Mê đồ tỉnh mộng, nguyện nào phai
Bờ kia phảng phất vầng trăng rạng
Nhẹ gánh trầm kha thỏa bổn hoài!

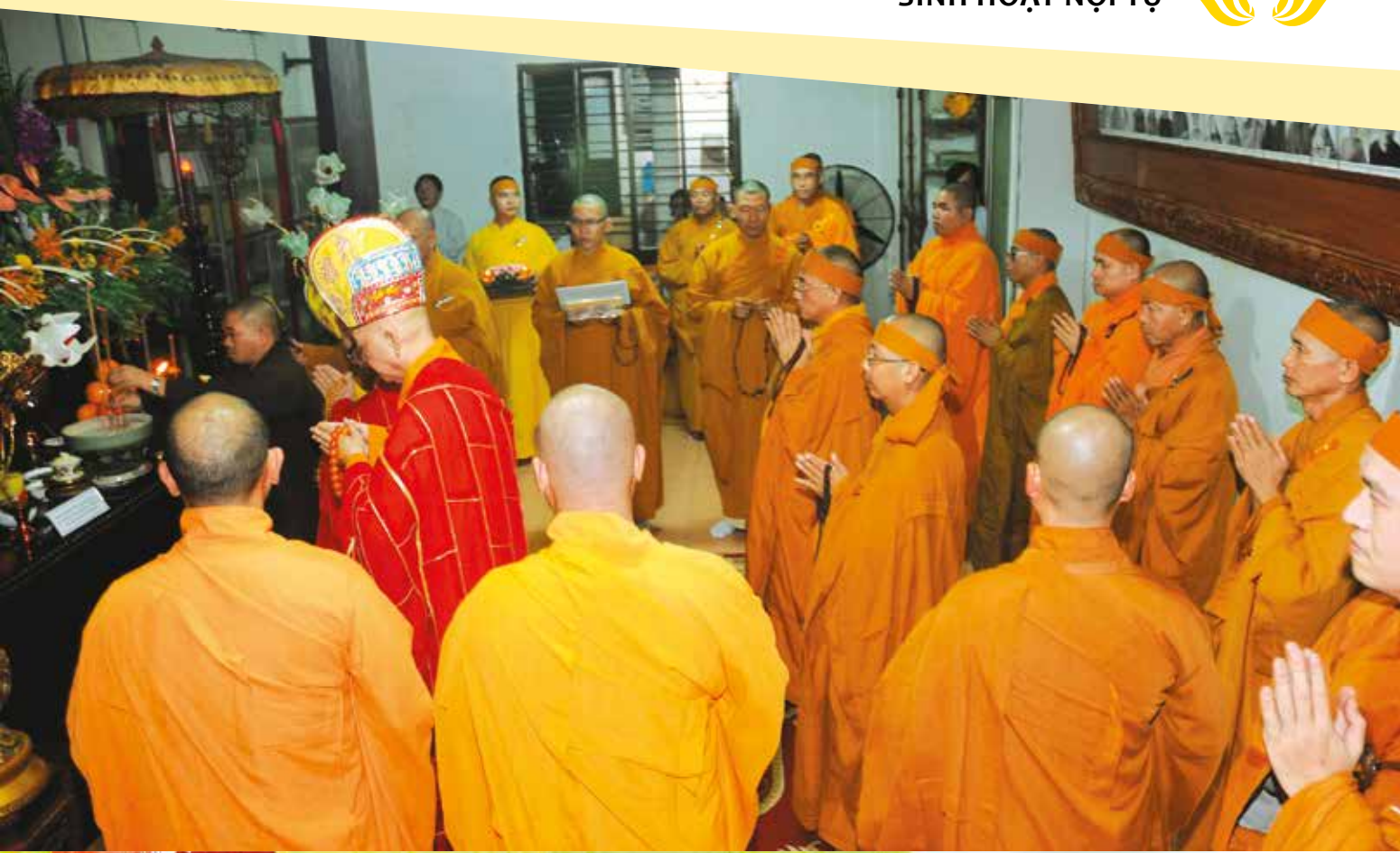


Huỷ kỵ hoà thượng khai sơn

Ngày 17 tháng 9 năm Kỷ Hợi

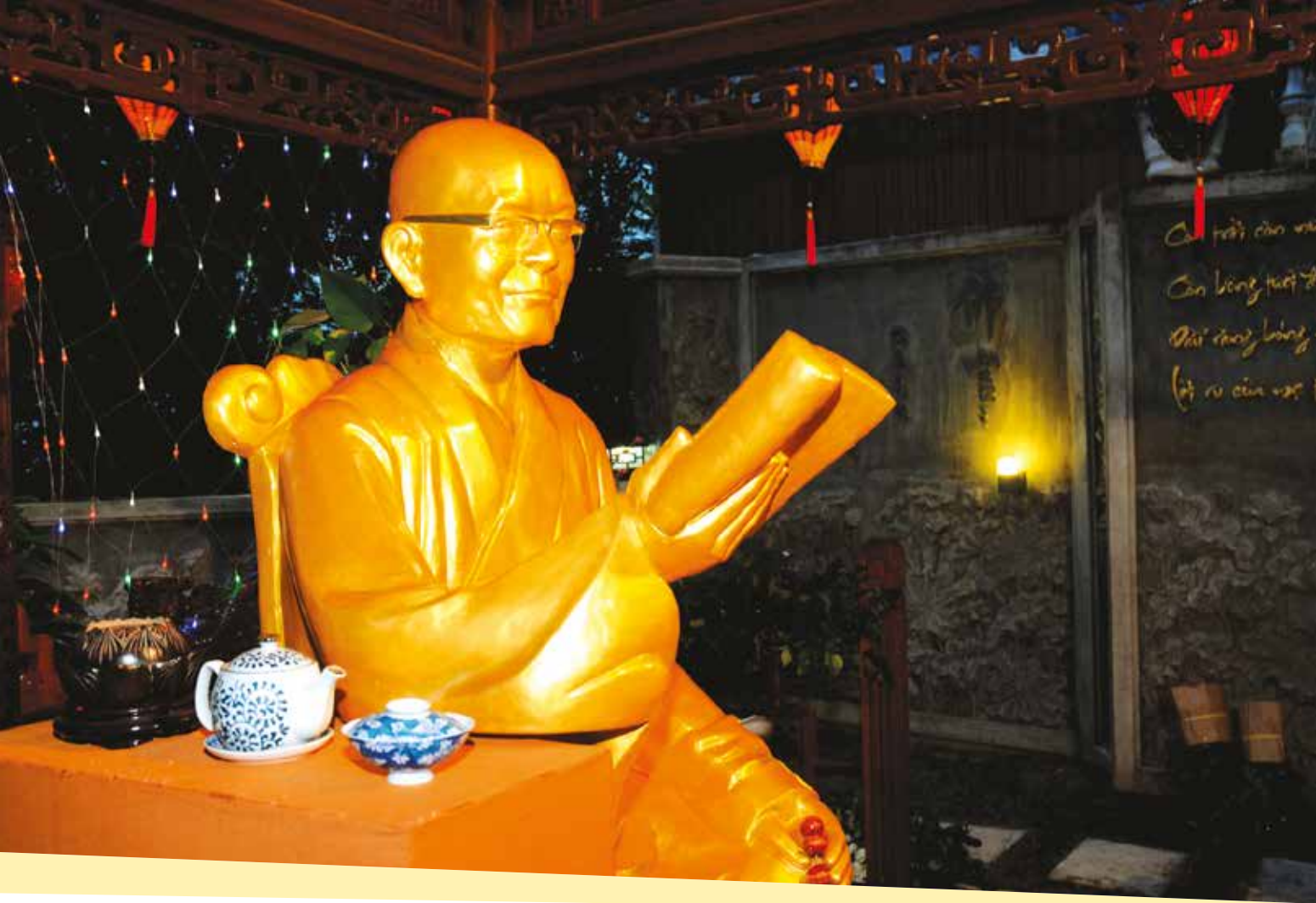






Đại tướng hòa thượng Thích trí Viên







Xây dựng chùa Kỳ Viên Khánh Phú





DANH SÁCH PHẬT TỬ ẨM TỔNG (11)

STT	PHƯƠNG DANH	PHÁP DANH	TỊNH TÀI
1	Quán chay Pháp Hỷ		1,000,000
2	Hồ Nhật Thanh Phương	Hữu Thảo	100,000
3	Bùi Thị Tuyết Minh	Nhuận Mẫn	100,000
4	Phạm Sỹ Phú +Phạm A Tuấn		500,000
5	Phạm Thị Nừng		100,000
6	Nguyễn Thị Thảo		100,000
7	Đỗ Thị Thao	Nhuận Đức	100,000
8	Lê Thị Ngọc Thúy	Tâm Ngọc	50,000
9	Trần Thị Mai Phương	Diệu Trí	200,000
10	Trần Thị Mai Thảo	Diệu Hiếu	200,000
11	Nguyễn Thị Vân		50,000
12	BS. Nguyễn Văn Xáng	Thiện Phước	5,000,000
13	Bác Sĩ Hồng		500,000
14	Bác Sĩ Thế		500,000
15	Ngô Thị Ngọc Thuận	Hữu Thảo	200,000
16	Phan Thị Hời		100,000
17	Trần Thị Hồng Loan	Ngọc Chí	200,000
18	Đặng Thị Nhng	Nguyên Hòa	100,000
19	Thùng ấn tổng		1,800,000
20	Phạm Lê	Minh Hoàng	200,000
21	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Trùng Hoa	1,000,000
22	Nguyễn Thị Phúc	Chúc Hậu	100,000
23	Ngô Thị Dậu	Như Hạnh	200,000
24	Thùng ấn tổng		1,710,000
25	Cựu Huỳnh trưởng Yến Phi	Long-Thọ	240,000
26	Đỗ Thị Thao		100,000
27	Phan Thị Sao	Thị Diệu	300,000

DANH SÁCH PHẬT TỬ ẨM TỔNG (11)

STT	PHƯƠNG DANH	PHÁP DANH	TỊNH TÀI
28	Lê Văn Dũng	Nguyên Trí	100,000
29	Nguyễn Thị Nhẫn	Nguyên Huệ	200,000
30	Nguyễn Kim Phượng	Nguyên Thảo	1,000,000
31	Nguyễn Thị Phong Thu	Thiên Liễu An	1,000,000
32	Nguyễn Thị Phúc	Chúc Hậu	100,000
33	Huỳnh Thị Liên		20,000
34	Hồ Thị Thu Trang		200,000
35	Huỳnh Thị Hương		100,000
36	Dương Ngọc Yến	Diệu Trang	100,000
37	Hồ Đăng Đào	Quảng Phước	100,000
38	Trần Văn Sáu	Nguyên Độ	50,000
39	Nguyễn Thị Kim Anh		100,000
40	Ngô Thị Nữ Việt	Nguyên Nhẫn	200,000
41	Lê Dũng	Hữu Trí	1,000,000
42	GĐPT Kỳ Viên		300,000
43	Ngân Hà		100,000
44	Nguyễn Thị Hồng Thảo		100,000
45	Dương Kiều Ngọc Tuyết	Nguyên Ngọc	200,000
46	Huỳnh Thị Lạc	Tâm Hòa	100,000
47	Nguyễn Thị Thủy	Thọ Trúc	200,000
48	Nguyễn Thị Huệ		50,000
49	Thiều Thị Gái	Nguyên Hà	100,000
50	Trần Cát Tường		500,000
51	Nguyễn Thị Đờ	Hữu Lâm	100,000
52	Nguyễn Thị Ngọc Trang	Ngọc Quý	500,000
53	Phan Trần Kim Duyên	Hữu Thiện	500,000
54	Gia đình Nguyên Bình		5,000,000
55	Hải Đường	Nguyên Nhật Quý	5,000,000

Lời Ban Biên Soạn

Tâm Thị số 39 ra mắt trong ngày thành đạo của đức Phật và đón mừng năm mới 2020 là một sự trùng phùng hữu ý. Ngay lúc bốn tự chuẩn bị nhạc hội mừng Đại lễ Đức Phật Thành Đạo, quý Phật tử đón nhận món quà ý nghĩa chuẩn bị cho những ngày đầu năm sắp đến. Trên tinh thần cầu thị, Tâm Thị các số gần đây đã có nhiều bài viết giá trị của chư tôn đức Tăng Ni gửi về. Đây là những chia sẻ cao quý, Tâm Thị và quý thiện hữu tri thức gặp nhau, trong tinh thần phụng sự chung. Bên cạnh đó, tập thể Ban biên soạn Tâm Thị, luôn tâm niệm phát huy tinh thần học hỏi, cải tiến nội dung và hình thức để mỗi ngày được thêm nhiều sự yêu mến của bạn đọc, đóng góp văn hóa đọc đến với đại chúng.

Trong công cuộc số hóa hiện nay, đã làm thay đổi lớn cục diện ý thức, sinh hoạt và rất nhiều vấn đề khác trong đời sống xã hội, tâm linh của con người. Sự phát triển lớn này, đang nằm trong tình trạng lợi bất cập hại. Một mặt làm cho thế giới hiểu và gần nhau hơn, mặt khác xung đột trong sự thiếu kiểm soát thông tin này, cũng dẫn đến rất nhiều hệ quả tiêu cực. Xã hội lại phát sinh nhiều căn bệnh mới, trong đó căn bệnh lớn là con người sống thời nay không thể thiếu môi trường “Mạng Internet”. Đôi khi, con người đi đến đâu mạng lưới internet không có, hoặc lý do gì đó, nhiều người giống như mạng sống của mình bị đứt. Đây là vấn nạn đại chúng cần phải quan tâm hết sức, bắt đầu từ trong gia đình của mình.

Tâm Thị 40, ra mắt vào trung tuần tháng 05/2020, kỷ niệm Ngày đức Phật đản sinh. Để có được nội dung phong phú, Ban biên soạn rất mong được sự đóng góp bài vở của chư tôn đức Tăng Ni và quý vị Phật tử xa gần, trước hết dâng lên cúng dường chư Phật, vẫn là một sự đóng góp trong công cuộc hoằng pháp thiết thực nhất.

Ban biên soạn Tâm Thị vô cùng biết ơn sự đóng góp bài vở, tinh tài của đại chúng để Tâm Thị mỗi ngày thêm chất lượng và phát triển dài lâu.

Kính cầu chúc Quý vị vô lượng an lành- Công việc hanh thông.



Thư từ, bài vở, liên hệ đến:

Ban Biên Soạn Tâm Thị

Chùa Kỳ Viên Trung Nghĩa

160. Sinh Trung- Nha Trang- Khánh Hòa

Hotline: 0898.129.421

Email: chuakyvientrungnghia@gmail.com

Facebook: kyvientrungnghia

www.chuakyvientrungnghia.com.vn